

VĂN-HÓA Á-CHÂU

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

TRẦN VIỆT SƠN

TÔ NAM

TRẦN KINH HÒA

Triết lý nhân bản Việt Nam.

Một khối liên kết Á châu có được không ?

Hồ Quý Ly với nhà Hồ.

Vài lời thương xác về một giai đoạn lịch sử Việt Nam : Dương đình Nghệ, Kiều công Tiên và Ngô Triều.

Và những bài :

Văn học miền Nam 1945 - 1950 : Lý văn Sâm (**THẾ PHONG**) — Hôn nhân Ấn độ, Trung hoa và Việt Nam thời cò (**HOÀI KIM YẾN**) — Điền sách : « Quốc học khái luận của Phó lệ Phức » — « Người yêu tôi khóc của Thế Viên » (**NGUYỄN ĐÌNH HÒA, ĐƯỜNG BÁ BỔN**) v. v...



VĂN-HÓA Á - CHÂU

CƠ-QUAN PHÁT-HUY VĂN-HÓA DÂN-TỘC, NGHIÊN-CỨU TINH-THẦN
Á-CHÂU VÀ DUNG-HỢP TƯ-TUỞNG ĐÔNG-TÂY

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC**

Thư-ký tòa-soạn : **LÊ - XUÂN - KHOA**

Tòa-soạn : 201 Lê-văn-Duyệt, Saigon — Điện-thoại : 24.655

Số 17

Tháng 8-1959

MỤC LỤC



	<i>Trang</i>
Triết lý nhân bản Việt Nam . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC . . . 1
Một khối liên kết Á - Châu có được chăng ?	TRẦN-VIỆT-SƠN 14
Hồ Quý Ly với nhà Hồ	TÔ-NAM NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM. 25
Hôn nhân qua các nền văn hóa : (V) Hôn nhân Ấn Độ, Trung Hoa, Việt nam thời cổ	HOAI-KIM-YẾN 39
Vài lời thương xác về một giai đoạn lịch sử Việt Nam : Dương đình Nghệ, Kiều công Tiễn và Ngô Triều	TRẦN-KINH-HÒA và HẢI-TIÊN 48
Văn học miền Nam : 1945-1950 : Lý văn Sâm (II)	THẾ-PHONG 63
Điền sách quốc tế : « Quốc học khái luận » của Phó lệ Phác	NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA. 78
Điền sách trong nước : « Người yêu khóc » thi phẩm của Thế Viên . .	ĐUỜNG-BÁ-BỒN 83
• Hoạt-động của Hội V.N.N.C.L L.V.H.Á.C . . .	89

TRIẾT-LÝ NHÂN-BẢN VIỆT-NAM

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

HIỂU theo nghĩa rộng, văn-hóa là sản-phẩm tập-thể của các nhóm người trong sự điều-hòa thích-ứng với hoàn-cảnh địa-lý khí-hậu để sinh-tồn, triết-học là phương-diện hoạt-động văn-hóa có phân-tính nhất của ý-thức cá-nhân, đứng trong đoàn-thể mà tìm suy nghĩ về vấn-đề nhân-sinh và vũ-trụ. Tuy đối-tượng triết-học có tính-cách phổ-biến, tư-tưởng triết-học có tính-cách khách-quan, nhưng quan-điểm của triết-gia nhìn sự vật và tìm giải-đáp các vấn-đề triết-học chẳng ít thì nhiều không thể không quan-hệ với hoàn-cảnh địa-lý, khí-hậu và lịch-sử xã-hội sinh-tồn của nhóm người mà triết-gia là phần-tử. Bởi vậy, mà có triết-học dân-tộc cũng như có triết-học Đông hay Tây và thế-giới.

Chúng tôi hôm nay có hân-hạnh và nhiệm-vụ trình-bày với hội-nghe triết-học so sánh Đông Tây, cái quan-điểm nhìn sự-vật cũng như cách giải-quyết vấn-đề nhân-sinh của một dân-tộc nhược-tiểu, đã có một lịch-sử khá dài trên giải đất bán-đảo Ấn-Độ-Chi-Na, nhưng cũng như các dân-tộc nhược-tiểu khác trong khu-vực Đông-Nam-Á, nó không có được cái hãnh-diện đã sáng-tạo ra một hệ-thống triết-học truyền-thống vĩ-đại nào của Á-Châu như ở Ấn-Độ hay ở Trung-Hoa. Từ trước đến nay nó chỉ tiếp-nhận hay tiêu-hóa tư-tưởng triết-học của hai khu-vực trên. Tuy nhiên vì đặc-tính địa-lý của nó là hành-lang qua lại của hai khối dân-tộc lớn lao cũng như hai nền văn-hóa cổ kính của Á-Châu, và vì lịch-sử dân-tộc của nó từng tranh-đấu bền-bì để bảo-vệ nền độc-lập không muốn sát-nhập vào một bản-đồ nào trong hai bản-đồ chính-trị vĩ-đại trên. Cho nên tuy không sáng-tác được những

hệ-thống triết-học đặc-biệt để cống-hiến thế-giới, nó cũng có quan-diểm của nó để nhìn sự-vật và biện-pháp riêng của nó để giải-quyết các vấn-đề nhân-sinh. Quan-diểm và biện-pháp ấy tôi gọi là: « **Chủ-nghĩa Nhân-Bản Việt-Nam** » (*Humanisme Vietnamiens*). Đất Bắc-Việt ngày nay, xưa kia là xứ Giao-Châu, lãnh-thổ tối cổ của dân-tộc Việt. Trước khi văn-hóa Trung - Hoa từ phía Bắc sông Dương-Tử lan xuống bằng đường bộ, và văn-hóa Ấn-Độ từ phía Tây - Nam du nhập vào, đất ấy đã là sân-khấu của một nền văn-hóa Anh-Đô-Nê, mà các nhà khảo-cổ đã khai-quật lên ở phía Nam đất Giao-Châu tại hạt Đông-Sơn, cho nên họ mệnh-danh là văn-hóa Đông-Sơn, mà đặc-diểm là di-tích «**trống-đồng**». Trong thời kỳ là thuộc-địa của các thế-lực chính-trị Trung-Hoa, nhân-dân ở đây đã tỏ ra có một đời sống tín-ngưỡng nhiệt-thành vào linh-hồn tổ-tiên và thần-linh thiên-nhiên. Rồi với sự giao-thông phồn-thịnh giữa các dân-tộc Ấn-Độ Trung-Hoa giọc theo bán-đảo Đông-Dương từ vịnh Bắc-Kỳ tới vịnh Xiêm-La và vịnh Bengale, đất Giao-Châu đã là nơi gặp gỡ của hai hệ-thống tư-tưởng chính-yếu của Á-Đông, hệ-thống Khổng - Nho có khuynh-hướng hiện-thực, và hệ-thống Phật - Đà có khuynh-hướng siêu-hình. Dân-tộc Việt đã tìm thấy trong sự gặp gỡ của hai trào-lưu tư-tưởng mâu-thuẫn ấy một nguồn sinh-lực mới đủ sức mạnh để thoát-ly sự đô-hộ của Trung-Hoa, để tranh-thủ và xây-dựng nền độc-lập dân-tộc, một dân-tộc nhỏ bé đứng bên cạnh một đế-quốc hùng-mạnh như Tống, Nguyên, Minh, Thanh.

Chính nguồn sinh-lực ấy đã nuôi cho các triều-đại Việt-Nam độc-lập đầu tiên như triều Đinh, Lý, Trần, Lê, kể từ thế-kỷ X đến thế-kỷ XV là kết-quả của một sự tổng-hợp hệ-thống tư-tưởng siêu-nhiên với hệ-thống tư-tưởng hiện-thực, thành một triết-lý nhân-bản toàn-diện có sắc-thái Việt-Nam mà chúng tôi trình-bày sau đây một kiểu mẫu. Chúng tôi thấy tợng một tác-phẩm hiếm hoi viết vào thế-kỷ XIII còn sót lại bản sao sau bao nhiêu cuộc phá hoại. Nhan - đề của quyển sách nhỏ ấy là: «**Khóa-Hư**» (課虛) nghĩa là «**Bài học về Hư-Không**» (*Lesson about the sunyata*). Tác-giả là «Thái-Tôn Hoàng-Đế» (*Emperor Thái-Tôn of Trần house*) (1225-1258).

Một nhà vua chúng tôi coi là bậc anh-hùng dân-tộc đã cầm quân chống với quân Nguyên tràn xuống miền Đông-Nam-Á sau khi đã chinh-phục Trung-Hoa của Tống-Triều.

GIỚI-THIỆU TÁC-GIẢ

Tác-giả đây là một nhà vua sáng-lập ra một triều-đại hiển-hách nhất trong lịch-sử Việt-Nam. Ông trị-vì trong khoảng 33 năm, tỏ ra một cuộc đời hết sức hoạt-động, có một ý-thức sâu rộng về trách-nhiệm của một người lãnh-đạo dân-tộc. Đối ngoại, ông lo phải chống đối với ngoại-xâm vô cùng vô-dùng, như quân Mông-Cổ ở phía Bắc tràn xuống miền Đông-Nam-Á-Châu. Ở

phía Nam nhà vua phải lo ngoại giao với dân Chiêm-Thành. Ở trong nước phải xếp đặt lại nội-trị, chỉnh-dốn lại quân đội. Tất cả những điều ấy đòi ở một nhà lãnh-đạo có ý-thức về trách-nhiệm phải đem hết năng-lực hoạt-động thực-tế của một đời để phụng-sự. Và tác-giả quả đã chứng tỏ là một vị vua anh-hùng, tự mình làm tướng đốc chiến chống với quân Nguyên, xông pha nơi tên đạn vào sinh ra tử, có phen một mình một ngựa ra vào nơi chiến-trận với vẻ mặt thản nhiên, dù tỏ tác-giả đã coi sinh-mệnh như lông hồng.

Tuy đời làm vua đã bận rộn vất-vả như thế, mà tác-giả còn là một ông vua luân-lý đạo-đức vào bậc nhất, suốt đời tu-tâm sửa tính, đọc sách niệm-kinh nghiên-cứu Phật-học như một tín-đồ chứ không như một nhà bác-học, nghĩa là vừa nghiên-cứu các Phật-điển vừa thực-hành. Lịch-sử còn ghi nhà vua có trước-tác về Phật-học những sách có giá-trị như sách «**Chú-giải kinh Kim-Cương**» (*The Diamond Sutra*). Sách «**Thiên-Tôn Chỉ-Nam-Cạ**» (*Vers pour servir de boussole du Bouddhisme Zen*) và sách «**Khóa-Hư**» (*Leçon sur le vide sunyata*). Trong ba bộ sách giá-trị trên đây thì hai bộ kinh «**Kim-Cương**» với «**Thiên-Tôn**» đã thất-lạc, nay chỉ còn bộ «**Khóa-Hư**» với những bài tựa cho hai bộ kia. Qua những tác-phẩm còn lại này, chúng tôi tìm trình-bày cái triết-lý nhân-bản toàn-diện của tác-giả.

Muốn hiểu tâm-sự cùng lý-do tác-giả bắt đầu cầu tìm chân-lý ở con đường xuất-thế của Phật-giáo, để rồi lại quay về nhập-thế đảm-đương trách-nhiệm lãnh-đạo nhân-dân một cách tận-tụy với quan-điểm điều-hòa khuynh-hướng xuất-thế siêu nhiên với khuynh-hướng nhập-thế hiện-thực như thế nào, chúng tôi cần phải dịch ra đây toàn bài-tựa của sách «**Thiên-Tôn Chỉ-Nam**» để các ngài rõ tâm-hồn tác-giả đã bị chia sẻ giằng co vì hai tiếng gọi tự bản-tính nhân-loại, tiếng gọi của siêu-nhiên vũ-trụ với tiếng gọi của hiện-sinh xã-hội, tiếng gọi của «**Tri**» (*Knowledge*), và tiếng gọi của «**Hành**» (*Action*), cả hai điều hết sức thống-thiết.

Dịch bài-tựa sách Thiên-Tôn Chỉ-Nam

« Trăm trộm bảo rằng : Phật-tính đại-đồng không chia ra có phương Nam phương Bắc, ở đâu vẫn chỉ là một Phật-tính mà người ta đều có thể lấy sự tu-hành để tìm đến. Tính người tuy có kẻ khôn người ngu, ai cũng nhờ Phật mà giác-ngộ. Cho nên dẫn dụ đám hôn-mê về phương-pháp tiện-lợi, chỉ rõ đường lối Sống Chết đây là giáo-lý chính của Phật. Còn như cầm-cân nầy-mục cho đời sau, làm khuôn-phép cho tương-lai, đây là trách-nhiệm trọng-yếu của các Tiên-Thánh. Cho nên Lục-Tồ có nói :

« Thiên-Thánh với Đại-Sur không khác gì nhau. Đủ thấy giáo-lý của đức Phật còn phải mượn đến sức Tiên-Thánh mới tuyên-bố được ở đời.

« Nay Trẫm sao lại có thể không lấy trách-nhiệm của Tiên-Thánh làm trách-nhiệm của mình, giáo-lý của Phật làm giáo-lý của mình được ?

« Vả Trẫm từ thuở trẻ thơ, mới có hiểu biết mỗi khi nghe lời dạy giảng của các Thiền-Sư tức thời dập tắt mọi sự nghĩ ngợi, trong lòng hết sức thanh tĩnh. Bấy giờ Trẫm đã có ý ham say nội giáo, tìm hiểu Thiền - Tôn, dốc chí tìm thầy, thành-tâm mộ-đạo. Song le ý tưởng dù đã có mạnh nha, mà cái động cơ cảm xúc thì vẫn còn chưa đạt ».

« Năm 16 tuổi, Thái-Hậu chán cõi đời. Trẫm những năm rơm gối đất khóc ra máu mắt, đau như cắt lòng. Trong lúc lo phiền khổ não không còn bụng nghĩ đến chuyện gì. Chỉ trong vài năm Thái-Tổ Hoàng-Đế lại cũng tạ-thế. Thương mẹ chưa khuây, sót cha càng thấm thía. Bồi hồi ngao ngán khó nguôi nổi lòng. Trẫm nghĩ tình cha-mẹ đối với các con, vỗ về nuôi nấng không thiếu điều gì. Đời con dẫu nát xương tan thịt không đủ báo đền được một phần muôn vạn. Huống chi Trẫm xét Thái-Tổ Hoàng-Đế mở cơ dựng nghiệp đã rất khó khăn, sửa nước giúp đời lại càng hệ trọng. Từ khi Ngài đem ngôi báu trao cho ta còn lúc trẻ thơ, ta những sớm khuya canh cánh lo sợ không một lúc nào ở rời. Lòng riêng tự nhủ rằng :

« Ở trên đã không còn cha mẹ đề nương nhờ, thì ở dưới cũng e không đáp nổi sự mong mỏi của dân đen. Biết tình làm sao đây? Rồi cố tìm cố nghĩ: Âu là lui về núi rừng, tìm sang bên Phật-giáo đề tỏ rõ được điều bi quyết của Sống Chết, và đề báo đáp công đức cù lao, như thế chẳng cũng hay lắm sao? Đây là chí Trẫm đã quyết định ».

« Triều Thiên-Ứng Chính-Bình thứ 5, năm Bình - Thân (1245), đêm mồng 3 tháng 4. Trẫm ăn mặc thường phục đi ra cửa cung bảo tả-hữu rằng: « Ta muốn đi chơi nghe ngàm lời dân, đề xem dân họa may biết được sự khó nhọc của họ ». Lúc đó theo bên cạnh Trẫm chẳng qua độ bảy tám người. Đêm ấy vào giờ Hợi, một mình một ngựa cất lên ra đi. Khi đã sang sông đi về phía Đông. Bấy giờ mới thật tình bảo cho tả-hữu biết. Họ bèn ngạc nhiên đều ứa nước mắt khóc lóc. Hôm sau giờ Mão đi đến bên đò Đại-Tham dưới núi Phả-Lại. Trẫm e có kẻ biết phải lấy áo che mặt mà qua sông, rồi theo đường tắt lên núi. Đến tối vào nghỉ trong chùa Giác-Hạnh, đợi đến sáng lại đi. Chặt-vật chèo-lội, núi hiểm suối sâu, ngựa mệt không thể tiến lên được nữa. Trẫm bèn bỏ ngựa vịn vào thành-đá mà đi. Đến giờ Mùi mới tới núi Yên-Tử.

Sáng hôm sau chèo thẳng lên đỉnh núi và vào ra mắt Quốc-Sur Trúc-Lâm, là vị Đại-Sa-Môn ở chùa ấy.

« Thấy Trẫm, Quốc-Sur mừng rỡ thung-dung bảo Trẫm rằng : Lão-Tăng ở lâu rừng núi, xương-rắn, mặt-gầy, ăn rau răm, cắn hạt dẻ, uống nước suối, chơi cảnh rừng, lòng nhẹ như đám mây nổi (Phù-Vân là hiệu của Quốc-Sur) nên mời theo gió đến đây. Nay nhà vua bỏ cái thể nhân-chủ, nghĩ đến sự què hèn của rừng núi, chẳng hay muốn tìm điều gì mà tời chốn này ?

« Trẫm nghe nói hai hàng nước mắt tự nhiên ứa ra, bèn bảo Quốc-Sur : Trẫm còn thơ ấu vội mất hai thân, trơ-vơ đứng trên Sĩ-Dân, không biết nương-tựa vào đâu. Nghĩ lại sự nghiệp của Đế-Vương ngày trước hừng-phế thành-bại bất thường. Cho nên Trẫm nay vào núi này chỉ cầu làm Phật không cần một vật gì khác. Quốc-Sur đáp : « Trong núi vốn không có Phật, Phật ở tại trong lòng. Hễ lòng yên lặng mà hiểu biết ấy là Phật-thực vậy. Nay nếu nhà vua giác-ngộ được cái tâm ấy thì sẽ tức thì thành Phật không phải khổ tâm tìm bên ngoài vô ích.

« Bấy giờ Trần-Công là chú họ của Trẫm, người đã được đức Tiên-Quân gửi gắm con côi. Ông là em họ Tiên-Quân. Sau khi đức Tiên-Quân bỏ thế-gian và quân-Thần. Trẫm tôn làm chức Thái-Sư giúp việc chính-sự nhà nước, nghe tin Trẫm đi khỏi bèn chia ngã sai tả-hữu đi khắp mọi nơi dò tìm dấu vết đường của Trẫm. Cả bọn đều tìm đến núi này. Gặp Trẫm Trần-Công thống-thiết nói rằng :

« Tôi chịu lời ủy-thác của đức Tiên-Quân, vâng nhà vua làm chủ nhân thần. Nhân-dân mong đợi ở Bệ-Hạ khác nào con đồ mong đợi cha mẹ vậy. Huống chi ngày nay các vị cổ-lão trong triều đều là họ-hàng thân mật, những Sĩ-Thứ trong nước ai cũng vui vẻ phục theo, cho đến đứa trẻ lên bảy cũng biết nhà vua là cha mẹ dân. Vả lại Thái-Tổ vừa mới bỏ tôi mà đi, hòn đất trên nắm mồ chưa khô, lời nói bên tai còn đó. Thế mà nhà vua trốn lánh vào núi rừng, ẩn-cư để cầu thỏa-mãn chí-hướng riêng. Tự tôi xem ra : Nhà vua vì mục-đích tự-tu mà làm như thế thì có thể được, nhưng còn nhà nước xã-tắc thì sao ? So ra đề lời khen suông cho đời sau, sao bằng lấy ngay chính thân mình làm người dẫn đường đi đầu cho thiên-hạ ? Nhà vua nếu không nghĩ lại, bọn tôi sẽ xin cùng người thiên-hạ cùng chết trong ngày hôm nay nhất định không trở về nữa ».

« Thấy Thái-Sư và các cổ-lão đại-thần đều không có ý bỏ Trẫm, Trẫm bèn đem lời nói của Thái-Sư nói với Quốc-Sur Quốc-

Sư nắm lấy tay Trẫm mà nói rằng : « Phàm làm đấng nhân-quân phải lấy ý muốn của thiên-hạ làm ý muốn của mình và tâm của thiên-hạ làm tâm mình. Nay thiên-hạ muốn đón nhà vua về cung, nhà vua không về sao được ? Tuy nhiên sự tìm hiểu về nội-diễn, xin mong Bệ-Hạ đừng phút nào quên theo đuổi.

« Bởi vậy Trẫm với mọi người trong nước lại cùng về Kinh, cố gắng gượng bước lên ngôi báu. Mười mấy năm trời ~~đông-đã~~, hễ khi nào có cơ-hội nhàn rỗi việc nước bên ngoài, Trẫm lại hội họp các vị kỹ-đức để hỏi đạo Tham-Thiền, cùng các kinh sách nhà Phật, không bỏ sót chỗ nào không tham-câu tìm-tòi. Trẫm thường ngày hay đọc kinh Kim-Cương. Trẫm có bạn đọc đến câu : « 應 無 所 住 而 生 其 心 » (Nên sinh ra cái tâm không bám víu vào một tướng nào).

« Đang lúc dứt quyền sách mà ngẫm dài thì khoát-nhiên tự-ngộ (豁然自悟), bèn đem sự giác-ngộ ấy đề làm những bài ca này đặt tên là « Thiên-Tôn Chỉ-Nam ».

Phiên âm chữ Hán

« Trẫm văn Phật vô Nam Bắc, quân khả tu-cầu ; tính hữu trí ngu, đồng tử giác-ngộ, thị dĩ dụ quần mê chi phương tiện, minh sinh tử chi tiếp kình giả, ngã Phật chi đại giáo dĩ, nhiệm thủy thế chi quyền hành, tác tử-đương lai chi qui phạm giả, tiên thánh chi trọng trách dã. Cổ Lục-Tồ hữu ngôn vân : Tiên đại thánh nhân dĩ đạt sư vô biệt, tắc tri ngã Phật chi giáo, hựu giả tiên thánh dĩ truyền ử thế dã, Kim Trẫm yên khả bất dĩ tiên thánh chi nhiệm vi kỳ chi nhiệm, ngã Phật chi giáo vi kỳ chi giáo tại ?

« Thả Trẫm ử hát đồng hữu thức chi niên, sảo văn thiên sư chi huấn, tắc chùng tư tức lự, khái nhiên thanh tĩnh, hữu tâm hồ nội giáo, tham cứu hồ thiền tôn, hữ kỳ cầu sư, linh thần mộ đạo, tuy hồi hướng chi ý dĩ mạnh, nhi xúc cảm chi cơ vi đạt. Phủ thập lục tuế, Thái-Hậu yếm thế, Trẫm làm niềm chăm thờ, khắp huyết tởm tâm, ưu khổ chi dã, vi hoàng tha vụ. Cận sở niên gian, Thái-Tồ Hoàng-đế, kế nhĩ án giá. Bội quyền chi mộ vị dĩ, sáng cử chi tâm đủ thiết, thế thế tưng tưng, nan thích quyết hoại. Niệm phụ mẫu chi ử tử giả phủ ma cục dục, mĩ sở bất chí, phẫn cốt toái thân do dĩ túc dĩ báo kỳ vạn nhất dã. Hưởng Trẫm khải Thái-Tồ Hoàng-Đế, khai cơ sáng nghiệp chi gian nan, kinh bang tế thế chi vũ trụ trọng, dĩ đại khí thụ dư thụ sung, túc da căng căng, bất hoàng khái ử. Tu tự vị viết : thường kỳ lữ phụ mẫu chi khả y, hạ khúng bất túc phó kiểm lữ

chỉ thực vọng, nại hà ? Tầm nhi tư chi : bất như thoát xử sơn lâm, bàng cầu Phật-giáo, dĩ minh sinh tử chi đại sự, hựu dĩ báo cù lao chi đức, bất diệc mỹ tai.

« U thị, Trẫm chí toại quyết, Thiên-Ứng Chính-Bình ngũ niên, thực bính thân tứ nguyệt tam dạ, nhân vi phục xuất cung môn, vị tả hữu viết : Trẫm dục xuất du tiềm thính dân ngôn, dĩ quan dân chí, thứ tri sự chi gian nan. Thì lòng Trẫm tả hữu bất quá thất bát nhân, thị dạ Hợi khắc, dĩ dan kỵ nặc nhi hành. Độ giang đông khứ, nãi dĩ kỳ tình cáo vu tả hữu. Tả hữu ngạc nhiên, cử giai thể khấp. Dục nhật Mão thì, đáo Đại-Thân Phả-Lại sơn độ. Khủng nhân tri chí, dĩ y mônng diện nhi độ giang. Kinh sơn nhi hành, cấp bờ, nhập túc vu Giác-Hạnh tăng tự, đất dán nhi khứ. Gian quan bất thiệp, sơn hiểm tuyền thâm, mã bì nhi bất năng tiến. Trẫm nãi khí mã phan nhai nhi hành. Vọng thì, phương đáo Yên-Tử sơn a. Minh đán, trực thượng sơn đỉnh, tham kiến Quốc-sư Trúc-Lâm đại sa môn. Sư nhất kiến hân nhiên, thung dung vị Trẫm viết : Lão tặng cửu cư sơn dã, cốt cương, mao tuy, cam đồ, như tử ngữ, tuyền âm, lâm du, tâm nhược phù vân, tùy phong đáo thử. Kim đệ-hạ khí nhân chủ chí thế, từ lâm dã chi tiện, quả hà sở yêu nhi đáo tử gia ?

« Trẫm văn kỳ ngôn, song lệ tự hạ, nhân cáo chi viết : Trẫm phương ấu trí, kịch táng song thân, cố lập sĩ dân chi thưởng, vô sở y phụ. Phục từ tiền đại đế vượng sự nghiệp, hưng phế bất thường, cố nhập thử sơn, duy cần tác Phật, bất cầu tha vật. Sư viết : Sơn bản vô Phật duy tồn hồ tâm. Tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật. Kim đệ-hạ nhược ngộ thử tâm, tắc lập địa thành Phật, vô khổ ngoại cầu dã.

« Thì thúc phụ Trần-công nãi tiền quân thác cô chi tụng đệ dã. Tiên quân khí thể quần thần chi hựu. Trẫm mệnh vi Thái-sư, văn Trẫm khứ, phân mệnh tả hữu, biến cầu triết tích, toại dĩ quốc nhân tầm đáo thử sơn, dĩ Trẫm tư tưởng ngộ, hưng ngôn thống thiết viết : Thần thụ tiên quân cổ thác, phụng Bệ - hạ vi dân thần chi chủ, dân chi sở dĩnh hệ đất ở đệ-hạ giả, diệc do xích tử chi mộ phụ mẫu dã. Huống kim triều đình cổ lão, vô phi thân thuộc chi thần, lệ nguyên sĩ thứ tận thị duyệt phục chi chúng, chi ư tam xích chi đồng giai tri đệ-hạ tác dân phụ-mẫu hỷ ? Thả Thái-Tổ xả thân nhi khứ, nhất phau chi thờ vị can, dĩ nhĩ chi ngôn dò tai, nhi đệ-hạ độn tích sơn lâm, ăn cư cầu chí, dĩ thần ngôn chi : đệ-hạ vi tự tu chi kế tắc khả, kỳ như quốc-gia xã - tắc hà : Dĩ kỳ thủy không ngôn dĩ thị hậu, thực nhược dĩ thần-vi

thiên-hạ tiên đã ? Bệ-hạ nhược bất phản tư, thần đẳng dữ thiên-hạ chi nhân, đồng tử thử nhật, quyết vô qui chí.

« Trẫm kiến Thái-Sur cập chư cố-lão chi thần vô hữu xā trẫm chi ý, toại dĩ kỳ ngôn cáo ư Quốc-Sur. Quốc-Sur bồng Trẫm thù nhi ngôn viết : *Phàm vi nhân quân giả, dĩ thiên-hạ chi dục vi dục, dĩ thiên-hạ chi tâm vi tâm. Kim thiên hạ dục bệ hạ qui, tắc bệ hạ ar. đắc bất qui tại ?* Nhiên Nội điền chi cứu. nguyện bệ hạ vô song tư tu nhĩ.

« Do thị trẫm dữ quốc nhân hời kình, miễn nhi tiến vị, Thập sở niên gian, mỗi ngộ cơ hạ, chiếp hội kỳ đức, tham vấn thiên đạo, cập chư đại giáo đẳng kình, vô bất nghiên cứu. Thường độc Kim Cương chí «*ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*» chi cú, phương nhĩ phê quyền ngâm gian, khoát nhiên tự ngộ. Dĩ kỳ sở ngộ nhi lác thị ca, mục viết *Thiền-Tôn Chỉ-Nam*».

THÁI-ĐỘ TRIẾT-LÝ CỦA THÁI-TÔN QUA BÀI TỰA CỦA THIỀN-TÔN CHỈ-NAM

Bài tựa trên đây là một bài tự-sự thống thiết về cái lòng thắc-mắc băn-khoăn lo-âu về thái-độ sống ở đời. Sự lo âu ấy là cả một nỗi lòng thống-khổ siêu-bình (*angoisse métaphysique*) thâm sâu đến có thể thúc đẩy một nhà vua trẻ tuổi, đang đêm trốn bỏ cung điện ngai vàng để tìm vào rừng núi mà vấn hỏi sự giải-thoát với một nhà Thiền-sur. Tác-giả đã quả quyết mà tuyên-bố bằng giọng thống thiết qua hàng nước mắt là : « Tôi còn thơ ấu mà sớm mất cha mẹ, một mình cô-liêu đứng trên nhân-dân, thật không thấy chỗ nương-tựa. Lại nghĩ đến sự nghiệp để vương hưng phế bất thường, nên tôi vào đây chỉ cầu tu cho thành Phật không cần gì khác ».

Đủ tỏ tâm-hồn của tác-giả đã là cả một bài chiến-trường cho hai thế-lực giằng co, một đảng là ý-thức trách-nhiệm đối với nhân-quần xã-hội, đối với quốc-gia dân-tộc, một đảng là ý-thức về một nguyên-lý trường-cửu, về ý nghĩa căn-bản của sự sống chết biến-đổi bất-thường. Một đảng là tiếng gọi của nhân-sinh hiện-hữu, một đảng là tiếng gọi của vũ-trụ siêu-hình. Và suốt trong bài tựa chúng ta thấy vấn-đề triết lý mâu-thuẫn giữa Siêu-Nhiên và hiện thực. Vô-Vi và Hữu-vi, Xuất-Thế và Nhập-Thế được đặt ra và đòi giải quyết một cách hết sức khẩn-trương. Tác-giả đứng giữa một nhà Thiền-Sur (*bonze*) và một Thái-Sur (*premier*).

Nhà Thiền-Sur tự giới-thiệu :

« Lão tăng này vốn nơi rừng núi, xường cứng, da mồi, cộm hăm, rau đắng, uống nước suối, chời nơi rừng khe. Lòng này tựa như đám mây nổi bay theo chiều gió mà tới đây ».

Đây là giọng phủ-nhận hiện-sinh và thế-gian, để thực-hiện cái tâm « Thiếu-tư của dục » (少私寡欲) nói ở Đạo-Đức kinh (chương 19). Và nhà Thiển-Sư cũng trả lời ngay cho nhà vua nhiệt thành đi tìm Phật rằng :

« Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở tại trong tâm. Tâm lặng mà biết ấy gọi là Phật-thực. Nay nhà vua nếu giác-ngộ được tâm ấy tức thời thành Phật, không phải khó nhọc tìm ở bên ngoài ».

(Sơn bản vô Phật, duy tồn hử tâm. Tâm tịch nhi tri thị danh Chân-Phật. Kim Bệ-Hạ nhược ngộ thử tâm, tác-lập địa thành Phật, vô khổ ngoại cầu dã).

山本無佛, 惟存乎心. 心寂而知是名真佛. 今陛下若悟此心, 則立地成佛, 無苦外求也.

Còn Thái-Sư cũng tự giới-thiệu :

« Thần chịu lời phó thác của Tiên-Quân, tôn thờ Bệ-Hạ để làm chủ thần dân. Nhân-dân đang tôn kính Bệ-Hạ như con thơ mến cha mẹ. Nay các cố-lão trong triều-đình đều là bày tôi thân-thích những người sĩ-thư trong dân-gian ai cũng tin phục, dù đứa trẻ con cũng biết Bệ-Hạ là cha mẹ dân. Vả Thái-Tổ bỏ thần mà về trời, tới nay hòn đất chưa khô, ngọn cỏ chưa héo, lời Ngài dặn lại còn ở bên tai.

« Nay Bệ-Hạ chốn dời vào ần trong rừng núi để cầu toại chỉ mình. Cứ như ý thần nghĩ đây thì, Bệ-Hạ làm như thế để tìm cái kế hoạch tự-tu lấy cho mình thì được, nhưng còn đối với Quốc-Gia xã-tắc thì sao ? Vì bằng Bệ-Hạ muốn đem những lời không-tưởng để dạy lại đời sau. Sao bằng đem ngay thân mình làm khuôn phép cho thiên-hạ có hơn không ? »

(Bệ-hạ vi tự tu chi kế tác khả kỳ như quốc-gia xã-tắc hà ? Dữ kỳ thân không ngôn dĩ thị hậu, thực nhược dĩ thân vi thiên-hạ tiên dã).

陛下爲自修之計則可, 其如國家社稷何 ? 語其垂空言以示後, 孰若以身爲天下先也.

Đây rõ ràng là giọng của một nhà hành-động cương-quyết, chỉ công-nhận có hiện-sinh và thế-gian, lấy tôn-chỉ luân-lý chính-trị. Câu nói ở Luận-Ngữ : « Vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con » (君君, 臣臣,

父父, 子子) đòi nhà vua phải lấy thân mình (*chính kỷ 正己*) để làm gương mẫu cho nhân-dân noi theo (*chính nhân 正人*). Còn tất cả cái gì thuộc về siêu-hình như văn-đề sống chết chẳng hạn đều là không-tương vu-vơ hay là ích-kỷ.

Đứng trước tiếng nói thông-thiết và quyết-liệt của nhân-sinh thực-tế ấy, tác-giả như thú nhận trên đây tỏ ra một thái-độ phân vân. Và không ai là người biết suy nghĩ lại không hoang mang như tác-giả. Tác giả bèn đem lời nói của Thái-Sur mà hỏi lại với Thiên-Sur, nhà Ngài chỉ bảo cho đường lối phải làm. Nhà Thiên-Sur không ngần ngại, hình như đã sẵn có biện-pháp để khuyên bảo nhà vua trông đợi ở mình. Ấy là một triết-lý đều hòa nhân-sinh hiện-thực với siêu-nhiên vũ-trụ bằng thực-hiện (*réalisation*), chứ không phải bằng trí-thức (*intellectualisme*):

« Đã làm đấng nhân quân thì phải lấy ý muốn của nhân-dân làm ý muốn của mình, lấy tâm của nhân-dân làm tâm của mình. Nay nhân-dân muốn đón Ngài về, thì Ngài không thể nào không về được. Còn như cầu xét về giáo-lý nội-tâm xin Bệ-Hạ chờ nên nhãng quên. »

Phàm vi nhân quân giả dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên-hạ chi tâm vi tâm. Kim thiên-hạ dục nghênh Bệ-Hạ qui chi, tác Bệ-Hạ an đắc bất qui tại ? Nhiên nội điển chi cứu, nguyên Bệ-Hạ vô vong tự tu nhĩ.

凡為人君者以天下之欲為欲以天下之心為心今天下欲迎陛下歸之則陛下安得不歸哉然內典之究願陛下毋忘斯須耳。

Ở đây nhà Thiên-Sur muốn nói rằng người ta phải tùy theo địa vị hiện-sinh của mình mà tìm chân-lý. Ở địa-vị của nhà vua thì phải trước hết ý-thức cái trách-nhiệm lãnh-đạo nhân-dân, đem lại hạnh-phúc cho nhân-dân. Như vậy thì cần phải cảm-thông hiểu biết và tuân theo ý nguyện của những người mình có sứ mệnh lãnh-đạo. Cho nên bảo phải lấy tâm thiên-hạ làm tâm mình. Muốn thế thì phải quên mình đi, tiêu-trừ cái mình như Mahatma Gandhi nói: « Tôi tiêu-trừ cái tôi đến con số không » (*Je me réduis à zéro*). Có như thế thì giữa tâm mình với tâm người mới hết cách trở mà cùng nhau thông-cảm. Không biết đạo-lý siêu-nhiên Phật-tính thường trụ như thế nào, nhưng hẳn rằng nó phải là thực-tại phổ-biến đại-đồng và người ta phải tìm nó bằng cái tâm của mình. Như vậy thì trước khi đạt tới cái tâm đại-đồng ấy, người ta phải có thể lấy cái ý muốn của đa số làm cái ý muốn của mình, lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình. Như vậy, Phật-tính là thực-tại đại-đồng, « không có ở

trong rừng núi, mà chỉ có ở tâm người ta, khi nào tâm yên lặng mà biết. « Duy tồn hồ tâm, tâm tịch nhi tri » (惟存乎心, 心寂而知) Tâm yên lặng mà biết là cái tâm không bị tu-dục vọng-dộng, chính cũng là một phần nào cái tâm trong đó cái tôi đã thành con số không, để có thể « lấy ý muốn của thiên-hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm thiên-hạ làm tâm của mình vậy ». Tâm thiên-hạ là cái tâm khách-quan, qua tâm ấy mà tìm thấy thực-tại: vũ-trụ, ấy là con đường tiếp-cận Đạo - Tâm hay là Kiến - Tính. Nhưng cái khả-năng Kiến-Tính ấy đã ngấm-ngấm ở tại cái tâm của mỗi người, cho nên nhà Thiên-Sư mới nhấn nhủ nhà Vua là không phải khổ cầu tìm ở bên ngoài « vô khổ ngoại cầu » (無若外求) và « tuy nhiên việc cầu xét giáo-lý nội-tâm xin Bệ-Hạ chớ có một phút nào quên » (Nhiên nội diện chi cứu nguyên Bệ-Hạ vô vong tự tu nhi) (照內典之究願陛下毋忘斯須耳) trong khi phụng-sự quốc-gia xā-tắc thi hành nguyện-vọng của nhân-dân. Sau một thời-gian là một năm vừa làm việc đời vừa làm việc đạo, vừa Hành vừa Tri, đồng thời làm tròn bốn-phận một ông vua đứng đầu nhân dân, đồng thời « tham-thiền vấn đạo » (參禪問道). Nghĩa là luyện phép thiền (*dhyana*), và hỏi han đạo-lý, cho đến khi đọc đi đọc lại câu kinh Kim-Cương (*Sutra Diaman*): « Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm » (應無所住而生其心) Nên sinh ra cái tâm mình không ngừng chấp vào một chỗ nào. Thì đang lúc ngâm « thoát nhiên tự ngộ » (豁然自悟), nghĩa là tính - thần thành linh sáng tỏ hết nghĩa lý. Cái nghĩa lý ấy tác-giả đã tóm tắt mở đầu bài tựa này là :

« Phật-tính là bản-thể đại-đồng thì siêu-nhiên không có giới-hạn vào thời - gian không - gian, mà ở bất cứ đâu cũng có thể tu tỉnh cầu tìm được. Tính người ta sinh ra có kẻ thông - minh kẻ ngu độn, nhưng nhờ cái đức của Phật mà cùng giác ngộ như nhau. Cho nên dùng phương-pháp tiện-dụng đề dạy cho những kẻ mê, lấy con đường tắt đề bảo người đời biết cái lý Sống Chết, ấy là giáo-lý chính-đại của đức Phật. Còn như đức Tiên-Thánh Không-Phu - Tử thì có trách - nhiệm đặt ra mực thước, làm ra khuôn phép trị thế đề dạy cho thế-hệ sau. Vì thế mà Lục-Tổ (Tuệ-Năng 慧能) có nói : »

« Tiên đại thánh nhân với đại-sư không khác gì nhau. Coi đó thì biết giáo-lý của đức Phật lại phải nhờ vào Tiên-Thánh - Nhân (孔子) mà truyền ra cho đời vậy ».

Phật vô Nam Bắc quán khả tu cầu, tính hiền trí ngu đồng tư giác ngộ, thị dĩ dụ quần mê chi phương tiện, minh sinh tử chi tiếp kinh giả, ngã Phật chi đại giáo dã. Nhậm thùy thế chi quyền hành, tác

tương-lai chi qui phạm giả, tiên thánh - nhân chi trọng trách dã. Có Lục-Tổ hữu ngôn vân: Tiên đại-thánh nhân dĩ đại sư vô biệt. Tác tri ngã Phật chi giáo, hựu giả tiên thánh nhân dĩ truyền ư thế dã.

佛無南北均可修求性有智愚同資覺悟是以誘羣迷之方便明生死之捷徑者我佛之大教也任垂世之權衡作將來之軌範者先大聖人與師無別則知我天之教又假先聖人以傳於世也。

Ở đoạn văn kết-luận trên đây, tác-giả toát-yếu cái quan-niệm triết-lý nhân-bản toàn-diện mà Ngài đã thực-nghiệm với tất cả tâm thân trong cuộc đời hết sức hoạt-động. Cái quan-niệm cho rằng tất cả giáo-lý hay hệ-thống triết-học chỉ là những quan-điểm, những kiến-giải, những *darsana* như Ấn-Độ đã biểu, là những con đường « cận-đạo » (近道) (*chemin d'approche*) để thực-hiện chân-lý.

Những con đường ấy có mục-đích mở mang phát-triển cho người, nên không thể quên mục-tiêu nhân-bản trong khi nghiên-cứu đạo-lý hay triết-lý. Chân-lý thì tuyệt-đối và đại-đồng không phân biệt thời-gian hay không-gian, chủng-tộc hay đẳng-cấp. Tuy nhiên, ở mỗi hoàn-cảnh trường hợp khác nhau người ta phải tìm lấy con đường phương-tiện cho thích-ứng. Nhưng ở nhân-loại có hai con đường khác nhau trả lời cho hai nhu-cầu căn-bản, nhu cầu của « Tri » và nhu-cầu của « Hành ». Nhu-cầu « Tri » muốn biết đến nguyên-lý của Sống Chết, đây là khát-vọng chân-lý, nhu-cầu « Hành » muốn hành thế nào cho chính-đáng với địa-vị làm người, đây là khát-vọng thiện. Theo lời tựa trên đây, không như Lục-Tổ Huệ-Năng cho đạo Phật với Đạo Khổng giống nhau, tác-giả phân-biệt chỗ sở-trường và sở-đoán của hai hệ-thống chính-yếu ở Á-Đông. Một đảng đạo Phật phủ-nhận thế-gian để tìm giải-thoát, hướng vào đối-tượng siêu-hình. Một đảng đạo Khổng sắc-nhận thế-gian, tìm đường lối hành-vi nhân-sinh thực-tế. Hai đạo ấy căn-bản khác nhau, không thể không phân biệt. Một đảng thỏa mãn cho cầu « Tri », một đảng thỏa mãn cho cầu « Hành » của nhân-tính. Nhưng chừng nào người ta theo đạo mà không quên mất Người, một con người toàn diện, một nhân-tính đầy đủ, thì người ta phải nhận thấy rằng nhân-tính đầy đủ gồm cả « Tri » lẫn « Hành », vừa có khuynh-hướng siêu-nhiên vừa có khuynh-hướng hiện-thực. Cho nên tác-giả bảo: « giáo-lý của Phật lại phải nhờ đến đệ-tử của Khổng-Tử để truyền-bá ở đời ». Như thế là lấy Tri làm động-cơ cho Hành, lấy Hành để thành-tựu cho Tri, như ông ta viết ở sách Khóa-Hư:

« Giác-ngộ được mới là bắt được đầu mối, thực-hành được mới có thể thoát được tục-trần ».

(Ngộ liễu phương thị nhập đầu, hành đắc thủy năng thoát tục).

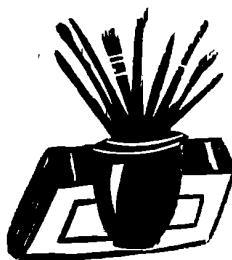
悟了方是入頭,行得始能脫俗.

(Khuyến phát tâm văn 勸發心文).

Tri, Hành ở đây chỉ là hai phương-diện bổ-túc của một cái tâm « Tịch nhiên thường tồn » (寂然常存) « Yên lặng thường còn không biến-đổi », của một cái « chân tâm trạm tịch » (真心湛寂) « cái tâm thật thâm sâu yên lặng », của một « bản-tính huyền-ngưng » (本性玄凝). « Cái tính bản-nhiên ngưng đọng một cách thần-bí mà trí-thức người ta không cứu xét được đầu mối. (Phi trí tính trí năng cứu ư đoan nghê) (非性智能究於端倪). « Cao vót độc-lập tồn-tại siêu-nhiên không có bên ngoài ». (Trác nhĩ độc tồn siêu nhiên vô ngoại) (卓爾獨存超然無外), như Thái-Tôn đã giải-thích ở trong sách Khóa-Hư.

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

Ký sau : TRIẾT-LÝ NHÂN-BẢN SÁCH KHÓA-HƯ.



MỘT KHỐI LIÊN-KẾT Á-CHÂU CÓ ĐƯỢC CHẴNG ?

Vấn-đề đã được đặt ra, khá rõ-ràng. Nhiều người, nhiều nước, đã đưa ra những đề-nghị. Nhưng một cuộc liên-kết Á-Châu có nên chăng, và có thể có được dưới hình-thức nào ?

TRẦN-VIỆT-SƠN

VẤN-đề thành-lập một khối Liên-Kết Á-Châu, dưới hình-thức này hay hình-thức khác, đã được đặt ra khá rõ-ràng. Nhưng nhiều đề-nghị còn ở trong giai-đoạn phôi thai. Lại có những đề-nghị kém may mắn và không thành. Dầu sao, thì vấn-đề cũng đã được đặt ra và một cuộc Liên-Kết sẽ vẫn là mục-tiêu cho nhiều cuộc vận-động.

Chúng ta sẽ thử-xét vấn-đề đang trở nên quan-trọng ấy dưới các hình-thức của nó và cũng là để trả lời cho những câu-hỏi sau này :

— Vấn đề Liên-Kết Á-Châu đã được đặt ra thế nào ?

— Những ích-lợi của một cuộc Liên-Kết, và sự cần-thiết của nó, ở trên Thế-Giới nói chung, và ở Á-Châu hay một khu-vực Á-Châu, nói riêng ?

- Những yếu-tố nào cản-trở một cuộc Liên-Kết ở Á-Châu ?
- Những yếu-tố nào thúc-đẩy đi đến một cuộc Liên-Kết ?
- Một cuộc Liên-Kết có thể có được không, và có dưới hình thức nào ?

Vấn-đề đã được đặt ra.

Vấn-đề thành-lập một khối Liên-Kết ở Á-Châu đã được đặt ra từ lâu. Báo-chí, những nhân-vật chánh-trị, những chánh-phủ nữa, đã từng đưa ra những ước-vọng, những đề-ng nghị. Dư-luận đã tùy lúc mà chú-ý đến, nhưng cũng chưa có một đề-ng nghị nào thật-sự tiến-triển để cho một khối tại Á-Châu thành-hình được. Tuy-nhiên, trong giai-đoạn này, trong vòng một hai tháng trở lại đây, có những cuộc vận-động đã trở nên rõ-ràng hơn.

Nói rằng ở Á-Châu, chưa có những Khối Liên-Kết thì không đúng. Vì đã có Khối Liên-Phòng Đông-Nam-Á rồi (SEATO). Lại có những khối Liên-Minh có bao gồm một vài nước ở Á-Châu : như khối Liên-Minh Trung-Đông (nguyên là khối minh-ước Bagdad), trong đó có Thổ-nhĩ-Kỳ, Ba-Tur, Hồi-Quốc, Mỹ, Anh. Liên-minh Mỹ-Nhật vẫn có và sắp được cải-thiện, để Nhật có thể tham-dự chiến-tranh dễ-dàng hơn. Liên-minh Mỹ-Phi-luật-Tân cũng vậy. Mỹ cũng ràng buộc về kinh-tế hay về quân-sự với từng nước, nhất là với Trung-Hoa Dân-quốc và Cộng-hòa Hàn-quốc. Pháp và Ai-Lao cũng ở trong một thể liên-minh. Mặt trận chống Cộng bán chánh thức APACL là một thể liên-minh khác.

Về kinh-tế, những nước trong kế hoạch Colombo cũng đáng kể là một khối kinh tế.

Tuy nhiên, những khối nói trên, hoặc là vì phân-tán ra, hoặc vì chưa được phân - phối cho thuận-tiện và chưa tập-hợp được hữu lý những nước cùng quyền-lợi và tình-trạng, hoặc nữa, vì đã đèo thêm những nước ở bên ngoài phạm-vi Á-Châu, — mà những nước này phần nhiều lại giữ địa vị đàn anh, — cho nên đã chỉ đem lại những lợi ích phần nào mà thôi, chứ chưa đem lại tất cả lợi ích cho các nước ở Á-Châu. Vì thế mà đã có nhiều đề-ng nghị mới.

1.— Nhiều lần, dư luận Mỹ và dư luận ở những nước thân Mỹ đề cập đến một cuộc liên kết mở rộng giữa các nước chống Cộng cùng đi với Mỹ, có thể có những nước khác ở Úc-Châu và Âu-Châu tham gia. Đây là một thứ đề-ng nghị để mở rộng Minh-Ước Liên-Phòng Đông-Nam-Á, với sự tham gia của Nhật, Hàn và Trung-Hoa Dân-Quốc.

2.— Nhưng chính điều ấy, chưa cần thiết bằng việc củng cố cho Đông-Nam-Á trước họa Cộng - Sản. Củng cố cho Đông - Nam-Á tức là củng cố trước hết cho Việt-Nam và Lào, hai nước ở địa đầu, bằng một hiệp-ước

liên-minh, không phải với những cường quốc Âu-Mỹ, thì cũng với một vài nước nào khác trong khối Liên - Phòng Đông-Nam-Á, tỷ dụ như với Thái-Lan hay Phi-Luật-Tân. Phe Mỹ thường chơi lối liên minh kéo dây gián tiếp. Nếu Mỹ, Anh liên-minh với Thái, Phi trong minh - ước Liên - Phòng Đông-Nam-Á mà Lào, Việt, lại liên - minh riêng với Thái và Phi, thì gián tiếp có nghĩa là Việt, Lào cũng liên minh với Anh và Mỹ. Khối Tự-Do thường tính chuyện đó, vì lẽ lối dân-chủ của họ đòi hỏi như vậy: nếu cần trợ giúp các nước ở Đông-Nam-Á, họ có thể đưa viện trợ qua một bàn tay trung gian.

3.— Hàn-quốc nhiều lần đề-nghị liên-minh các nước Á - Châu thành một khối chặt chẽ: then chốt của khối này là 3 nước Hàn, Trung - Hoa, Việt-Nam là 3 nước bị cắt đôi, rồi kèm thêm Thái, Phi. . . Hầu hết là những nước đi chặt với Mỹ. Đề-nghị của Hàn lại có một chỗ hạn chế: là không cho Nhật tham-dự (Hàn vẫn thù Nhật).

4.— Phi-luật-Tân và Mã-Lai đã đứng lên, mở cuộc vận động khả sỏi nổi đề thành-lập một khối kinh-tế Văn-hóa Á-Châu, nòng cốt là Phi, Mã-Lai, Nam-Dương, sau đó mới đến các nước khác ở Đông-Nam-Á. Có lẽ Mã và Phi muốn nhắm kéo Nam - Dương ra khỏi ảnh-hưởng Cộng - Sản. Đề-nghị của Phi và Mã lại còn nói đến việc biến khối đó thành một Thị-trường chung, như kiểu thị-trường-chung ở Tây-Âu. Đề-nghị này bị tạm hoãn, vì Nam-Dương không sốt-sắng với nó.

5.— Ngay lúc Mã và Phi rầm rộ đưa ra đề-nghị lập khối Thị-trường-chung ấy, một số những nước Á-Phi có khuynh - hướng trung-lập, — sự Mã-Lai và Phi-luật-Tân kéo hết ảnh-hưởng nên đã đưa ngay ý-kiến thành lập một Thị-trường-chung Á-Phi. Một Thị-trường-chung Á-Phi quá rộng và quá phức-tạp, khó lòng mà thành hình cho nổi, cho nên ý - kiến đó không tiến triển thêm. Tuy nhiên, có lẽ nó cũng đã làm cho Nam-Dương đổi ý mà không muốn chơi với Phi-luật-Tân và Mã-Lai.

6.— Cuộc xâm-lăng Tây-Tạng (do Trung-Cộng) đã đe-dọa Ấn nặng-nề. Giữa khi Trung-Cộng phát-động chiến-dịch tuyên-truyền đả Ấn, thì dư-luận ở Hồi-Quốc đã đề-nghị liên-kết Ấn-Hồi để chống lại Trung-Cộng. Một đề-nghị như vậy, đòi hỏi Ấn-Hồi phải giải-quyết vấn-đề Cat-sơ-Mia đã.

7.— Dư-luận Miến đáng kể hơn cả, vì Miến vốn là một nước trung-lập. Miến gặp nhiều biến-cố trong nước khiến thấy rõ mặt thật Cộng-Sản (3 vụ các nhà ngoại-giao Nga và Trung-Cộng đi tìm tự-do và cùng tổ-cáo Cộng-Sản), nên dư-luận Miến đã có thể kêu gọi Đông-Nam-Á tiến đến một minh-ước mà mục-dích chính là chống Cộng (đề nghị này được tung ra rõ-ràng do tờ báo Quốc-Gia, tờ lớn nhất ở Miến).

8.— Trước đây ít lâu, cuộc du-hành của Ô. Lý-thừa-Văn, rồi của Ô. Garcia, tổng-thống Phi, — rồi ngay tháng 7 vừa qua, các cuộc du-hành

của ngoại trưởng Lào, của ngoại trưởng Thái-Lan, của thái tử Sihanouk đi thăm các nước lân cận để cùng nhau ký-kết những thỏa-hiệp bang-giao, có vẻ mào đầu cho một thể Liên-kết chặt-chẽ hơn.

Sự cần-thiết và ích-lợi của một cuộc Liên-Kết.

Có thể nói không ngoa rằng thời đại này là thời đại của những cuộc liên-kết. Liên-hiệp-Quốc là một cuộc tập hợp vĩ đại trên thế giới... ~~Hiện~~ chương Liên-hiệp-Quốc lại quy-định rằng các nước tùy khu vực và quyền lợi, có thể kết liên với nhau để tự-vệ, để bảo-vệ quyền-lợi chung. Các khối Liên-Mỹ, Bắc Đại-Tây-Dương, Liên-Phòng Trung-Đông, Liên-Phòng Đông-Nam-Á, được thành-lập dựa vào quy-định ấy.

Trong lúc thế-giới đầy sát khí, và đại chiến có thể bùng nổ bất cứ lúc nào, những khối Liên-Minh Quân-sự đã trở nên vô cùng cần thiết đối với khối Mỹ, trong cuộc chuẩn bị và tranh đấu ứng đối với Nga (chuẩn bị ứng đối nếu có đại chiến, và tranh đấu thường trực chặn đường bành trướng của Nga).

Một cuộc liên-minh quân sự có Mỹ tham dự thường gồm những mục đích và những giai đoạn như sau :

a) Hiệp ước Liên-Minh bao giờ cũng có khoản cứu trợ nhau và cùng ham gia chiến tranh giúp một nước trong khối bị lâm vòng chiến. Do khoản này, những cường quốc dân chủ sẽ không mất thời giờ đem vấn đề ra bàn cãi trước nghị viện, mà có thể tuyên-chiến và đem quân tới tự chiến ngay trong phút đầu.

b) Liên-minh cứu trợ đòi hỏi nước mạnh phải giúp cho nước yếu. Cuộc liên-minh là giai đoạn đầu. Giai đoạn sau là những hiệp ước tay đôi, quy định viện trợ quân sự, cuộc thiết lập những căn cứ tối tân sự thành lập những đạo quân của khối và một nền tảng chỉ huy duy nhất. Tóm lại, là mọi cuộc chuẩn-bị phải được sắp đặt y như thể các nước trong khối chỉ là 1 nước.

Nói đến Liên-Minh quân-sự trong khối Mỹ, người ta cũng phải nhận thêm rằng khu-vực Đông-Nam-Á hiện bị đe-dọa trần-trọng nhất mà lại chưa có một thể Liên-Minh hoàn-hảo.

Các nước lại có thể liên-minh về kinh-tế về chánh-trị. Một trong những khối liên-minh kinh-tế được chú-trọng nhất ; là khối Thị trường chung Âu-Châu, gồm Pháp, Tây-Đức, Ý, Bỉ, Hòa-Lan, Lục-xâm-Bảo, và có thể sẽ thêm vài ba nước nữa. Thị-trường-chung là danh-từ thông dụng để gọi khối tổ-hợp kinh-tế toàn-diện. Khối Thị-trường chung Âu-Châu được lập nên vì ý-định của các nước tại khu-vực này, muốn vươn lên những

địa-vị cao hơn. Riêng-rẽ từng nước, họ sẽ bị kém thế so với Anh-Mỹ, trên trường ngoại-giao quốc-tế. tại L. H. Q, trong khối Bắc Đại-tây-dương, trong các Hội-ngị thanh-toán chiến-tranh lạnh, và trong các cuộc đấu-tranh kinh-tế. Hợp nhất làm một khối, họ thành một sức mạnh, nhờ nương tựa được nhau.

Trong thị-trường chung, 6 nước Tây-Âu coi nhau như một về kinh-tế. Bất-cứ người dân nào của 1 trong 6 nước, cũng có thể tới lập-nghiệp ở một nước khác trong khối, không bị một bó-buộc nào khác biệt. Hàng-hóa lưu-thông tự-do trong khối 6 nước y như trong một nước, không mất thuế. Mọi ngành sản-xuất và công-việc xuất-nhập-cảng, phân-phối hàng hóa trong khối, tóm lại là mọi ngành về kinh-tế, đều do một quyền-lực chung của 6 nước quy-định cho thích-hợp với quyền-lợi chung. Quyền-lực ấy gồm đại-diện của 6 nước và không khác nào một chánh-phủ chung, nhưng đây là một chánh-phủ chỉ huy kinh-tế. Còn các chánh-phủ thật của 6 nước sẽ chỉ là những cơ-quan thừa-hành về kinh-tế mà thôi.

Trong các giới Tây-Âu, người ta còn bảo rằng : Thị-trường chung là một phương tiện giải-quyết tranh-chấp Mỹ-Nga. Theo họ, Nga-Mỹ tranh-chấp nhau là vì đánh nhau thị-trường và sợ bị lẫn ảnh-hưởng, lẫn đất. Nhưng nếu các nước khác hợp lại trong những khối Thị-trường-chung, thì ảnh hưởng Nga hay ảnh-hưởng Mỹ cũng không tiến lên được, như thế Nga sẽ không sợ Mỹ, Mỹ sẽ không sợ Nga. Đồng-thời, khối thị-trường chung lại điều-hòa việc buôn-bán với Nga và với Mỹ, do đấy mà dập-tắt được các tranh-chấp. Chương-trình ấy thật là tốt-đẹp, nếu chủ-nghĩa C. S. có thể bỏ hẳn chủ-trương tiêu-diệt các chế-độ tư-sản.

Ngoài ra, người ta còn nghĩ rằng : Mấy nước kia, một khi đã kết-hợp được trọn-vẹn về kinh-tế, thì cũng có thể liên-kết về chánh-trị. Hủy-diệt chánh-phủ nước mình đi, để chịu quyền một chánh-phủ chung, là việc không thể làm được. Nhưng kết-liên với nhau thành một khối ngoại-giao chặt-chẽ, là việc có thể thực-hiện. Khối Thị-trường chung Tây-Âu đã thành một khối chánh-trị và đương do tình-trạng ấy mà tạo sức mạnh mới.

Thị-trường-chung Âu-Châu sẽ thành hay bại, là chuyện sau. Nhưng hiện nay, nó đã làm say mê nhiều nước, — và vì thế nên người ta đã nói đến chuyện kết-hợp Đông-Nam-Á, hay cả Á-Phi thành một Thị-trường chung.

Trong khi chờ đợi để thành một Thị-trường chung, các nước Á-Phi đã có những cố-gắng để thành một khối. Từ Hội-Nghị Băng-Đung đến các Hội-Nghị ở Le Caire, các nước này cố thành một khối kinh-tế, nhưng không xong : họ chỉ mới đến giai-đoạn hợp-tác trong Liên-hiệp-Quốc để có một quan-niệm chung đối với một số những vấn-đề trên thế-giới...

Tuy nhiên, trong khối Á-Phi quá rộng, lại có những khuynh-hướng khác hẳn nhau, trái ngược nhau, làm cho khối luôn luôn bị phân-tán. Do đấy, trong mỗi vấn-đề cần giải-quyết, thường thường chỉ tập-hợp được một phần nào các phiếu Á-Phi mà thôi. Người ta còn chờ một cuộc kết-hợp chặt-chẽ hơn.

Chỉ nhận xét mấy khối quân-sự hay chánh-trị chính trên thế-giới, người ta cũng đã nhận thấy những ích-lợi và sự cần-thiết của sự liên-kết giữa một số nước. Sự liên-kết phải xảy ra khi một số những nước nhận thấy được lợi chung do sự kết-khối. Như trong khối Thị-trường chung chẳng hạn, hay trong khối Bắc Đại-Tây-Dương.

Giữa những nước gần nhau bởi vì cùng bị một cường-lực đe-dọa, thì liên-minh quân-sự phải có. Giữa những nước bị áp-đảo về kinh-tế, mà nhận thấy rằng quyền-lợi chung có thể có được, thì kết-liên về kinh-tế là cần. Và bất-cứ trường-hợp nào, nếu có những điều tương-đồng đề kết-hợp với nhau, cũng đều lợi cả.

Ở đây, chúng ta không nói đến những cuộc kết-liên giả tạo hay những cuộc kết-liên để thực-hiện những mưu-khóe chánh-trị.

Riêng tại Á-Châu, những cuộc kết-liên từng miền, không phải là không cần thiết. Những miền Á-Châu luôn luôn bị đe-dọa bởi chiến-tranh và bởi những lực-lượng đế-quốc. Những miền ở Á-Châu rất kém cỏi về kinh-tế, và vẫn còn bị thao-túng về kinh-tế bởi những cường-quốc. Các nước trong miền này vẫn luôn luôn có những cố-đề mà phải sợ-hãi các nước lớn, — và luôn luôn có những quyền-lợi phải bảo-vệ một cách rất nhọc-nhăn.

Những yếu - tố nào cản - trở một cuộc đoàn-kết ở Á-Châu ?

Vậy mà Á-Châu chưa thật sự kết-khối được, — và cũng chưa tìm được định-thức nào để cho những nước ở từng miền liên-kết thật sự với nhau. Xét theo số đề-ngị nói trên và các cuộc vận-động hướng đến một cuộc liên-kết, và so-sánh với những kết-quả đã đạt được, ta thấy rằng những cố-gắng để liên-kết đã thất-bại phần nào.

Từ Nhật-Bản, Hàn-quốc, đến Ba-Tư, Thổ-nhĩ-Kỳ, thế của những quốc-gia, những nền văn-minh, những quyền-lợi chánh-trị và kinh-tế, đều khá phức-tạp.

1) *Những bất đồng về văn-hóa.* — 3 nền-tảng văn-hóa trấn ở Á-Châu : văn-hóa Khổng-Mạnh, ở Đông-Á và Đông-Nam-Á, văn-hóa Ấn ở Nam-Á, văn-hóa Hồi ở Tây-Nam-Á.

Tiếng nói không phải là yếu-tố cản-trở sự liên-kết, nhưng 3 nền văn-hóa khác nhau quá ~~đã~~ đã phân Á-Châu ra thành những khối nhỏ hơn. Nhưng, cũng trong phạm-vi văn-hóa, mà lại có những yếu-tố khác nữa rất quan-trọng : yếu-tố tôn-giáo, yếu-tố mà chúng tôi chú-ý đặt riêng ra.

2) *Bất-đồng về tôn-giáo.*— Tôn-giáo là yếu-tố hệ-trọng bậc nhất trong hiện-tại. Như khối Trung-Đông, tuy quyền-lợi chánh-trị và kinh-tế khác nhau rất nhiều, mà các nước Ả-Rập vẫn nhờ có tôn-giáo chung mà thân-thiết trở lại với nhau. Khối Ả-Rập có cơ mở rộng ra thành khối Hồi-giáo, bao gồm thêm những nước tuy không phải thuộc giống dân Ả-Rập, nhưng nhận đạo Hồi-Hồi làm Quốc-giáo. Ai-Cập, I-Rắc cùng bỏ thái-độ thân Cộng được rồi, thì nên đoàn-kết Ả-Rập trước, Hồi-Giáo sau, có thể thực-hiện.

Phật-giáo có một nền-tảng vững-vàng khác : Phật-giáo có những cội rễ rất sâu rộng ở Nhật, ở Hàn quốc, ở Việt-Nam. Phật-giáo lại đã thành Quốc-giáo ở Cao-Miên, Lào-quốc, Miến-Điện, Thái-Lan, Tích-lan. Phật-giáo lại gần gũi Ấn-Độ-giáo. Hiện tại, ngoại-trừ những bất-đồng về chánh-sách ra, thì có lẽ Miên, Lào, Miến, Thái, Tích-lan có thể ngay tức thời hợp-thành một khối chặt-chẽ, khối đó có thể gọi là khối Phật-giáo ở Đông-Nam-Á. Nhưng khối đó lại chia rẽ với những nước khác, thí-dụ với những nước theo đạo Hồi hay những nước theo đạo Chúa (Phi-luật-Tân). Tình-trạng ngoại-giao ở Đông-Nam-Á mấy năm nay làm ta nói chắc được như vậy.

3) *Những bất-đồng về kinh-tế.*— Những nước mà các nền-tảng kinh-tế bù cho nhau, thì dễ kết hợp với nhau hơn. Tuy nhiên, bù cho nhau, không hẳn có nghĩa là một nước này phải là nước kỹ-nghệ trong khi nước khác là nước theo nông-nghiệp. Các nước đều vươn đến kỹ-nghệ, nhất là các nước ở Đông-Nam-Á. Cho nên kinh-tế bù nhau, tức là có thể hòa-hợp nhau nhờ các hàng trao đổi, trao đổi lẫn nhau các sản-phẩm canh-nông thối cũng được, — hay lẫn nhau các hóa-phẩm kỹ-nghệ cũng được.

Tuy thế, những bất đồng về kinh-tế ở Á-Châu, do chỗ các nước nông-nghiệp cùng phải cạnh tranh nhau để có thị-trường bán nông - phẩm, — những bất đồng ấy cũng có thể dịu đi vì những yếu-tố khác thúc đẩy đến cuộc liên - kết.

4) *Quyền-lợi của các Cường-quốc và ảnh-hưởng của họ vào các nước ở Á-Châu.*— Các nước Á-Châu tuy độc-lập, nhưng vì là nước nhược-tiểu, và vì đương bị Cộng-Sản uy-hiếp nặng-nề nên chưa thể nhất đán thoát hẳn ảnh hưởng các nước lớn, để có một chánh sách hoàn toàn độc-lập. Nói một cách khác, những nước lớn vẫn có những quyền lợi ở các nước nhược-tiểu Á-Châu, và vì thế mà vẫn phải có ảnh hưởng vào các nước này để bảo vệ các quyền lợi của mình.

Hành động của các cường - quốc vì thế có thể làm thay đổi được những dự-định kết khối của các nước nhỏ.

Mặt khác, hành-động của các nhược-tiểu quốc đặt dưới ảnh hưởng phần nào của các cường-quốc, thường bị vài nước trung-lập nhóm ngó bằng một cách nghi ngờ.

5) *Những bất đồng chánh trị.*— Chủ trương trung lập, từ trước không chịu đi với chủ trương triệt để diệt Cộng. Tuy thế chủ trương trung lập đã từng thiên Cộng, và yếu tố bất đồng chánh trị không phải mãi mãi là yếu tố ngăn cản một cuộc kết hợp giữa hai khuynh hướng.

6) *Bản năng của oanh-quang.*— Sở dĩ cũng được đề cập đến là vì ở Á-Châu, đã từng có những lãnh tụ quốc gia muốn làm lãnh tụ của một khối ở Á-Châu. Hai lãnh tụ tranh nhau ngôi chủ tể là đủ để cho sự kết liên không thành.

Những yếu tố trên làm cho tình hình ở Á-Châu phức tạp, cũng làm cho những vận động kết liên trở nên khó khăn.

Những yếu tố thúc đẩy đi đến một cuộc liên kết rộng rãi.

Tuy thế, sự liên kết vẫn cần thiết, tự nơi nguyên tắc của nó. Nếu thế giới không chấp nhận một thế giới đại đồng kiểu Cộng Sản, thì cũng phải chấp nhận tiến đến một thế giới biệt hợp tác. Liên kết với nhau, một thế giới đại đồng theo những nguyên tắc mà Hiến chương Liên-Hiệp-Quốc đề ra. Không bằng cách này thì cũng phải bằng cách khác, người ta phải đi đến một thế giới sống hòa hợp với nhau, nếu không thì nhân loại sẽ mãi mãi đau khổ vì chiến tranh.

Cấp thời, nhân loại lại còn phải chống với Cộng Sản. Theo định luật hợp quần, những người lẻ tẻ đã phải hợp thành gia đình, rồi gia đình hợp thành bộ lạc, rồi bộ lạc thành dân tộc quốc gia, cũng là vì bản luật họ gặp những kẻ thù tàn hại họ, những kẻ thù càng ngày càng mạnh. Nếu một đoàn quân xâm lăng đã làm cho các bộ lạc hợp quần lại thành quốc gia, thì lực lượng Cộng Sản hiện thời có khả năng thúc đẩy các nước tập hợp lại thành khối.

Các nước ở Á-Châu tuy phức tạp và có nhiều điểm khác biệt những lại tương đồng ở chỗ đương cùng chịu một nạn chung. Lực lượng Cộng Sản đương tận lực tiêu diệt Ấn giáo, Phật giáo cũng như Hồi giáo, và cũng đương tận lực tiêu diệt tất cả nền tảng văn hóa ở Á-Đông, Đông-Nam-Á, Nam-Á cũng như ở Trung-Đông. Cộng Sản không phải chỉ nhằm tiêu diệt các nước chống Cộng, họ cũng hận thù những nước trung lập y như thế. Tất cả những yếu tố có thể gây chia rẽ giữa các nước ở Á-Châu

vì thế mà một ngày kia, có thể đẹp đi để cho ý thức đoàn kết thắng-thế hoàn toàn.

Là vì, người ta đâu còn lo bảo vệ lấy ít quyền lợi lật vạt một khi cái chết đã xâm nhập vào cơ thể. Các nước đều hiểu rõ Trung Cộng làm gì ở Trung Hoa (tiêu hủy hết nền-tảng văn-hóa, tiêu hủy tôn giáo, tiêu hủy phong-tục, biến toàn thể nhân dân thành những con vật sản xuất) và họ đều hiểu những gì chờ đợi họ một khi họ bị làn sóng Cộng Sản tràn qua. Đến lúc ấy thì họ không còn giữ lại được gì, kể cả đến tư-tưởng của họ. Vì thế, họ sẽ bỏ đi những tiềm-tiết, họ sẽ tạm đẹp sang một bên những bất đồng về tôn giáo, về chủ trương chánh trị, về quyền lợi kinh tế để cố kết-hợp về quân sự... Nhưng đến lúc ấy, hẳn là họ cũng không, còn bất đồng về chủ-trương chánh-trị nữa đâu. Lúc ấy, họ sẽ chỉ còn chủ trương tự-cứu và cứu lẫn nhau để tự cứu, thế thôi.

Sức đe dọa của tình-thế, một tình-thế dẫn đến sự tiêu hủy nền-tảng sống còn của từng nước và của toàn thể khu vực, có một sức thúc đẩy hết sức mạnh mẽ đưa đến một nền tảng liên kết.

Một cuộc liên kết có thể có dưới hình thức nào ?

Liên kết đã có dưới hình thức một liên minh quân sự, khối Liên-Phòng Đông-Nam-Á, như đã nói ở trên. Khối đó ràng buộc Thái-Lan, Phi-Luật-Tân, Hồi quốc, Úc, Tân-Tây-Lan, Mỹ, Anh, Pháp. Chỉ có 3 nước Á-Châu trong khối 8 nước đó. Còn những nơi chịu áp-lực Cộng-Sản mạnh nhất lại không có liên quan trực tiếp với cơ cấu phòng thủ đó. Tuy rằng khối minh-uớc đứng bảo-vệ mấy nước ở Đông-Dương, nhưng một cuộc bảo vệ ở ngõ ngoài, không có cơ-sở quân sự, không có lực lượng tăng cường, chưa phải là một cuộc phòng thủ thật sự.

Hàn quốc đã dò ý để thành lập một khối phòng thủ chung gồm các nước chống Cộng, nhưng trừ ra Nhật-Bản. Tiếc rằng đề nghị của Hàn chưa đầy đủ để người ta có thể phê phán; đề nghị đó có bao-gồm các cường quốc khác không? Đề nghị đó phải chăng còn đặt Nhật ra ngoài để cho Hàn có một phương tiện mặc cả những điều kiện với Nhật? Nếu có các cường quốc, thì các nước trung lập sẽ không gia nhập. Nhưng nếu không có các cường quốc, thì sao? Một là cuộc liên minh sẽ kém hẳn ý nghĩa và hiệu-lực của nó, nếu cuộc liên minh chỉ do sáng kiến của mấy nhược tiểu quốc, — mà hai là đằng sau khối liên minh còn có nước lớn ần núp để thầy khi giới cho một nhược tiểu quốc A để nhược tiểu quốc này đem chuyển lại cho nhược tiểu quốc B dùng chấn chỉnh quân đội — thì lại là chuyện

khác. Cố nhiên, nước A là nước đã có kết liên với một cường quốc, còn nước B không có kết liên với cường quốc nào cả.

Hiệp ước giữa Lào-Pháp là một trong những thí dụ của những cuộc trợ giúp gián-tiếp. Pháp sẽ đem thêm nhiều huấn luyện viên sang Lào (mà không sợ trái với hiệp định Genève) cùng với khí giới. Những khí giới đó là của Mỹ giúp, và trong số luyện-viên người Pháp kia, lại có một số là người Mỹ chánh cống.

Theo chiến thuật, người ta không thể bỏ rơi những nước trung lập, một khi những nước này ở lọt vào giữa những nước chống Cộng... Bỏ rơi họ, thì Cộng Sản xâm nhập dễ-dàng vào những nước này và sẽ bắt thần trấn ở ngay sau lưng mình rồi.. Trên thật tế, Miến, Cao Miến, Nam Dương đều quan trọng và người ta phải có định thức nào đó để có thể liên kết được ngay những nước trung lập vào một khối với các nước chống Cộng, — dù là chưa kết liên chặt chẽ và chưa phải là đề chống Cộng, mà chỉ là đề tăng-cường sức tự vệ lên cũng là hay lắm rồi.

Chinh Miến Điện, một nước trung lập, đã nhận viện trợ quân sự của khối Tự Do. Nam Dương cũng thế. Lại chính Miến Điện đề nghị một cuộc liên-kết giữa các nước Đông Nam Á để cùng tự vệ. Lúc này, sau các vụ ở Tây Tạng, ở Kerala, ở Miến Điện, một cuộc liên kết có lẽ sẽ không khó lắm, nếu hãy chỉ nhằm vào một khu vực thôi đã. Hãy tính chuyện một khu rồi mới tiến sau.

Nhưng liên kết quân sự không, không đủ. Còn phải trao đổi văn hóa và điều hòa quyền lợi kinh-tế, nếu không thì nền tảng quân sự sẽ lỏng lẻo và không tồn-tại lâu dài.

Cho nên người ta cũng không nên ý rằng tình thế cấp bách sẽ thúc đẩy các nước kết đoàn : người ta phải giúp vào công cuộc liên kết bằng cách bớt đi những diềm bất đồng.

Bất đồng về văn hóa chăng ? Phải ráng tìm hiểu nhau bằng các cuộc trao đổi và bằng một tinh-thần dễ-dãi.

Bất đồng về tôn giáo chăng ? Cũng phải ráng tìm hiểu nhau. Và điều cần nhất là phải trọng tự-do tín-ngưỡng của nhau.

Điều này rất quan trọng : muốn có hợp tác rộng rãi, không một chánh quyền nào và một khối tôn giáo nào có thể có những ý nghĩ chật hẹp đến nỗi tạo ra những sự phân biệt giữa một tôn giáo này với một tôn giáo nọ — có như thế thì cuộc liên kết mới có thể thành tựu.

Các cường-quốc sẽ vì quyền lợi chung mà tự họ dàn xếp nhau từ gốc — từ những cuộc nói chuyện riêng của họ.

Còn về những quyền lợi kinh-tế thì, như trên đã nói, đó không phải là một trở lực quá khó.

KẾT LUẬN

Kết liên là cần nhưng kết liên được không còn do con người đấy. Một thiện chí rất lớn để cải thiện tinh thần, để đập bằng các cản trở, để chấm dứt các phân biệt về tôn giáo, rất cần trước hết để đi đến một cuộc liên kết mà tình thế đương thúc đẩy mọi nước đi đến.



HỒ-QUÝ-LY VỚI NHÀ HỒ

胡季犛忽必烈

TÔ-NAM NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM

NÓI đến một nhà độc tài của nước ta vào cuối thế kỷ 13, sang đầu thế kỷ 14, phần nhiều người ta nhắc nhở ngay đến Quý-Ly.

Vì đối ~~lên~~ ^{lớp trên} Quý-Ly, ta thấy có Trần-thủ-Độ 陳守度, một người đánh bại Mông-Cổ ngay từ trận đầu, đoạt lấy ngai vàng nhà Lý đem về cho cháu, như ~~đỡ~~ ^{đỡ} bàn tay, sự nghiệp thực cũng ~~hẳn~~ ^{hẳn} hách!

Nhưng xét cho kỹ thì ông là bậc hoàng thân, sẵn có địa vị, gia đình anh em con cháu, toàn là những bậc anh hùng, vì thế ~~nhên~~ ^{nhên} ông có thể làm mưa làm một thời.

Nhìn xuống lớp dưới, ta thấy có Mạc-Đăng-Dong 莫登庸. Dong là cháu bảy đời cụ Trạng Mạc-Đĩnh-Chi 莫挺之. Thời Lê Uy - Mục, xuất thân chỉ là một anh tiểu tốt, thế mà về sau tích lũy chiến công làm đến thượng tướng nắm hết binh quyền, bắt buộc Lê-Đế nhường ngôi, kể ra về đối nội cũng oanh liệt.

Đối ngoại, thì Dong đã quá dè hèn, tự trói mình quỳ trước quan ải để xin hàng phục bọn Mao-bả-Ôn, làm mất phẩm giá con người; huống chi con người đã từng xưng cô xưng quả!

Lại xuống dưới nữa, thấy có Trịnh-Kiểm 鄭檢, một người xuất thân trong đám hàn vi, thế mà về sau, lập nên cơ nghiệp 12 đời chúa, phi vương phi bá quyền khuynh thiên hạ.

Xét lại, trong đời chính trị của họ Trịnh, đối nội cũng như đối ngoại, cũng không có gì đặc sắc, cũng chỉ tranh quyền cướp vị, lẫn lẩn trong vòng phú quý vinh hoa.

Vì thế gần đây các nhà sử học bình luận đến Quý-Ly rất nhiều, cho rằng Quý-Ly là người có óc sáng kiến mới mẻ nhất trong thời đó. Về đường học vấn, Ly học rộng, nhưng không học theo lối khoa cử. Đọc sách cổ mà Ly không không hoàn tin ở sách. Sách Luận-Ngữ, Ly trích ra 4 điểm nghi ngờ, như chỗ Đức Khổng yết Kiến Nam-Tử — chỗ Ngài tuyệt lương ở Trần; chỗ Công-Son-Phật-Ban triệu mà Ngài toan đến; những chỗ đó Ly bảo rằng không đúng sự thực nên có đặt Luận-Ngữ tứ nghi?

Đối với các bậc tiền hiền, Ly cũng không phục Hàn-Dũ. Ly bảo là đạo nho (nho ăn trộm). Chu-Mậu-Thúc hai Trình-phu-Tử Dương-Quy-Son La-Trọng-Tổ Lý-duyên-Bình và Chu-Tử, Ly bảo các ông học rộng nhưng kém tài, không thiết thực lại hay đục khoét tư tưởng cổ nhân.

Đối với các bậc tiền thánh, Ly chỉ tôn có Chu-Công, còn tôn sư thời Ly chỉ tôn có mình đức Khổng.

Mười bốn thiên Minh-đạo của Ly soạn ra, toàn những luận thuyết lạ lùng như vậy, thế mà chẳng những Trần-Nghệ-Tồn đã xuống chiếu ban khen. Về sau vua Tự-Đức cũng lại phê rằng : thuyết của Ly chưa chắc đã là sai cả?

Về giáo dục : muốn cho sĩ phu quay về thực học, và phổ biến văn hóa một cách sâu rộng; Ly đã dịch Thiên vô-dật ra quốc âm — thiên này trích trong sách Thượng-Thư của ông Chu-Công soạn ra để dạy vua Thành-Vương, trong đó toàn kể sinh hoạt của dân làm ruộng. Ngày nay Ly dịch ra để dạy ngay từ ấu chúa trở xuống.

Về trường học : thì từ các tỉnh cho đến các huyện châu, đều đặt học quan, lương bổng thì cấp bằng ruộng, gọi là học điền.

Về khoa cử : cũng được cải cách mới mẻ; vì trước kia theo phép nhà Nguyên chỉ có 3 kỳ; nay thêm các môn thư toán và thời vụ thành ra 5 kỳ.

Môn toán : thấp thì tính ruộng đất tiền nong, cao lên thì tính độ số vũ-trụ. Như vậy thí sinh bắt buộc phải học thêm 10 quyển toán kinh, cũng không phải là dễ.

Còn thời vụ : môn này được chú trọng nhất, nên đặt vào kỳ chung kết, vì cho rằng kẻ sĩ phu chẳng những chỉ đọc sách cổ, hiểu biết tình hình xã hội cổ. Còn hoàn cảnh hiện tại, công việc cần thiết cho đời sống của mình thì lại lu mờ. Cho nên bài thi từ 1.000 chữ trở lên mới được chấm.

Về kinh tế : muốn mở mang sự giao thông, các hải cảng đều được khơi rộng, ấn định thuế cho các hạng thương thuyền, chế tiền giấy để thuận tiện cho

sự thương mại. Việc này rất hợp với chính sách văn minh, phương pháp khoa học.

Về ruộng đất : theo như trước thì các nhà phú quý bao chiếm gần hết. Nay đặt ra phép hạn điền chỉ trừ có các đại vương hoặc trưởng công chúa không bị hạn chế, muốn có bao nhiêu cũng được, còn các thứ dân chỉ được có 10 mẫu trở xuống. Nếu thừa bao nhiêu trích làm của công. Việc này giao cho một hội đồng kiểm đạc, bắt dân phải cắm biển lên phần ruộng của mình, ghi rõ bao nhiêu sào mẫu, nếu khi đạc lại không đúng đều phải sung công.

Về xã hội : đặt ra Quảng-Tế-Thự, trong thự có quan thầy thuốc trông nom. Chuyên chữa cho dân những khi đau ốm.

Mỗi năm đều có phái viên đi kiểm tra sổ thuế của nhà giàu, gặp khi mất mùa, bắt bán cho dân một giá phải chăng, định rõ đạo luật, cấm nạn đầu cơ, đặt chức Thị giám để thống nhất sự đo lường.

Về võ bị : lập sổ hộ tịch để tăng binh, trẻ từ 2 tuổi đã phải vào sổ. 15 đến 60 là tuổi quân dịch, nhờ đó quân số tăng lên rất nhiều.

Về khí giới thì trong nước dựng nên 4 kho, tuyển thợ khéo vào làm việc. Chiến thuyền cũng được chế theo kiểu mới, thủy thủ đều ở khoang dưới, 2 người điều khiển một chèo sức đi rất mạnh, bên trên lót bằng ván gỗ, để cho quân sĩ chiến đấu, đến khi ghép lại thành ra một chiếc phủ kiệu, voi ngựa sang sông, yên ổn như đi trên đất.

Về quốc phòng : sông Bạch-đăng và Nhị-hà đều cấm cọc ngầm, tính dài hơn 700 dặm, để phòng quân Minh.

Phòng quân Chiêm-Thành thì sông Ngu-giang cũng cấm cọc ngầm, dựng tân đô để mưu nam tiến di dân vào Cổ-Động để tâm thực đất Chiêm.

Nói tóm lại : Việc nhón việc nhỏ, việc gì cũng được cải cách khả quan. Chỉ hiềm trong đời chính trị của Ly, đã vấp rất nhiều trở lực.

Trở lực thứ nhất là : quốc gia hồi đó suy nhược đến cùng ai lại đường đường một nước vừa mới đánh bại quân Nguyên, mà sau mấy chục năm giời, đến triều Nghệ-Tôn (1370), để cho Chiêm-Thành nhỏ xíu, trong vòng 3 năm giầy xéo Thăng-Long 3 lượt. Chẳng khác vào chỗ không người.

Trở lực thứ hai mới lại nguy hiểm. Vì phải đối phó với những lớp sóng tử thù, lớp trước chưa lui, lớp sau đã lại dồn tới ; bởi lẽ càng được vua tin, thì lại càng lắm hạn ghét.

Cứ như trong sử chép lại thì lúc ấy Thượng-Hoàng Nghệ-Tôn quá yêu ngoại thích, mới đem việc nước giao phó cho Ly.

Nhưng đó chỉ là một lẽ, sự thực thì Nghệ-Hoàng cũng tin ở năng lực

của Ly, như việc chiêu dụ được giống người Mán vùng Thanh Nghệ qui phục triều đình. Và sau nhờ tài tổ chức, mệnh lệnh thép của Ly đã làm cho Chế Bồng-Nga nếm mùi thất bại cay đắng ở sông Ngụ-Giang, mấy trăm chiến thuyền đều bị thiêu hủy, nhuệ khí Bồng-Nga bắt đầu suy giảm, để mở màn cho trận thắng về sau mà thượng tướng Trần-khát-Chân giết được Bồng-Nga ngay nơi chiến địa.

Đương lúc vận nước suy đồi, nhân tài khan hiếm; văn võ toàn tài như Trương-Hán-Siêu thì đã tạ thế. Văn học đạo đức như Chu-văn-An thì mấy năm trước, cũng đã chán nản, quẩy mũ về vườn.

Tồn thất danh vọng như Trần-nguyên-Đán cũng lại cáo lão, lui về Côn-Sơn, cứ như trong sử chép lại: Vì ông biết rõ Quý-Ly sắp sửa cướp ngôi. Muốn tránh tai nạn cho gia đình, nên ông đã đem con sang gửi Quý-Ly, còn việc tồn vong của xã tắc thì không nghĩ tới, để cho người đời mai mỉa *« đem con gửi cái quạ già? biết rằng quạ có thiết tha con mình »*.

Như vậy biết đâu Nghệ-Hoàng lại chẳng vì thế, nghĩa là nhìn sau nhìn trước, chẳng còn thấy ai hơn Ly. Nhẽ nào lại chẳng đem trao quyền bính cho Ly, phong chức Bình-Chương, ban cờ ban kiếm, đặt hy vọng lớn vào Ly.

Ly thấy mình đã chiếm được lòng tin của Đế, bèn tìm cách gây thêm thế lực, tiến cử Nguyễn-đa-Phương là con thầy học ra làm tướng quân, mưu sĩ Phạm-cự-Luận ra quyền Đô-Sứ, chức tả hữu *phán thủ* thì dành cho em ruột Quý-Tỳ.

Chức vụ quan trọng triều đình phần lớn đã nắm trong tay, háy gì Ly mới độc đoán, sự độc đoán của Ly, chỉ trừ Thượng-Hoàng Nghệ-Tôn. Vì Ngài còn mãi tu tiên tu phật, nên không để ý. Còn ra thì từ Thuận-Tôn trở xuống cho chí đình thần, thấy đều công phần! Vua Tội bàn định mưu kế trị tội Quý-Ly chỉ còn đợi ngày Thượng-Hoàng đi vắng thì mới khởi sự.

Chẳng ngờ câu chuyện vỡ lở, có quan Thị-học là Vương-nhữ-Mai sớm đem mưu đó tiết lộ với Ly, Ly đã toan bài tự tử.

Những Nguyễn-đa-Phương bàn rằng: *« Việc này Đại nhân không sợ. Theo chỗ tôi biết thì Đế đương bị Thượng-Hoàng ghét ngầm ghét ngầm. Vì mới rồi Đế đã tự tiện mưu giết đại-vương Húc. Vậy thì Đại nhân cứ việc vào cung, tâu với Hoàng-Thượng như thế chắc rằng sẽ có cứu tinh »*.

Ly nghe lời Đa-Phương, lập tức vào cung yết kiến Thượng-Hoàng trước còn phân trần lợi hại, rồi sau nói đến việc Ngài lập cháu bỏ con, làm cho Thiên hạ xôn xao bình phẩm.

« Xưa nay chỉ thấy bán cháu nuôi con, chưa có đời nào lại đi bán con nuôi cháu ».

Ly nói đến đây, bỗng thấy Thượng-Hoàng thở dài xem chừng có ý cảm động, Ly bèn bái biệt lui ra.

Thế rồi sáng sớm hôm sau, Thượng-Hoàng đi viếng đền thờ An-Sinh, khi xa giá tới nơi, Ngài cho nội thần đi triệu Đế-Hiện. Đế-Hiện 帝現 vừa đến, Ngài truyền lệnh đem giam vào chùa, rồi hạ một đạo chiếu như sau :

« Xưa kia Duệ-Tôn (em ruột Ngài) nam chinh bị nạn, vì thế phải cho cháu trưởng nối ngôi.

Chẳng ngờ từ khi lên ngôi, vẫn còn giữ nét trẻ thơ ngáy đại, đã chẳng sửa sang đức tánh, lại đi thân cận tiểu nhân, mưu hại công thần, làm nguy xã tắc. Vậy nên giáng làm Linh đếc đại-vương, và cho Hoàng đệ Chiêu-Định-Vương-Ngung lên nối cơ nghiệp ».

Lúc ấy đình thần tiếp được tờ chiếu lạ lùng như vậy, thì các võ quan như Thiết-kiểm-tướng quân Nguyễn-Khoái Nguyễn-vân-Nhi 阮快阮雲兒 Thiết-giáp-Tướng quân Nguyễn-Kha Lê-Lắc 阮訶黎勒 và Thiết-Thương-Tướng-Quân Nguyễn-bát-Sắc 阮八索 vân vân, bàn nhau đem binh vào chùa để cướp Đế-Hiện. Nhưng Đế lại viết hai chữ giải giáp gửi ra, và bảo không được trái ý Thượng Hoàng, phải để tùy Ngài định đoạt. Vì thế nên việc cướp ngục không thành.

Rồi sau, nội-giám được lệnh đưa Đế ra phủ Thái-dương để Ngài tự tận. Còn bọn Lê-Á-Phu, Nguyễn-Khoái, cũng buộc phải chịu tử hình.

Thế là Quý-Ly lại được thoát nạn. Vương - Ngung 大玉顯 lên ngôi, lập con gái Ly làm Hoàng-Hậu. Oai quyền của Ly lại mạnh hơn xưa.

Rồi đến mùa thu năm Quang-Thái thứ 4 (1391) các tướng ở vùng Hóa-Châu cũng lại bàn mưu định giết Quý-Ly, nhưng việc chưa thành thì Đặng-Tất 鄧悉 và Hoàng-Hối-Khanh 黃晦卿 đã đem mưu đó mật báo với Ly, thành ra Phan-Mãnh, Bình-Khuê, cả bọn đều bị xử tử. Tôn thất Nhật-Chương 日章 cũng bị kết án tử hình. Từ đấy ai cũng sợ hãi, không dám dă động đến Ly nữa.

Đến năm Quang-Thái thứ 7 (1394) bỗng có một đêm. Thượng-Hoàng mơ thấy Duệ-Tôn hiện về, đứng trước đầu giường, đọc cho Ngài nghe 4 câu : 中間惟有赤嘴候. 殷勤潛上白鷄樓. 口王已定興亡事. 不在前頭在後頭. Trung gian duy hữu xích châu hầu ? ân cần tiềm thương bạch kê lầu ! Khẩu vương dĩ định hưng vong sự ? bất tại tiền đầu tại hậu đầu !

Khi tỉnh dậy, Ngài nhận thấy câu 1 nói : Trong triều hiện có một vị tước hầu đỏ mồm (ám chỉ Quý Ly). Câu 2 nói : Nó đương làm le trẻo lên cái lầu

bach kê. Vì Ngài tuổi Tân Dậu tức gà trắng (ý nói nó sẽ leo lên địa vị của Ngài). Câu 3 : chữ khâu với chữ vương hợp thành chữ quốc (ý nói nước mất hay còn đã có định số). Câu 4 nói : việc ấy không ở hồi trước, mà nó xảy ra hồi sau (tức sau đời Ngài thì nó sẽ cướp ngôi).

Đoán thấy như vậy. Ngài mới hỏi hân trước kia đã trót giao hết quốc bính cho Ly bây giờ biết làm thế nào ?

Nghĩ đi nghĩ lại, Ngài đành phải dùng đến hạ sách muốn đem đạo đức để cảm hóa Ly họa chẳng tẩy được bộ óc thoán nghịch.

Rồi Ngài sai ngay họa sĩ vẽ một bức tranh trong tranh gồm có 4 vị :
 1) Chu-Công giúp vua Thành-Vương. 2) Hoắc-Quang giúp vua Chiêu-Đế.
 3) Gia-Cát-Lượng phò Hậu chúa. 4) Tô-Hiến-Thành phò Lý-Cao-Tôn. Gợi là bức tranh Tứ-Phụ, để tặng Quý-Ly, rồi Ngài khuyên Ly cũng nên soi gương đó để giúp Ngài.

Tháng 4 năm ấy, sau cuộc lễ vua tôi ăn thề, Thượng-Hoàng triệu riêng Quý-Ly vào cung phán rằng : « *Như Khanh với Trẫm là chỗ chí thân, ngày nay thế nước suy vi, Trẫm thì già cả, vậy hễ sau khi Trẫm mất, Khanh xem tự quán có thể giúp được thì Khanh hãy giúp, bằng không thì Khanh cứ việc lên ngôi.* »

Thượng-Hoàng phán xong, Quý-Ly vội vàng lật mũ ra thề : « *Thần đây vì chẳng hết lòng trung nghĩa phò tá Hoàng gia. Giời xanh đất chẳng dung thứ. Ngay như gần đây. Minh-Đức-Vương làm việc thất đức, vì thù không nhờ uy linh bề hạ, thần sao được sống để thờ Bệ hạ cho tới ngày nay? Đối với ơn to trời biển! Thần đâu muốn chết cũng chưa báo đáp một phần, nhẽ nào lại dám manh tâm làm việc thoán nghịch? Cúi xin Bệ hạ hãy cứ yên lòng.*

Rồi tháng 12 thì Thường-Hoàng Nghệ-Tôn mất, trong lúc cư tang. Quý-Ly lại giết thêm mấy vị Tồn thất như Nguyên-Uyên, Nguyên-Duận và mấy vị cận thần rồi vào phụ chính, xưng là Vệ-quốc đại vương. Thế là Ly đã vượt qua biết bao trở lực, bây giờ Ly mới thực hành kế hoạch thiên đô. Kế hoạch này Ly đã dự tính từ lâu chắc hẳn có một thâm ý mà không ai biết.

Người ta chỉ biết : Ly dựng đô mới là có mục đích cướp ngôi, đoán già hơn nữa thì bảo : Ly muốn thiên vào Thanh-Hóa, là để lánh xa sự uy hiếp của Minh ở phía bắc. Và muốn thuận tiện cho cuộc thôn tính Chiêm-thành ở phía Nam.

Nhưng gần đây có người nguyên là đồng dôi họ ấy còn sót, thuật lại những truyền ngôn của tổ phụ : thì muru kia chỉ để che đậy bề ngoài, sự thực bên trong, vô cùng bí mật : nơi sản xuất vũ khí, trong các hang núi vẫn còn dấu tích các lò đúc sắt đúc đồng.

Chỉ vì lúc ấy công việc vừa mới tiến hành, thì đã có người mật báo cho Minh triều biết. Minh Đế cả sợ, bèn sai Ngự-Sử Lý-Ỗ 李 鈺 sang ngay.

Cứ trong sử chép, thời nhiệm vụ của Ỗ là sang chất vấn về việc con cháu nhà Trần. Nhưng sao Ỗ lại vội vã đi gấp ngày đêm, khi đến Tây-dô, lại không vào Triều chất vấn, mà chỉ quan sát hình thế bên ngoài. Vậy cứ 2 chữ hình thế, ta cũng có thể ngờ rằng Lý Ỗ sang để do thám những bí mật, rồi Ỗ nhìn thấy, hay là Ỗ đã nhận được tài liệu của người khác trao cho, nên mới không dám để lộ tông tích, vội vã về ngay. Đến khi Quý-Ly biết tin cho người đuổi tới Lạng-Sơn thời Ỗ đã thoát qua biên giới.

Như vậy đủ rõ cái Tân-dô kia tất nhiên có gì nguy hiểm đến Minh nên Minh mới phải lưu tâm do thám. Hẳn rằng công dụng của nó không phải chỉ nguyên vào việc cướp ngôi.

Điều này ý hẳn Minh để biết rõ, biết rằng nếu để cho cái kinh-dò kỹ-nghệ kia tự do sản xuất vũ khí, khoảng mười năm ta sẽ có đủ thần-công Hỏa-hổ những món khí giới lợi hại do cha con nhà ấy phát minh quay vào phương Nam, nuốt xong Chiêm-Thanh. Trờ ra hướng Bắc, biết đâu cha con nhà ấy lại chả làm được cái việc nọ. Thành-Cát-Tur-Hân, hay Hốt-Tất-Liệt đã làm dòng dõi Đế-Thuấn lại chả trở về xưng đế Trung quốc hay sao?

Bằng chứng hùng hồn nhất là : Trước kia cụ Lý-Thường-Kiệt với 5 vạn binh mã từng đã giầy xéo Châu-Khâm Châu-Liêm, để phá kế hoạch bảo giáp thanh miếu của Vương-An-Thạch.

Bằng chứng thứ hai là Nùng-Trí-Cao chỉ có hơn 5000 quân, cũng đã tràn sang, phá tan 7, 8, châu huyện ; vây hãm tỉnh thành Quảng-Đông, cắt hẳn miền Nam, lập thành một nước ấy là chỉ có một đạo cổ quân.

Coi đó, thì cái óc ăn to của cha con nhà này, nếu quả có thực thì cũng không phải là cuồng vọng. Cũng không phải là câu chuyện bất cá ở trước ngọn cây.

Trên đây, thuật theo luận thuyết của người trong dòng họ ấy luận thuyết của ông có tò điểm cho Tiền thân hay không thì không dám chắc nhưng xét ra nó cũng căn cứ vào tài liệu lịch sử — chứ không phải là lý luận vu vơ.

Còn như ta muốn xét đoán một nhân vật nào trên lịch sử; tất nhiên ta phải dò lại tiểu sử người đó, và sưu tầm bên ngoài xem có những văn thơ hay truyền ngôn gì có liên can đến nhân vật đó để bổ khuyết vào, thì mới có thể tìm thấy những bí ẩn mà xưa kia các nhà viết sử, đối với những nhân vật nào, mà đời cho là thoán nghịch, thời hành vi của nhân vật đó, thường phải thêm bớt hay là còn bị xóa bỏ, tức như đối với cha con Quý-Ly.

Vậy Quý-Ly là ai? Có phải dòng dõi Đế Thuấn hay không? Thành Hồ? Thành Tây-giai hay Hoa-giai hay Tây-dô có những gì lạ?

Cứ như Minh-sử và Khâm-định Việt-Sử cương-mục chép: thời Hồ Quý-Ly dẫu người nước ta, nhưng Tổ là Hồ-Hưng-Dật 胡興逸 người tỉnh Triết-Giang 浙江 bên Tàu, tự xưng dòng dõi đế Thuấn ngày trước.

Rồi đến thế kỷ thứ 19 tức thời ngũ quý, Hưng-Dật được nhà hậu Hán bổ sang Thứ sử Diên-Châu tỉnh Nghệ, sau mấy năm, nhà hậu Hán mất, Hưng-Dật không dám trở về, đành phải ở lại Bàu-Giọt tức là một làng thuộc phủ Diên-Châu, đến đời Hồ-Liêm 胡廉 là cháu di cư ra trấn Thanh-Hóa, và làm con nuôi Lê-Huấn 黎訓, từ đấy đổi ra họ Lê, nhưng anh em chi khác như Tồn-Thốc chẳng hạn thì vẫn giữ nguyên họ Hồ, và đều là cháu 4 đời của Hưng-Dật.

Họ này chi nào cũng rất phát đạt, con giai thi đỗ rất sớm, mà lại đỗ cao. Trong triều nhà Trần, nguyên minh họ ấy chiếm được mấy ông Trạng: tức như Trạng Đồn 頓, Trạng Thành 成 đều là con cháu của Hồ-Tồn-Thốc 胡尊驚, làm cho người đời phải ghen lên rằng: họ ấy có mã đỗ trạng. Chả thế mà Chiêu-văn-Vương Trần-Quang-Khải 陳光啟 cũng có cầu mừng họ ấy như sau:

兩世芳名標渴塔, 一家盛事溢龍門。

Lưỡng thế phương danh tiêu nhận tháp, nhất gia thịnh sự dật long môn.

Nghĩa là: Khoa bảng đời truyền trên nhận tháp. Gia đình tiếng tốt vượt long môn.

Lại như Tồn-Thốc khi sang sứ Tàu, vào thăm đền thờ Hạng-Vô, đề một bài thơ đã làm chấn động cả văn học giới bên đó. Vậy nhân tiện chúng tôi xin sao lục dưới đây, để đọc giả thưởng thức cái giá trị văn chương của dòng họ này:

百二山河起戰烽. 携將子弟入關中.
煙消烟谷珠官冷. 雪散鴻門玉斗空.
一敗有天亡澤左. 重来無地到江東.
經管五載成何事. 祇得區區葬魯公.

Bách nhị sơn hà khởi chiến phong.

Huê tương tử đệ nhập Quan-Trung.

Yên tiêu Hâm-Cốc châu cung lãnh.

Tuyết tán Hồng-môn ngọc đấu không.

Nhất bại hữu thiên vong Trạch-Tả.

Trùng lai vô địa đáo Giang-Đông.

Kinh doanh ngũ tại thành hà sự.
Chi đặc khu khu táng Lỗ-Công.

DỊCH :

*Non nước trăm hai nổi bụi hồng. Đem đoàn đệ tử tới Quan-Trung.
 Khỏi tan Hàm-Cốc cung' châu lạnh. Tuyết đã Hồng-môn dấu ngọc không.
 Thua chạy gười xui đường Trạch-Tả. Quay về đất lếp nẻo Giang-Đông.
 Năm năm lần lộn thành công cốc. Còn đó trơ trơ mà Lỗ-Công.*

Trên đây là nói về nam giới, thực đã vẻ vang, còn về nữ giới cũng lại không kém. Tức như hai người có họ Quý-Ly cũng đều lấy vua Anh - Tôn, một bà sinh ra Nghệ - Tôn, phong là Minh-Từ-Hoàng-Hậu, một bà sinh ra Duệ-Tôn phong là Đôn-Từ Hoàng-Hậu. Vì có hai Hậu nên Ly được Đệ tin dùng, xuất thân ở chức Kỳ-Hầu, không mấy đã thăng Cơ-mật.

Trải qua thời Nghệ-Tôn từ năm 1370 đến năm 1373 thì Ngài nhường ngôi cho em là Duệ-Tôn, rồi Ngài xưng là Thượng-Hoàng, nhưng việc trọng đại, vẫn còn do Ngài xử đoán.

Đến năm 1376 Duệ-Tôn đi đánh Chiêm-Thành rồi bị tử trận. Con là Đế-Hiến 帝現 được lên nối ngôi, sau 12 năm, Đế-Hiến lại bị Quý - Ly dèm với Thượng - Hoàng, bắt phải tự trận, để cho Thuận - Đế lên thay. Tháng chạp năm Quang-Thái thứ 7 (1394) thì Thượng-Hoàng mất.

Thượng-Hoàng mất rồi, Quý-Ly liền vào giữ chức Thái - Sư, nắm hết quyền hành, Thuận-Tôn chỉ là hư vị. Bấy giờ Ly mới ra tay tiêu diệt những phe đối lập, rồi sai Đỗ-Tĩnh 杜省 vào Thanh đồn đốc việc lập Tây-dô.

Theo như Đại-Nam Nhất-Thống-Chí và Việt-Sử Cương-Mục chép lại vào thời Thuận-Tôn, niên hiệu Quang-Thái thứ 10 (1397), Quý-Ly lập tâm cướp ngôi nên mới lập một đô mới ở xã An - Tôn thuộc huyện Vĩnh - Lộc Thanh - Hóa.

Nơi đây nguyên là một chỗ núi sâu rừng rậm, ngày nay bắt dân xây thành đào hào, dựng lên tôn miếu phổ xá. Thành vuông mà rộng khoảng 200 mẫu, xây hết như kiểu Thăng-Long, các đường ngang dọc đều lát đá xanh có vân, vì thế gọi là Hoa giai.

Nói về địa thế thì thành này, hai bên dựa vào sườn núi, trước mặt có sông Mã-Giang 馬江, sau lưng có sông Bảo-Giang, bao quát cả tổng Chiêm-Biện Đồn-Sơn, dầu là một nơi sơn cùng thủy tận, nhưng nói về phần hiểm trở thì thực một tướng giữ quan muôn binh khó vượt vì thế nên bao dinh thần can gián, mà Ly nhất định phải làm, việc làm rất gấp.

Lúc ấy có viên Đốc-Công : nguyên là một vị Cống-Sinh, tên hiệu Bình-

Khương vì thấy dân quá lao khổ không nỡ đánh đập hóa nên công việc chậm trễ. Một hôm, Quý-Ly về khám xét thấy phần ông chưa xong bèn sai ấn ông vào chỗ thành khuyết rồi chặn một tảng đá lớn lên trên. Thế là Cống Sinh đã bị chôn sống.

Cách mấy hôm sau người vợ biết tin, tìm đến nơi chôn ông bị lấp, đập đầu vào tay vào đá, than khóc suốt mấy ngày đêm, rồi nàng khô dòng huyết lệ, nằm chết bên cạnh.

Lạ thay! Sau khi nàng chết, người ta đến coi thì thấy tảng đá lũng vào một đám, vừa đúng cái đầu và 10 ngón tay cũng thấy in sâu vào đó.

Thế rồi tin lạ cứ do miệng người truyền đi người ta tỏ lòng thương xót, kéo đến viếng thăm nhất là sau khi nhà Hồ thất thế, không bị cấm ngăn, thì tao nhân mặc khách, đủ nhau viếng cảnh, ngựa xe chẳng mấy lúc không chữ nào nôm để lại biết bao văn thơ lâm ly thống thiết.

Về sau đến thời Đồng-Khánh, xa cách ngoại 400 năm, đối với câu chuyện lạ lùng, lòng người vẫn chưa sao nhãng, quan khách kéo về thăm viếng vẫn đông, nhân dân sở tại, khổ vì những việc đón tiếp, hương lý thấy vậy bàn nhau thuê thợ đánh úp tảng đá kia xuống, rồi lấp đất lên, cho mất dấu tích.

Không biết tại sao mấy người thợ đá vừa mới lấp xong, tự nhiên lần đường ra chết, rồi sau các vị hương lý cũng bị cấm khẩu chết theo.

Cách mấy năm sau, gặp ông Đoàn-Thước 段鐸 về làm Tri-phủ Quảng-Hóa, nghe biết câu chuyện, không muốn để cho cái gương tiết liệt ấy mai một đi với thời gian, ông bèn sức dân phải đào tảng đá kia lên, dựng vào chỗ cũ, rồi khắc thêm mấy dòng chữ vào bên : 陳朝貢生平姜夫人之石 *Trần-Triều Cống-Sinh Bình-Kương phu-nhân chi thạch*, và lại dựng thêm một tấm bia đá đề những dòng chữ như sau : 陳朝貢生平姜夫人之墓 *Trần-Triều Cống-Sinh Bình-Kương phu-quân chi phiếm*.

Ngoài ra ông còn quyền tiền lập một ngôi đình để thờ vợ chồng Cống-Sinh, và để sao những văn thơ lên tường, nhờ đó mà cái bi thảm kịch kia trở thành thắng cảnh, vẫn được tồn tại cho tới ngày nay. (Các văn thơ dưới đây chúng tôi sẽ xin sao lục).

Nhắc lại sau khi dựng xong đồ mới, tháng 10 năm Đinh-Sửu (1397) tức là Quang-Thái năm thứ 10, Quý-Ly bắt ức Thuận-Tồn và triều đình phải thiên đô. Trong khi thiên đô, đoàn thuyền Hoàng gia vào đến cửa sông Đại-Lai, lúc ấy có hai cung nữ tổ giác với vua về những hành động của Ly. Chẳng ngờ câu chuyện bay đến tai Ly, Ly bèn hạ lệnh đem hai cung nữ ra chém tức khắc, từ đấy không ai còn dám bàn luận câu gì.

Thiên đô xong Ly muốn thực hành ngay công việc thoán đoạt, chỉ vì trước kia đối với Nghệ-Hoàng, trót đã nặng lời thề thốt, phò tá Thuận-Tôn, ngày nay Thượng-Hoàng vừa chết, hỏi mặt mũi nào lại cướp ngôi ngay.

Qua mấy tháng sau, vào quãng mùa Xuân năm Quang-Thái 11, Ly bỗng nghĩ ra một kế, nhân có đạo sĩ Nguyễn-Khánh thường hay ra vào trong nội. Ly bèn bảo Khánh, thuyết với Đế rằng :

« Cảnh tiên là chốn thanh u ? khác nơi trần cấu, Thần xem Bệ-hạ sẵn có đạo cốt tiên phong, thế mà ngày nay ở ngôi cửu ngũ (vua), công việc bận rộn hàng ngày, tâm hồn khó được một giây thanh thoát.

Chỉ bằng Bệ hạ truyền vị lại cho Đông cung, tìm nơi sơn thủy hữu tình, tháng ngày tu luyện, chả hơn các bậc tiên vương ngày trước, tôn sùng đạo Phật, rồi ra phiến nào cũng chẳng tiêu tan ».

Thuyết xong thấy Đế ưng thuận, bèn quay ra lập cuốn sổ tiên, đưa vào xin chữ Đế ký, rồi Y trở về báo với Quý-Ly, dựng cung Bảo - Thanh bên sông Đại-Lại, làm nơi tu luyện cho Đế sau này.

Công việc thu xếp vừa xong, Đế bèn xuống dụ cho nhân dân biết :

« Trẫm nay mộ cảnh huyền phong. Chán màu-hoàng ốc ! Vì vậy truyền cho Thái tử, lên nối ngôi giời, còn như Quý-Ly là vị quốc Tổ, phải nên phò tá ấu quân, trông nom việc nước, để trẫm lui về Bảo - Thanh, lấy hiệu là Thái - Thượng nguyên-quân, cho thỏa chí nguyện. . . »

Năm ấy Thái Tử vừa mới lên 3, lúc lễ nhận ngôi, Hoàng-Hậu còn phải bái trước để cho Thái-Tử học theo.

Thái - Tử lên ngôi gọi là Thiếu đế, niên hiệu đổi là Kiến - Tân, còn vua Thuận-Tôn truyền vị xong thì ra ở quán Ngọc - Thanh. Ly sai Nguyễn - Cẩn theo hầu. Ngài thấy Cẩn có ý khác, một hôm Ngài hỏi thử rằng :

« Nhà ngươi theo ta là để hầu hạ, hay là còn có ý gì ».

Cẩn ngần ngừ không đáp. Hôm sau Quý-Ly gửi cho Cẩn một bài thơ, trong có 2 câu :

*« Hôm trước những lời ta giận bảo,
Nguyên quân còn đó chú toan sao ? »*

Tiếp được thơ, Cẩn cả sợ, vội vàng bỏ thuốc độc vào món ăn, Thượng Hoàng trúng độc mà vẫn không chết, tuyệt cả ẩm thực. Ngài vẫn tỉnh táo như thường. Về sau Ly phải sai người đến hợp lực với Cẩn, dùng đến sợi giây oan nghiệt để đưa Ngài về Bồng - Sơn. Ngài bị chết vào ngày tháng 4 năm Kỷ mao (1399), sau khi Thiếu đế lên ngôi vừa đúng một năm.

Lúc ấy các vị Tôn Thất như Thái-Bảo Trần-Nguyên-Hãng 陳元杭 Thượng Tướng Trần-Khát-Chân 陳渴真 và các đình thần, nhìn thấy

Thuận-Tôn bị chết một cách thê thảm như vậy thì lòng phẫn uất lên đến cực độ, thề cùng hạ sát cho được Quý-Ly.

Nhưng rút kinh nghiệm mấy lần thất bại về trước, lần này các ông thảo luận kỹ càng chọn ngày hội minh ở trên non Đốn, hôm ấy thế nào Ly cũng chủ tọa trong khi hành lễ, Tráng sĩ Phạm-ngư-Tất 滕 牛 范 sẽ thừa cơ để kết thúc đời Ly bằng một mũi gươm thế là hết chuyện.

Bàn định xong rồi ai nấy đều giữ bí mật! bề ngoài làm như không có chuyện gì.

Thế rồi đến hôm hội minh, bá quan tụ tập cả trên non Đốn lễ bày tại nhà Thượng Tướng Khát Chân.

Ngờ đâu lúc Quý-Ly đến, thì lại lên thẳng trên lầu, nhìn xuống đám lễ, khác gì Thiên Tử chứng kiến trong cuộc hội minh.

Hành động của Quý-Ly không biết vô tình hay hữu ý, nhưng việc Ly không chủ tọa ở nhà dưới, nói đã làm sai lạc hết cả kế hoạch của đình thần.

Bởi vì lúc ấy Thượng Tướng Khát-Chân tức là gia chủ, tất nhiên cũng phải theo lên, thành ra ở dưới không ai điều khiển, các vị đồng chí bối rối chẳng biết tính sao?

Riêng có Tráng sĩ Ngư-Tất thì vẫn cương quyết, ông nhận thấy rằng dù giết ở nhà dưới hay ở trên lầu cũng là một việc còn như đối với mấy tên thị vệ đi hầu Quý-Ly, thời ông tin ở kỹ thuật của mình có thể ăn gói. Gặp cơ hội tốt như vậy, nhẽ nào ông lại chịu bỏ mồi ngon. Ông nghĩ thoáng qua một phút, rồi nắm vững đốc kiếm bước thẳng lên lầu.

Giữa lúc ấy thì Thượng Tướng đương ngồi tiếp chuyện Quý - Ly, thoáng nghe tiếng động ở dưới cầu thang. Ông liền bước ra, chợt thấy Ngư-Tất cầm kiếm xông lên. Vội vàng trốn mất ra hiệu cho Tất lùi xuống.

Tất lùi xuống. Ông lại bình tĩnh trở vào, nhưng lúc ấy Quý - Ly nhận thấy tình ý hơi khác, nên cũng đưa mắt báo cho vệ sĩ ủng hộ xuống lầu, xe ngựa của Ly vừa ra khỏi cổng, Ngư-Tất quăng gươm xuống đất thở dài:

« Thôi thôi! thế là cả bọn chết uống! »

Quả nhiên chỉ một lát sau, Quý - Ly về cung, biết rõ câu chuyện, liền sai các tướng thân cận, đem quân đến vây từng nhà, bắt hết nam phụ lão ấu, gần 400 người đem ra chợ chém.

Thế là Quý-Ly lại thắng keo nữa, lần này Quý-Ly thoát nạn, người ta qui oán cả vào Thượng-Tướng Khát-Chân. Cho đến mấy trăm năm sau, khi đọc đến đoạn sử này người ta cũng còn bậm lực, gắp sách hỏi rằng:

« Vì sao Ông lại do dự? Ông biết đâu rằng: một cái trọn mắt của Ông? đã làm cho mấy trăm người uống mạng? Vì thế có câu: Biết chăng giữa chợ trăm người khóc? sao lại trên non mấy tiếng gào? »

Lúc bị chém trên non Đón. Ông lại gào lên 3 tiếng ! 3 tiếng gào ấy có ý nghĩa gì hay là đến phút ấy Ông mới hối hận?

(Còn nữa)

TÔ-NAM NGUYỄN-ĐÌNH-DIÊM

Giới Thiệu Sách Mới

Văn-Hóa Á-Châu vừa nhận được :

- TRẦM-TU, thi phẩm của XUÂN-LY-BĂNG, Hồng-Lam xuất bản, giới thiệu của linh mục **Trần - Văn Hiến - Minh** và tựa của ông **Phạm-Việt-Tuyền**. Sách dày 60 trang, giá 35 đồng.
- Nguyệt san **QUÊ - HƯƠNG** số 1, tháng 7 - 1959, chủ nhiệm **Hoàng-Kim-Dân**. Báo quán 23 Phùng khắc Khoan Saigon.

Xin cảm ơn tác giả và giới thiệu cùng bạn đọc Văn - hóa Á-Châu, thi phẩm trên và nguyệt san mời ra mắt.

V. H. Á. C.



PLANCHE LXVI.— Porte du camp retranché des carriers lors de la construction de la citadelle des Hò (Thanh-Hóa) (Cliché L. BEZACIER).

HÔN-NHÂN QUA CÁC NỀN VĂN-HÓA

của HOÀI-KIM-YẾN

V

HÔN NHÂN ẤN-ĐỘ, TRUNG-HOA và VIỆT-NAM THỜI CỔ

Hôn Nhân Ấn-Độ.

TẤT cả chế độ hôn nhân trong Ấn-Độ cổ thời là có mục đích bảo vệ việc hương lửa thờ cúng tổ tiên, đồng thời cũng bảo tồn các giai cấp trong xã hội của họ.

Cổ thời, người Ấn sống theo từng bộ lạc, từng giòng họ (*Juman*) dần dần tổ chức thành làng mạc (*grāma*) và tổng quận (*sabhā*). Trong các xã hội nông nghiệp này, đàn bà được trọng vọng vì là kẻ sinh con cái bảo vệ việc hương lửa, nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên. Ở thời đại *Dravidien*, thấy có vết tích của một thứ gia đình mẫu hệ đa phu (*matriarcat polyandrie*): Trong truyện *Mahābhārata*, thấy kể lại nhân vật Draupadī là vợ chung của năm anh em nhà *Pāndavas*. Nhưng chắc dấu tích đó cũng chỉ là ghi lại những trường hợp họa hiêm. Thông thường, người đàn ông vẫn làm chủ gia đình (*pati*) và đứng đầu bộ lạc (gọi là *vicpati*). Trong hai chục thế kỷ trước Tây kỷ nguyên, theo sách Lê-Câu-Phê-Đà cho biết thì người đàn ông chỉ được lấy một vợ chính thức. Người vợ này bình đẳng với chồng và sống cùng nhau

tới chết không được ly dị. Nhưng đồng thời luật cũng cho phép lấy bao nhiêu vợ bé tùy ý. Đó là luật cho các kẻ giàu có quý phái, còn người nghèo thường chỉ đủ cung cấp cho một vợ chính thất thôi. Trong thời này đàn bà còn được tôn trọng và bình đẳng với đàn ông, nên họ cũng được tự do lựa chồng.

Từ thế kỷ thứ 3, thời hoàng đế *Akoca*, khi có sự chung lộn với người *Aryens*, thì địa vị đàn bà bắt đầu thấp kém. Luật *Manou* nói: « *Đàn bà bao giờ cũng phải thần phục đàn ông: bé ở nhà theo cha, đi kết bạn theo chồng lúc chồng chết theo con trai* ». Trong cuốn *L' Inde classique*, L. Renou và Jean Filliozat nhận xét về thân phận người đàn bà Ấn như sau:

« *Đàn bà không có tư sản và quyền thừa tự... Các nghi lễ hôn nhân cho ta thấy rằng trên bình diện tôn giáo người ta coi giá trị người đàn bà làm trọng lắm; đàn bà là phần nửa đầu ông, là bạn trăm năm* », nhưng trong thực tế, từ thời *Lê-Câu-Phê-Đà* cũng đã có vẻ khi dễ và xót thương thân phận « *cô gái không có anh em trai* », người ta than phiền khi sinh con gái ».

(Op ; cit. tra. 376, số 761, bộ I, nhà Payot, Paris)

Theo thói chung, người Ấn-độ cưới gả chồng con rất sớm, từ thời đôi trẻ chưa tới tuổi khôn. Cho nên có trường hợp con gái phải ở góa từ khi chưa biết mặt chồng. Mà đàn bà góa lớn tuổi và đã có con rồi thì nhiều khi phải chết theo chồng. Có khi góa mà chưa con thì được tái giá. Nhưng hiếm khi. Thường, nếu không chết theo chồng thì cũng phải thủ tiết thờ chồng nuôi con. Thi hào *Tagore* đã phản đối tục lệ này. Người đàn bà góa không được phép về gia đình và không được tham dự các buổi tế tự trong gia đình chồng. Người chồng và con có quyền không nhận các người họ đương bên vợ làm họ đương mình.

Chính vì coi việc sinh con nối dõi tông đường làm hệ, nên có luật cho phép mua vợ lẽ hoặc mua người đàn bà để đẻ con họ. Nếu người vợ không thể sinh con, hoặc chỉ có nguyên con gái, hay vì có tật xấu thể xác hoặc tính thần đến nỗi người chồng không chịu đựng nổi thì anh ta có quyền ly dị, nghĩa là bỏ vợ. Trái lại người đàn bà cũng có quyền bỏ chồng trong trường hợp anh này bị bệnh lao, bệnh cùi, bệnh điên, hay làm nghề ăn mày ăn xin. Trong bộ kinh luật *Kamasutra* có ghi bốn phận người vợ như sau: « *Nàng không được phép nói chuyện với đàn ông ngoài họ hàng hoặc ngoài ý chồng* » (trg. 345) và phải làm việc tề gia nội trợ » (trg. 345). Nhưng cũng trong bộ kinh điển dạy về tình ái là bộ *Kamasutra* đó, ta thấy có cả những câu dạy cho thanh niên biết cách quyến rũ những phụ nữ đã có chồng, như vậy chứng tỏ có sự dung túng phần nào cho việc ngoại tình. Sau khi đã phác họa cách sống của các công tử đa tình, cuốn Kinh điển *Kamasutra* lại dạy thêm như sau:

« *Người ta chiếm cảm tình của thiếu nữ bằng sự giao thiệp*

trực tiếp ; trái lại đối với đàn bà có chồng, thì phải dùng thư từ, vì bản tính họ tế nhị hơn, ấy là theo lời các quán sư dạy thế... »

(Kamasutra ; trích theo cuốn *Anthologie sanskrite* của Louis Renou, trg. 343 ; Payot, 1947)

Hơn nữa, căn cứ vào một vài ẩn ngữ trong các ca văn tôn giáo thì biết rằng nghề mai dâm rất là thông thường.

Riêng về đàn bà được chia ra làm nhiều loại theo hạng tuổi :

« Từ bé đến 16 tuổi gọi là Bálá (trẻ con), từ tuổi đó tới 30 gọi là Truní (thanh xuân), từ 30 đến 55 gọi là praudhá (thành nhân). Sau đó là vrdhá (tuổi già)... Tuổi bálá lấy sự ăn trầu, quán vòng hoa làm thích thú ; tuổi thanh xuân thích trang điểm sa hoa lộng lẫy ; tuổi praudhá mê say ái tình ; tuổi già thích nói chuyện văn và được kính trọng... »

(op. cit. trg. 346)

Về phép hôn nhân, phải vâng phục hai luật này :

—Thứ nhất, không được lấy người trong đồng vọng tộc kể từ 6 đời bên cha, bốn đời bên mẹ. Nghĩa là cấm lấy các thiếu nữ mà bố hoặc anh trai nàng cùng phải thờ cúng một ông tổ như chàng trai. Người thiếu-nữ như vậy gọi là *sapindus*.

—Thứ hai, cấm lấy người ngoài giai cấp mình. Dân Ấn Độ chia thành bốn giai cấp (*castes*) xa cách hẳn nhau. Một là giai cấp bà la môn gồm các gia đình tư tế lo việc thờ cúng, họ là thần thánh dưới trần (*dieu parmi les hommes*) và độc quyền cúng dường, văn hóa... Hai là giai cấp quý phái (*ksatriyas*) gồm các vua chúa quan quyền cùng tướng lãnh văn nhân. Ba là giai cấp *Vaicyas* gồm các giới nông công thương. Sau cùng là giai cấp cùng đinh *Cudras*, là những người nghèo khổ không danh vị nào trong xã hội. Bốn giai cấp đó không được cưới gả lẫn lộn.

Có bốn hình thức kết hiệp giữa nam và nữ : gồm trong bốn kiểu :

- 1.— hai bên ưng nhau.
- 2.— mua bán (thực sự hay giả đồ).
- 3.— cướp về.
- 4.— cưỡng hiếp.

Tám hình thức đó là :

- 1.— *Bráhma viváha* : gả mà con gái hoàn toàn đồng ý.
- 2.— *Daiva viváha* : hôn phu là thầy tư tế.
- 3.— *Ársa viváha* : bỏ vợ nhận vợ đôi bò làm sính lễ.

- 4.— *Prájápatya* : con trai đi hỏi bên gái.
- 5.— *Ásura* : riêng cho giai cấp Vaicyas và cudras : sinh lễ là 100 con bò.
- 6.— *Gándharva* : lấy nhau vì tình yêu, không kể gì đến sự ưng thuận của bố mẹ ; đó là hình thức của con cái bọn trưởng giả.
- 7.— *Rákshasas* ; và *paicáca* : hình thức ma quỷ : hãm hiếp trong lúc say rượu hoặc lúc vờ say rượu.
- 8.— *Ksátra viváha* : cướp về trong lúc đánh trận.

Như vậy xét chung ; hôn nhân Ấn độ cũng như trong các dân tộc cổ thời khác vì lấy sự sinh con đẻ cái nối dõi tông đường làm trọng, nên có sự chênh lệch trong địa vị giữa người đàn ông và đàn bà. Đàn bà chỉ được kể như vai trò sản xuất con cái, nên rất cuộc họ trở nên một thứ dụng cụ có thể mua bán hoặc chối bỏ tùy như nhu cầu của đàn ông hoặc của cái giòng họ mà họ phụng sự.

Trong xã hội phật giáo, người đàn bà cũng không được tôn trọng hơn bao nhiêu : đàn bà là một kẻ thua kém đàn ông, vì kiếp trước vụng tu và nhiều tội lỗi hơn. Nhưng trong luật nhà Phật cấm sự ngoại tình vì coi như là sự hỗn loạn của dục vọng : « *Cướp vợ người khác là một trong ba trọng tội. Bao giờ người cũng chỉ phải yếu một vợ người mà thôi* » (Kinh Rámáyana).

Ngày nay các nhà cải cách xã hội Ấn Độ đang gắng sức cải tạo xã hội và đưa hình thức hôn nhân Tây phương xâm nhập đất Ấn, nhưng tất nhiên là không sao tránh khỏi những tập tục của xã hội cũ.



Hôn Nhân Trung Hoa.

Xã hội Trung Hoa lại càng lấy việc nối dõi tông đường làm trọng nên địa vị người đàn bà lại càng lệ thuộc vào phận sự sinh con đẻ cái : « *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* ». Có ba điều bất hiếu mà điều không có con nối dõi là tội trọng nhất. Vì mục đích là sinh con trai nối dõi, nên việc sinh con gái kể như không :

« Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô »

Một trai cũng quý, mười gái kể như không.

Đã cần con trai ; nên trong trường hợp hiếm hoi, người chồng được phép lấy nhiều vợ. Kết quả là chế độ đa thê chẳng những được phép mà lại còn được khuyến khích là khác. Người vợ hiền là người trong trường hợp son sẻ không con biết đi lấy vợ bé cho cho chồng. Trong gia đình, người vợ cả đôi khi được bàn luận hơn thiệt với chồng, còn người vợ lẽ nhiều khi

chỉ là cái máy đẻ con, là kẻ ăn người làm trong nhà, nhất là khi người đó là người tỳ thiếp, nghĩa là được mua về bằng tiền của bay bằng cách gán nợ. Người đàn bà đã thành một vật bị người đàn ông gả bán như vậy, cho nên ngoài xã hội càng bị khinh rẻ. Bao giờ họ cũng lệ thuộc vào người khác :

« Phụ nhân trọng ư nhân giả, thị cố vô chuyên chế chi nghĩa. Hữu tam tông chi đạo : tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử, vô cảm tự doạt giả. Giáo lệnh bất xuất khue môn, sự tại quỹ tự chi gian nhi dĩ hĩ ».

« Đàn bà nương ở người, cho nên không có nghĩa chuyên chế. Có ba đạo phải theo : ở nhà theo cho, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con, chứ không làm theo ý mình muốn. Có ra lệnh cho gia nhân thì chẳng ra khỏi cửa buồng ; việc làm thì ở trong bếp lo việc ăn uống mà thôi ».

Người đàn bà không hề được tham gia các công cuộc xã hội. Luôn luôn ở trong nhà lo việc tề gia nội trợ. Làm thân con gái, luôn luôn ở trong khuê phòng, không hề ra ngoài. Bởi đó có tục lệ bó chân để đi cho nhẹ nhàng uyển chuyển. Và các đức tính phụ nữ đều hướng về các công việc trong gia đình :

« Ít trí thư văn : Nữ hữu tứ đức chi dự : nhất viết nhụ hạnh ; nhị viết phụ dung ; tam viết phụ ngôn ; tứ viết phụ công. Phụ hạnh bất tất tài minh tuyệt di ; phụ dung giả bất tất dung sắc mỹ lệ ; phụ ngôn giả bất tất lợi khẩu biện trừ ; phụ công giả bất tất kỳ xảo quá nhân »

« Trinh thực liêm tiết, thủ phận chính tề. hành chỉ hữu sĩ, động tĩnh hữu pháp thủ vi phụ hạnh giả »

Tẩy trần cầu, ỷ phục tiêu khiết, mộc dục cập thì, nhất thân vô uế, thủ vi phụ dung giả.

Trạch từ nhi thuyết, bất thuyết phi ngữ, thì nhiên hậu ngôn, nhân bất yếm kỳ ngôn, thủ vi phụ ngôn.

Chuyên cần phụng thờ, vật hiếu huân tửu, cung bị cam chỉ. dĩ phụng tân khách, thủ vi phụ công giả.

Thử tứ đức giả, thị phụ nhân chi đại đức giả, vi chi thậm di, vụ tại ư chính, ỷ thủ nhi hành ».

Sách lịch trí rằng : con gái có tiếng khen trong bốn đức : một là nét na : hai là duyên dáng ; ba là lời ăn tiếng nói ; bốn là nghề nghiệp. Nét na của phụ nữ chẳng lựa phải tài sáng tuyệt vời ; duyên dáng phụ nữ chẳng lựa phải nhan sắc mỹ lệ ; lời nói phụ nữ chẳng lựa phải lanh miệng biện lời ; nghề nghiệp phụ nữ chẳng lựa phải tài khéo vượt kẻ khác.

Trình thực liêm tiết, giữ phân đường đắn tề chính, bước đi đứng phải e lệ ; khi động khi tĩnh đều phải có phép tắc : ấy là đức hạnh phụ nữ.

Giặt sửa bụi bặm, quần áo sạch sẽ, tắm gội kịp thời, một mình không dơ bẩn ấy là duyên dáng phụ nữ.

Lựa lời mà nói, chẳng nói câu quấy, nhằm lúc phải rồi mới nói, người ta chẳng chán lời mình, đó là lời phụ nữ.

Chuyên cần quay tơ dệt cửi, chợ ra ăn rau mùi uống rượu, cấp sẵn thức ngon ngọt để tiếp đãi khách khứa ; ấy là nghề phụ nữ.

Bốn đức đó là bốn đức lớn của phụ nữ. Làm ra rất dễ, nhưng cốt tại sự làm cho ngay chính, cứ theo đó mà làm.

Tất cả bốn phận của phụ nữ là lo để con nối dòng, phụng dưỡng cha mẹ chồng và nâng khăn sửa túi cho đức lang quân. Cho nên người vợ không còn chi là của riêng mình, mà phải hoàn toàn hy sinh cho người khác. Lúc ở nhà bố mẹ đẻ thì dọn dẹp cửa nhà bếp núc, chăm nom các em ; đến khi về nhà chồng lại cung phụng cha mẹ chồng và con cái.

Hôn nhân chỉ có mục đích duy nhất là sinh con cái và phụng dưỡng cha mẹ. Cho nên người dâu thảo là người biết chịu lụy, yêu kính và săn sóc cha mẹ chồng con ; là người sinh được nhiều con trai nối dõi tông đường. Trường hợp không con trai, hoặc có điều thất ý cha mẹ chồng, thì người chồng được phép rẫy bỏ hoặc lấy vợ bé.

Người đàn ông được lấy nhiều vợ ; trái lại đàn bà chỉ được thờ một chồng : trai năm thế bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng.

Luật thờ chồng nhiều khi khắt khe đến nỗi lương tâm xã hội không cho phép hoặc tỏ vẻ khinh rẻ những người đàn bà góa đi tái giá :

« Có kẻ hỏi : Theo lẽ, đàn bà góa dường như chẳng nên lấy chồng khác, như vậy là lẽ thế nào ? Trình Y Xuyên đáp : phạm cưới vợ sáu đời với mình đó, nếu cưới phải người thất tiết là mình cũng thất tiết.

Lại hỏi : hoặc có đàn bà góa nghèo không chỗ gửi thân, thì có nên lấy chồng lại chăng ? Đáp : chỉ là đời sau sợ đời này chết nên có thuyết ấy. Nhưng sự chết là nhỏ mà sự thất tiết là lớn.

**(Phàm thú dĩ phối kỹ giả, nhược thú thất tiết
giả, thị kỹ thất tiết giả... Nhiên tử sự cực tiểu.
Thiết tiết sự cực đại).**

Ta thấy một đàng luật này ngặt hơn cả luật Do Thái và các dân tộc cổ thời khác. Đàng khác luật này chỉ đòi đàn bà giữ tiết với đàn ông. Còn đàn ông thì tha hồ tự do. Bởi vì đàn bà là coi như không mà.

Sự bất công còn biểu lộ trong nguyên tắc về ly dị nữa. Đàn bà không bao giờ được bỏ chồng. Trái lại, người chồng dễ dàng bỏ vợ, nhất là trong trường hợp thuộc « *Thất Xuất* » :

- 1) Không con,
- 2) Dâm dăng,
- 3) Không phụng dưỡng bố mẹ chồng,
- 4) Miệng lưỡi điêu xảo,
- 5) Trộm cắp,
- 6) Đỗ kỵ,
- 7) Ác tật.

Ta thấy tuy có quy định rõ bảy trường hợp, nhưng lại không ấn định thế nào là phạm lỗi kể trên, thành ra người đàn ông dễ dàng bỏ vợ bằng cách quy cho người đàn bà bất kỳ tội nào kể trên.

Vì hôn nhân cốt lấy con trai nối dõi tông đường và phụng sự bố mẹ và gia đình chồng, cho nên việc kết bạn không cần đến sự quen biết, hiểu nhau và yêu đương giữa hai bên nam nữ, nhưng cốt ở sự lựa chọn của cha mẹ. Mà các ngài thường chọn những nơi môn đăng hộ đối để cưới vợ cả cho con, bất kể con cái mình chúng có ưng hay không. Đó là thói « cha mẹ đặt đâu con ngồi đó ». Bởi vậy thường khi đôi bên về nhà mới biết mặt nhau. Tuy thế hai bên vẫn có thể ăn đời ở kiếp với nhau mà không hay xảy ra những sự chia lìa lộn xộn như ngày nay, là vì mọi người trong xã hội đó đều coi hôn nhân là bổn phận để phụng sự cha mẹ và sinh con đẻ cái. Người chồng có không ưa vợ cũng không dám làm quá; nếu người con dâu còn vừa lòng bố mẹ vợ. Nhưng khốn nỗi, ít khi mối tương giao giữa mẹ chồng con dâu được tốt đẹp lâu dài... Còn vợ bé, vợ lẽ, thì thường là một thứ tỳ thiếp để để con hoặc giúp việc trong nhà như người gia nhân, cho nên thân phận của họ hoàn toàn lệ thuộc vào gia đình chồng như đứa ăn người ở, nhiều khi rất khổ nhục, ê chề.

Tóm lại hôn nhân Trung Hoa cổ thời cũng lấy sự sinh con trai nối việc thờ cúng tổ tiên làm trọng, nên đã đưa đến quan niệm khinh rẻ người phụ nữ. Hôn nhân là một bổn phận của người con trai trong gia đình cốt lấy người

nổi dòng và phụng dưỡng cha mẹ. Con người phải hy sinh hạnh phúc cá nhân để phụng sự đại gia đình và giòng tộc. Xét về phương diện xã hội, quan niệm như thế đã đem lại sự quân bình trong đoàn thể dân tộc trong một thời, nhưng ngày nay quan niệm đó không còn hoàn toàn phù hợp với xã hội hiện đại, là xã hội lấy nhân vị và hạnh phúc của mọi nhân vị làm trọng. Và lại xét theo giá trị con người, một quan niệm hôn nhân như vậy đã bắt người phụ nữ phải hy sinh quá nhiều, đôi khi ngoài cả sức chịu đựng của họ.

Hôn nhân Việt-Nam.

Xưa cũng theo các tục lệ và quan niệm của Trung-Hoa. Nghĩa là cũng lấy việc nối dõi tông đường làm trọng, việc phụng dưỡng cha mẹ chồng làm căn bản. Bởi thế cũng khinh dễ đàn bà. Đàn ông được lấy nhiều vợ lẽ, đàn bà phải chính chuyên một chồng. Cũng đạo tam tòng. Cũng nghĩa làm dâu con. Cũng phép cha mẹ đặt đàn con cái ngồi đó. Tuy không có lệ bỏ chân, nhưng con gái nhà khuê các cũng phải cấm cung trong khuê phòng. Trai gái phải giữ câu nam nữ thọ thọ bất thân. Lấy nhau không cần quen biết, hiểu nhau trước, nhưng miễn là môn đăng hộ đối, đẹp lòng đôi bên cha mẹ là được. Thân phận người đàn bà cũng vô cùng cay cực. Bé ở nhà lo việc làm bếp; quét nhà; giữ em, lớn về nhà chồng cũng phải chăm lo mọi việc nhà chồng. Nhiều khi lại còn bị mọi người bên chồng áp chế ghét bỏ, cũng không dám bẻ răng. . . Người chồng dễ dàng ly dị, hoặc nói cho đúng, dễ dàng bỏ vợ, nhất là trong trường hợp « thất xuất » kể trên kia. Người chồng có thể « viết mấy chữ phú về với bố mẹ ». Trái lại, người đàn bà chẳng hề bao giờ có thể bỏ chồng mà không bị xã hội kết tội và khinh dễ. Làm người vợ cả, có nhiều con cái, thì may ra còn được trọng vọng. Nếu phải làm tỳ thiếp hay vợ lẽ thì nhiều khi đến ô nhục, dọa dẫm. Ngoài ra, còn có tục lệ tảo hôn rất kỳ quặc. Đôi bên cha mẹ hứa gả con cái cho nhau rất sớm. Có khi chỉ bằng lời ước hẹn : nếu hai bên sẽ sinh một bên trai một bên gái thì gả cho nhau. Phần nhiều trường hợp khác, lại hứa hôn cho nhau từ lúc còn bé. Đôi khi cưới gả ngay từ lúc nhỏ; hai đứa ở với nhau như anh chị em trong nhà. Còn có trường hợp bố mẹ cưới vợ cho con từ lúc còn nhỏ, để có người hầu hạ. Trong trường hợp này, cô dâu thường lớn tuổi và là con nhà nghèo. Nhà trai lấy về để có người đỡ đần trong nhà. Tối đến có khi vợ phải bế chồng đi rửa chân cho. Một quan niệm hôn nhân như vậy thì trong bất kỳ trường hợp nào, người đàn bà cũng phải chịu thiệt thòi lắm hịu. Bởi đấy mới có những câu ca dao tỏ ý than thân trách phận của người thiếu nữ Việt-Nam :

*Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.
Đường đi những lách cùn lau,
Cha mẹ tham giàu, ép uống duyên con.*

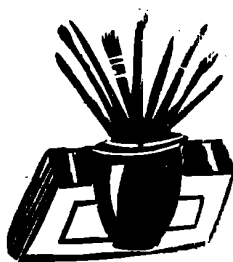
*Cha mẹ đòi ăn cá thu,
Gả con xuống biển mù mù tăm tăm.*

May mắn là trong xã hội Việt Nam bình dân, các quan niệm về hôn nhân mượn của người Trung Hoa như vậy cũng đã giảm phần nào phần khắc nghiệt. Tuy lương tâm xã hội thì đòi hỏi khuôn phép như vậy, nhưng trong đời sống thực tế, nhất là trong cảnh nghèo nàn, cha mẹ cũng biết yêu thương con cái, cho nên lúc phải thu xếp lo liệu việc gia đình cho con, thường cũng bàn hỏi, khuyên nhủ chúng trước, Tất nhiên, thường con gái thương cha thương mẹ nên cũng thuận lời. Chỉ khi nào không thể nào ưng nổi, mới dám không theo. Trong trường hợp này, nếu cha mẹ thương yêu con thực, thường cũng không quá ép. Vì thế câu « cha mẹ đặt đâu con ngồi đó » lại đã được một câu khác làm giảm sức đi: « Ép đầu ép mõ, ai nỡ ép duyên ». Và lại, trong xã hội bình dân, người con trai thường cũng biết thương vợ thương con, biết chịu thương chịu khó làm việc nuôi gia đình : thành ra nỗi khổ cực của người đàn bà cũng vì đó mà nhẹ bớt.

Nhưng trong các gia đình quý phái hoặc nề nếp, thì các lệ luật và quan niệm thời cổ vẫn còn khe khắt trói buộc, vì thế mới có cuộc xung đột mới cũ thời tiền chiến. Ngày nay quan niệm của Tây phương đã thấm nhuần xã hội ta. Chúng ta sẽ còn có dịp bàn tới ở phần tổng kết, khi đã kiểm điểm hết lịch trình phát triển của quan niệm hôn nhân qua các nền văn hóa rồi.

HOÀI-KIM-YẾN.

Ký tới: HÔN NHÂN theo KYTÔ GIÁO.



VÀI LỜI THƯƠNG XÁC VỀ MỘT GIAI-ĐOẠN
LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

DƯƠNG - ĐÌNH - NGHỆ KIỀU-CÔNG-TIÊN và NGÔ TRIỀU

Biên khảo :
TRẦN-KINH-HÒA

Phiên dịch :
HẢI-TIÊN

NHƯ bài trước đã thuật, thời gian trực tiếp thống trị Giao-châu của nhà Nam-Hán rất ngắn ngủi : chỉ bắt đầu từ tháng 9 năm Đại-hữu thứ III (930) đem quân chinh phạt, không chế được 1 năm 3 tháng, đến tháng 12 năm sau (931), quân đội đã phải triệt thoái. Tình hình thống trị Giao-châu của nhà Nam-hán trong lúc ấy không được rõ ràng. Thông-giám chỉ chép : « Sai tướng là Lý-Tấn giữ Giao-châu. Chỉ-lược, toàn-thư cũng đều chép Lý-Tấn làm thứ-sử. Việt-sử lược chép Nguyễn-Tấn (進阮), Phương-dư-loại-toản chép Nguyễn-Tấn-Chi (阮進之). Âu-sử cũng chép : « Năm Đại-hữu thứ IV (TL. 931) Dương-đình-Nghệ (楊廷藝)

đánh Giao-châu, thứ sử là Lý-Tấn (李進) trốn về ». Tất cả đều cho Lý-Tấn là thứ sử của Nam-hán.

Tình hình sau khi quân Nam-hán thua chạy rồi thì sao ? Tổng-sử Giao-chỉ-truyện chép rằng : « Sau có Dương-diên-Nghệ, Thiệu-Hồng đều thọ mệnh Quảng-Nam (Nam-hán), kế làm Giao-chỉ tiết-độ-sứ ». Sử-toản-tả-biên chép : « Nam-hán khiến tướng đánh bắt Thừa-Mỹ, đặt quan Giao-chỉ tiết-độ-sứ ». Tổng-hội-yếu-cảo cũng nói rằng : « Sau có Dương-diên-Nghệ, Thiệu-Hồng đều vâng Quảng-Nam Lưu-Thị..... (khuyết văn)..... châu tiết-độ-sứ ». Thấy rõ sau khi Dương-diên-Nghệ tự lập, Nam-hán dùng làm tiết-độ-sứ, chỉ lấy tiếng để lung lạc vậy thôi.

Còn cái tên « Dương-đình-Nghệ », Tổng-sử, Tổng-hội-yếu-cảo đều chép Diên-Nghệ (延藝) An-nam chí-lược, Việt-sử-lược và Toàn-thư, tất cả sử Việt-Nam đều chép Đình-Nghệ (廷藝). Lại một điều là hiện thời sử Việt-Nam bản Quốc-ngữ và người Việt-Nam đều nhất luật gọi « Dương-diên-Nghệ », ai phải ai quấy, thực khó phân giải. Nhưng may thấy trong sách Tư-trị-thông-giám, chữ Đình-Nghệ chép chữ Đình (庭) này. Xét như vậy chắc chắn viết Dương-đình-Nghệ là (楊廷藝) đúng, cho nên bài luận khảo này nhất luật đính chính.

Dương-đình-Nghệ nhậm chức tiết-độ-sứ được 7 năm, đến tháng 3, năm Thiên-phúc (天福) thứ II (937), bị nha-tướng là Kiều-Công-Tiến giết chết ; Công-Tiến bèn đại-linh chức tiết-độ-sứ (Thông-giám quyển 281). Về niên đại Công-Tiến đại lập, Âu-sử chép năm Đại-hữu thứ X (937), Toàn-thư cũng chép năm Thiên-phúc thứ II (937), các sách đều chép nhất trí như nhau. Chỉ có cái « họ » của Công-Tiến, Âu-sử chép là Kiêu (蛟), Chí lược chép chữ Kiêu (矯), Toàn-thư lại chưa thêm : « Sách Cương mục chép Giao (交). Xét 3 chữ Kiêu (蛟), Kiêu (矯), và Giao (交) đều đồng âm trại trại như nhau. Theo thiên kiến nên theo sách Chí-lược và Toàn-thư chữ Kiêu (矯) là đúng.

Đến năm sau, niên hiệu Đại hữu thứ II (Thiên phúc năm thứ III, 938), tướng cũ của Dương-đình-Nghệ là Ngô-Quyền cử binh ở Ái-châu kéo ra phía bắc đánh Kiêu-Công-Tiến ở Giao-châu, Công-Tiến khiến sứ lo lót nhà Nam-hán cầu cứu viện. Hán Chúa Lưu-Nham muốn thừa nguy gồm châu đất Việt, bèn phong cho con là Vạn-vương Hồng-Thao (萬王洪操) (Thông-giám, Chí-lược chép Hoằng (弘) Thao, Việt-sử-lược chép Hoằng (宏) Thao làm Giao-vương, Tĩnh-Hải tiết-độ-sứ, phó viện Công-Tiến ; còn chính mình đem quân đóng ở cửa bể làm thanh viện. Lúc ấy Ngô Quyền (吳權) đã giết Kiêu-công-Tiến và dùng kế đánh bại quân Nam-Hán ở sông

Bạch-Đằng (白藤江) — (Chỉ-được chép lầm là Nhật — (日) Đằng-Giang); Hồng-Thao tử trận, tàn quân triệt về Quảng-châu. Lúc bấy giờ Ngô-Quyền tự lập xưng vương, tức sử Việt-Nam gọi là Tiền-Ngô-Vương (前吳王) của Ngô-triều. Sử sự về đoạn này, Thông-giám, toàn-thư và Chi-lược đại trí đều chép giống nhau; chỉ Tổng-hội-yếu, Tổng sử và Văn-hiến-thông-khảo không hề chép đến việc Ngô-Quyền, thay vào đấy một nhân vật tên Thiệu-Hồng (紹洪) làm tiết-độ-sứ rồi chép tiếp việc con Ngô-Quyền là Ngô-xương-Ngập (吳昌爰). Đây, như Tổng-Hội-Yếu chép rằng :

« Thiệu-Hồng tốt, châu tướng Ngô-xương-Ngập toại cư kỳ vị, Xương-Ngập di kỳ đệ Xương Văn..... »

(紹洪卒州將吳昌爰逐居其位昌爰以其弟昌文.....)

« Thiệu-Hồng chết, châu tướng là Ngô-xương-Ngập bèn chiếm ngôi, Xương Ngập bảo em là Xương Văn v.v..... Xương văn chết ».

Tổng-sử, Giao-chỉ-truyện chép rằng :

« Thiệu-Hồng tốt, châu tướng Ngô-xương-Ngập toại cư kỳ vị, Xương Ngập tử, kỳ đệ Xương Văn tấp, Càn-đức-sơ Xương văn tử..... »

(紹洪卒州將吳昌爰逐居其位昌爰死其弟, 昌文藝乾德初昌文死).

« Thiệu-Hồng chết, châu tướng Ngô-xương-Ngập bèn chiếm ngôi, Xương-Ngập chết, em là Xương-Văn nối ngôi. Đầu niên hiệu Càn-đức Xương-Văn chết... »

Niên đại quan hệ về Ngô thị, sử văn Trung, Việt có chỗ khác nhau: chúng ta nhận thấy 4 thuyết như dưới đây :

- 1.— Thuyết Ngô-thị nhị đại : Xương Ngập — Xương Văn.
(Tổng sử quyển 448, Tổng-hội-yếu, phiên-di 2/4 Văn hiến thông khảo (9.340).
- 2.— Thuyết Ngô-thị tam đại : Ngô Quyền — Xương Ngập — Xương Văn.
(Thông giám quyển 291).
- 3.— Thuyết Ngô-thị tứ đại : Ngô Quyền — Xương Ngập — Xương Tuấn — Xương Văn.
(Chi lược quyển 11).
- 4.— Thuyết thế-đại Ngô-thị chẳng minh bạch.
(Tán ngũ-đại-sử quyển 65, Nam-hán-thế-gia).

Vấn đề này, trong bài luận văn thuật ở trên của Sam-Bản đã thảo luận

tử mĩ. Ông Sam Bản (杉本) từng bài xích Tiền-đại-Hân (錢大昕) ông này chỉ trì thuyết « Ngô-thị-tứ-đại » (Nhị-thập-nhị-sử Khảo dị quyển 66 và Ngũ-đại-sử V), và kiểm thảo sử văn của Thông giám, Ngũ-đại-sử-ký, Nam hán thế gia; kết quả : Đoán-định Xương Văn (昌文) và Xương Tuấn (昌濬) chỉ là một nhân vật, nhân chủ trương gia-hệ Ngô thị có 3 đời. Xét trong thế-đại-biểu của Ngô thị do Sam-Bản tiên-sinh đặt ra, trừ năm qua đời của Xương-Văn, chúng ta còn có chỗ bất đồng kiến giải, còn về niên đại thuộc về Ngô-Quyền, Ngô-Xương-Văn, Ngô-Xương-Ngập và Dương-tam-Kha, người thoán vị trong khoảng ấy, đều thỏa đáng cả. Nay sao lục niên biểu như dưới đây :

NGÔ THỊ THẾ ĐẠI ĐỒ BIỂU

Thế thứ	Vương hiệu	Tên húy	Niên đại tại vị, T. nguyên	Số năm tại vị	Bị-khảo
Đệ nhất đại	Tiền - ngô - Vương	Quyền	938 — 944	7 năm	Thời đại Ngô-thị sáng nghiệp
Thoán vị	Dương bình Vương	Tam Kha	944 — 950	7 năm	Thời đại Dương thị thoán-lập
	Nam-Tấn-Vương.	Xương Văn	950	1 năm	Thời đại Xương Văn tự lập
	Nam-Tấn-Vương. Thiên-sách-Vương.	Xương Văn Xương Ngập	951	1 năm	Thời đại Lương đầu chính trị
Đệ nhị đại	Thiên-sách-Vương.	Xương Ngập	952 — 954	3 năm	Thời đại Xương Ngập độc tài
Đệ tam đại	Hậu-Ngô-Vương.	Xương Văn, tức X Tuấn	954 — 965	12 năm	Thời đại Xương Văn độc tài

Theo đồ biểu trên đây, niên đại mà Ngô-Quyền đã đảo Kiểu-Công-Tiến, đánh lui quân đội Nam-hán, xưng vương độc lập là vào năm Đại-hữu thứ 11 (Tây lịch 938). Về đoạn sử này, Thông-giám, Chí-lược và Toàn-thư đều chép giống nhau, chúng ta khá nhận niên đại ấy là xác thực. Hơn nữa, niên đại Kiểu-công-Tiến tự lập, năm Đại-hữu thứ X (937), cũng thuộc xác thực khỏi phải bàn. Do đấy mà xem, trong khoảng chỉ vắn vắn không đầy 2 năm, từ 937 đến 938, chính cục Giao-châu đã một phen hý-lịch-tính biến-hóa ;

trong dãy Dương-dinh-Nghệ, Kiểu-công-Tiến — và Ngô tiên-chúa, « Ba hưng vong lớp sóng dồn ».

Chỉ có một vấn đề, anh chàng Thiệu-Hồng (洪紹) ? chỉ thấy chép trong Tổng-hội-yếu, Tổng sử và Văn-hiến thông-khảo, các sách không thấy chép đến, chiếu theo Tổng-sử, Thiệu-Hồng là một nhân vật làm tiết-độ- sứ kể Dương-dinh-Nghệ và trước Ngô-xương-Ngập. Nhưng theo như bài trên đã thuật, người dả đảo Dương-dinh-Nghệ mà tự lập là Kiểu-công-Tiến chỉ duy trì thế lực được trong hơn một năm ; kể đây Ngô-Quyền đánh giết Kiểu-công-Tiến và xua đuổi quân Nam-hán, làm sao trong vòng 2 năm, xứ Giao-châu còn có thể có một người thứ 3 xeu vào chưởng ác chính quyền ở đầu nữa !

Giả sử cho Thiệu-Hồng là một nhân vật ở vào thời kỳ Dương-tam. Kha soạn lập, sau khi Ngô-Quyền đã qua đời (T.L. 944-950) ; nhưng so sánh sử văn sách Thông giám, Ngũ-đại sử-ký và Toàn-thư thì khan-pháp như thế không được thỏa đáng. Chẳng qua sử thư Trung-quốc ở đời sau, như An-nam truyện (安南傳) quyển I, của Vương thế Trinh (王世貞) (Kỷ lục vừng biên quyển 48-49) và Thù-vực-châu-tư-lục, (殊域周治) quyển V, của Nghiêm-tùng-Giản đều cho Thiệu-Hồng là con của Dương-dinh-Nghệ ; nhưng 2 bản sách ấy không nói gì đến việc Kiểu-công-Tiến và Ngô-Quyền ; chắc hẳn vì muốn bỏ sung khoảng trống giữa Dương-dinh-Nghệ và Ngô-Xương-Văn, nên mới độc đoán can như vậy. Theo suy luận trong bài luận văn đã thuật trên đây của Sơn-Bản Giáo-thụ, cho « Thiệu-Hồng » là âm của chữ « Kiểu-công » đọc lẫn mà ra. Nhưng xét lại chữ Thiệu-Hồng (紹洪 : *Shao Hung*) và chữ Kiểu-công (矯公 : *Chiao Kung*) hai tiếng dịch âm không chính xác lắm ; theo chúng ta thì sự lẫn lộn tương tự ấy không có thể có. Xét theo sử-thư Trung-quốc đã chép : « Trong khoảng từ Dương-dinh-Nghệ đến Ngô-Quyền, ngoại trừ Kiểu-công-Tiến từng nhậm chức Tịnh-hải-tiết-độ-sứ, trên sự thực, trừ Vạn-vương Hồng-Thảo (萬洪 : con của Hán chúa Lưu-Nham thì không còn ai nữa ». Cứ theo Toàn-thư (ngoại kỷ quyển V) và Chí-lược (quyển IV, XI), đương lúc Lưu-Nham phái Hồng-Thảo qua cứu viện Kiểu-công-Tiến, cho Hồng-Thảo đặc nhậm chức Tịnh-hải-tiết-độ-sứ và phong làm Giao Vương. Xét chữ Thảo (操) *Ch'ao* tên của Hồng-Thảo và chữ Thiệu (紹 : *Chao*), họ của Thiệu-Hồng, âm của hai chữ ấy gần giống nhau ; vậy chúng ta đề nghị : tên Thiệu-Hồng (*Chao Hung*) chắc là Hồng-Thảo (*Hung Ch'ao*) đảo ngược lại, nên nhận Thiệu-Hồng (洪紹) và Hồng Thảo (洪操) chỉ là một người nghe gần hợp tý hơn.



III.— THỜI THẬP-NHỊ SỨ-QUÂN VÀ ĐÌNH-TIÊN-HOÀNG

Cứ theo sử thư Việt-Nam, thì giữa khoảng họ Ngô cáo chung và họ Đinh hưng khởi có một một đoạn thời gian gọi là thời « Thập-nhị sứ-quân ». Hình hình Giao-châu sau khi Ngô-hậu-chúa qua đời, cố nhiên sử Trung quốc lược không nói đến, không từng thấy chép đến tên « Thập nhị sứ quân » bao giờ. Tổng-sử Giao-chỉ-truyện chép rằng :

« Năm đầu niên hiệu Càn-đức (乾德 - T. L. 954-958), Xương-Văn chết, bọn người Ngô-xử-Bình, nguyên Tham mưu ; Kiểu-tri-Hộ, Phong-châu thứ-sử ; Dương-Huy, Vũ-ninh-châu thứ-sử ; Đỗ-cảnh-Thạc, Nha-tướng đều tranh lập. Trong nước 12 châu đại loạn, dân chúng khiến tự làm trộm cướp, vây đánh Giao-châu. Trước đây Dương-đình-Nghệ khiến nha-tướng là Đinh-công-Trứ quyền lĩnh Hoan-châu thứ sử kiêm chức Ngự-phiên đô - đốc.

Bộ-Lĩnh là con của Công-Trứ : Công-Trứ chết, Bộ-Lĩnh nối ngôi. Ông và con là Đinh-Liễn đem binh đánh bại bọn Xử-Bình, tặc đảng tan vỡ, bờ cõi an ninh, dân chúng cảm đội công đức, tôn ông Bộ - Lĩnh làm Giao-châu-sứ, hiệu Đại - thắng - Vương » (大勝王).

Về sử-sự ở đoạn này, Văn-hiến thông-khảo cũng chép như thế, đều là căn cứ theo Tổng-hội-yếu, chép giống như nhau. Xem văn chép trên này, các hào-kiệt hùng cứ châu quận chỉ có 4, 5 người ; nhưng theo sử thư Việt-Nam thì có 12 sứ quân ; phân phối 12 châu quận, liệt kê dưới đây :

Thập-nhị sứ-quân : (Chép theo Việt-sử-lược quyển I)

- 1.— Kiểu-tam-Chế (tên Công-Hàn) cứ Phong châu — Nay thuộc huyện Bạch - hạc.
- 2.— Nguyễn-thái-Bình (tên Khoan-hay-Ký) cứ Tam-Đái — (Nguyễn - gia-Loan) Nay thuộc phủ Vĩnh-tường.
- 3.— Trần-công-Lâm (tên Nhật - Khánh) (có chỗ chép họ Ngô), cứ Đường-Lâm (có chỗ chép cứ Giao-thủy).
- 4.— Đỗ-cảnh-Công (tên Cảnh-Thạc) cứ Đỗ-động-Giang — Nay thuộc Thanh-oai, Bưu-đà.
- 5.— Nguyễn-du-Dịch (tên Xương-Xí) cứ Bình-kiều, xưng Ngô-sứ-quân.
- 6.— Nguyễn-lăng-Công (tên Khuê) cứ Siêu loại. (Toàn thư chép Lý-lăng - Công).
- 7.— Nguyễn-lĩnh-Công (tên Thủ-Tiếp) cứ Tiên-du — Nay có nhà thờ ở xã Xung-dung, huyện Tiên-du.

- 8.— Lữ-tả-Công (tên Khoáng) cú Tể-giang — Nay huyện Văn-giang (Toàn thư chép Lữ-tả-Đường).
- 9.— Nguyễn-hữu-Công (tên Siêu) cú Phù-liệt — (Toàn thư chép Tây-phù-liệt).
- 10.— Kiểu-linh-Công (tên Thuận) cú Hồi-hồ — Nay còn dấu thành cũ ở xã Trần-xá huyện Cẩm-kê.
- 11.— Phạm-phòng-Át (tên Bạch-Hổ) cú Đằng-châu.
- 12.— Trần-minh-Công (tên Lâm) cú Giang-bổ-Khẩu — (Toàn thư chép Bồ-hải-khẩu nay thuộc xã kỳ-bổ huyện Vũ-tiên).

Theo sử văn đã nêu ra ở trên, thì Tống sử, Văn - hiến thông - khảo và Việt-sử-lược, Toàn thư chép tên người nhiều chỗ khác nhau, khó mà khảo định cho xác thực. Ví dụ Toàn thư chép Ngô - xương - Xý (吳昌熾) là Ngô-sứ-quân, con của Hậu-ngô-vương Xương-Văn, mà Việt-sử-lược lại chép Ngô-sứ-quân tên Nguyễn-du-Dịch (阮遵奕), hoàn toàn một cá nhân khác! Xem đây có thể ngờ cái tên Ngô-xương-Xý chắc là soạn giả Đại-Việt-sử-ký-toàn-thư Ngô-sĩ-Liên chữa diễm vào... Xét An-nam chí-lược không chép việc thập-nhi sứ-quân, có thể chứng thực trong thập - nhị sứ - quân, quá nửa thuộc nhân vật tầm thường không đáng kể. Trong ấy có uy thanh thực sự, như Tống sử đã nêu lên, chỉ có Phong-châu-thứ-sử, Kiểu-tri-Hộ (橋知訓) (*Tân Ngũ-đại-sử, Nam-hán-thế gia chép: Kiểu-tri-Hữu (喬知祐)*), Tục-Tư-trị-thông-giám-trường biên chép Kiều (橋) tri-Hữu Việt-sử-lược, Toàn-thư chép Kiểu-tam-Chế (橋三制), Giao-châu Ngô-xử-Bình (吳處坪), Tân Ngũ-đại-sử chép Lữ xử Bình (呂處坪), Vũ-ninh-châu Đỗ-cảnh-Thạc (杜景碩) và hai cha con ông Đinh bộ Lĩnh (丁部領) cú Hoan châu mấy người ấy mà thôi. Xét đất Phong-châu tức hiện nay thuộc Sơn Tây (山西), Việt-trì (趙池) và Vĩnh-yên (永安), vùng bắc tam-giác châu sông Hồng hà (紅河); Vũ-minh-châu tức vùng đất ở Sông Cầu (Canal des rapides); Giao-châu tức Hà-nội (河內), Hải-dương (海陽) Hải-phòng (海防) thuộc trung tâm tam giác-châu sông Hồng-hà ngày nay; Vũ-minh-châu tức là khoảng giữa sông Cầu và Canal des Rapides, Hoan-châu (潯州) tức quận Nhật nam (日南) ngày xưa, nay thuộc huyện Đức thọ (德壽), tỉnh Hà Tĩnh (河靜) Giao châu (交州) ngày xưa về phương diện chính trị địa lý cũng quan trọng như địa vị Trung nguyên nước Tàu, đương nhiên là mục tiêu tranh đấu của các tay hào kiệt; bởi thế Đinh Thị đã đảo được Ngô-xử-Bình ở Giao châu, mới có thể bình định được đất nước.

Cứ thiên kiến, nếu quá thời kỳ « thập nhị sứ quân tranh lập », thì nhà

đại phải bắt đầu từ ngày Ngô-xương-Văn qua đời. Muốn quyết định thời kỳ bắt đầu thập nhị sứ quân, trước hết phải khảo định năm, tháng tử vong của Ngô-hậu-Chúa. Nay xin đem mấy đoạn sử văn Trung, Việt chép về khoảng từ Xương-Văn chết đến Đinh-thị xưng Vương, liệt cử như dưới đây :

(*Sử văn của Tống sử chép về đoạn này đã thuật ở bài trên, ở đây xin lược*).

Tống-hội-yếu chép :

A — Đầu niên hiệu Càn-đức, Xương Văn chết..... Trong quân hạt 12 sứ quân đại loạn..... Lúc ấy Bộ Lĩnh và con là Liễn (璉) đem 30.000 binh đuổi các đảng, đánh bại Xứ-Bình..... Dân bộ thuộc ơ, cộng lập Bộ-Lĩnh làm Giao-châu-sứ, hiệu xưng Đại-thắng-Vương (大勝王).

B — Bộ Lĩnh chết... năm, khiến Liễn làm Tiết-độ-sứ, năm Khai-Bửu (開寶) thứ VI (T.L. 973) tháng tư, Đinh Liễn khiến sứ vào cống phượng vật, Liễn đã tập ngụy chức từ năm Kỷ Sửu (己丑).

Tục Tư-trị-thông-giám-trường biên chép :

A — Càn-đức năm thứ I, tháng 12 nhữn..... (*lược một đoạn*) Tĩnh-hải-tiết-độ-sứ Ngô-Xương-Văn chết. Xương Văn nổi danh từ tháng giêng năm Hiên-đức thứ nhất. Bọn tham mưu Ngô-xứ-Bình, Phong-châu-thứ-sử Kiều-tri-Hữu, Vũ-ninh-thứ-sử Dương-Huy, Nha tướng Đỗ-cảnh-Thạc đều tranh lập ; Giao chỉ 12 châu đại loạn, trộm cướp lung tung. Lúc đầu Dương-đình-Nghệ làm Tĩnh-Hải tiết-độ-sứ, khiến Nha tướng là Đinh-công-Trứ quyền nhiếp Hoan châu thứ sử, Công Trứ chết, Bộ Lĩnh nổi ngôi.

Bấy giờ Bộ-Lĩnh và con là Liễn đem binh 30.000 người đánh tan bọn Xứ-Bình ; trong nước yên ổn, bèn tự lập làm Vạn thắng Vương (萬勝王).

B — Phong người Liễn làm Tiết-độ-sứ, khiến sứ cáo với nhà Nam-hán Nam-hán trao quyền cho.

An-nam chí-lược chép :

A — Lúc Ngô-xương-Văn chết, bọn dưới đây loạn, Bộ-Lĩnh và con là Liễn dẹp yên hết ; thống lĩnh Giao-chỉ, hiệu Vạn-thắng-Vương.

B — Riêng phong Đinh Liễn làm Tiết-độ-sứ, 10 năm Bộ-Lĩnh chết : Liễn lập được 7 năm, năm Khai-bửu (開寶) thứ IV, Tân-mùi, (971) nhà Tống khiến đại tướng Phan-Mỹ bình định đất Lĩnh-nam ; Đinh-Liễn-sợ, dâng biểu, khiến sứ vào cống xin nội thuộc.

Việt-sử-lược chép :

A — Mậu-thìn (T. L. 968) Minh-Công chết, quân lại và nhân dân kinh

phủ qui phụ rất đông, năm Triệu-tổng Thái-tổ, niên hiệu Khai-bửu thứ I (T. L. 968) Bộ-linh tức vị ở động Hoa-Lư, tôn hiệu là Đại-thắng-Minh-hoàng-đế (大勝明皇帝).

B— Kỷ-tỵ năm thứ II (T. L. 969), tháng 5 nhuận, phong con trưởng là Liễn làm Nam-Việt-Vương (南越王), Canh-ngọ (Khai-bửu năm thứ III, T. L. 970)... Tổng phong vương làm An-nam-quận-vương (安南郡王).

Đại-Việt sử-ký toàn-thư chép :

A— Càn-đức năm thứ V (T.L. 967).. đến khi Minh Công chết... Bộ-Linh (部領) cử binh đánh giang (Đỗ động giang) và động bộ lạc (江及洞部落) thấy điều phục tòng, từ ấy kinh phủ lại dân đều qui tâm ; nhà Ngô mất..., năm Khai-bửu thứ I (T.L. 968), vua tức vị Hoàng-đế, bầy tôi dâng tôn-hiệu là Đại-thắng Minh-hoàng-đế (大勝明皇帝).

B— Khai-bửu năm thứ II (T.L. 969) tháng 5 nhuận, phong con trưởng, làm Nam-Việt-Vương ; Canh-ngọ (Khai-bửu năm thứ III, T. L. 970) khiên sứ qua kết hảo với nhà Tống.

Về năm chết của Ngô-xương-Văn, Tống-sử, Tống-hội-yếu đều chép đầu niên hiệu Càn-đức, Trường-biên chép rõ rằng « năm Càn nguyên thứ I » (963). Theo Sam-bản-Thị khảo cứu, căn cứ Ngũ-đại sử-ký và Việt-sử-lược, đoán định Xương Văn chết vào năm Càn-đức thứ III (Đại-bửu năm thứ 8, T. L. 965). Nhưng theo sử liệu có thể tin cậy được, chúng ta nên theo Trường biên lấy Càn-đức nguyên niên (T.L. 963) làm năm Xương-Văn qua đời, có phần hợp lý hơn.

Thứ nữa, thuộc về các biến cố xảy đến sau ngày Xương-Văn qua đời và các hành động của họ Đinh trong lúc ấy, chúng ta nhận thấy sử văn Trung, Việt có khác nhau đôi chỗ. Theo sử văn điều (A) của các sử thư vừa kể ở trên, Tống-sử, Tống-Hội-yếu, Trường-biên và Chí-lược đều chép một quy-phạm giống-nhau ; đại để tự thuật quá trình : sau khi Ngô-xương-Văn chết, bọn Ngô-xử-Bình 12 châu tranh lập, Bộ-Linh và con là Đinh-Liễn đánh dẹp, nhơn xưng Đại-thắng hay Vạn-thắng-vương v.v... Nói về lỗi hành văn, Tống-sử và Tống-hội-yếu rất rõ ràng, thứ đến Trường-biên, còn Chí-lược thì quá đơn giản. Nói về niên đại, theo sử văn, chúng ta có thể giải thích thời kỳ họ Đinh thống nhất nước Việt thuộc về năm Xương-Văn chết tức nội trong năm 963 tính theo Tây-nguyên như vậy. Niên đại gọi là « Thời thập-nhị sứ-quân » chỉ trong vòng một năm ngắn ngủi.

Một phương diện khác, (điều A) của Việt-sử-lược và Toàn-thư chép sự thực một mạch liên-quán. Cứ theo Toàn-thư chép thì trong khoảng năm Càn-

đức thứ V (tây lịch 967), sau khi Trần-minh-Công chết, đến năm Bộ-Lĩnh xưng đế (tây lịch 968) còn có một đoạn sử chép việc tấn công của con em Ngô-Tiên-chúa hơn 500 người ở Đò-động-giang (chép rõ ở đoạn sau). Việt-sử-lược không chép việc ấy, chỉ nói năm Mậu-thìn (T.L. 968) sau khi Minh-công chết, kinh phủ lại dân qui phụ họ Đinh ; trong khoảng ấy, động tác của họ Đinh, chẳng phải phân biệt dẹp yên từng châu một ; chẳng qua chỉ trấn định được một cuộc bạo-nghịch loạn lạc. Do đấy, chúng ta có thể suy tưởng họ Đinh lúc bấy giờ đã sẵn có một uy thanh to lớn ; đồng thời nhận thấy điều (A) của Toàn-thư và Việt-sử-lược đều do một nguồn gốc sử-liệu mà ra ; hoặc giả Toàn-thư chép theo Việt-sử-lược và nhuận sắc thêm. Nói tóm lại điều (A) của Toàn-thư và Việt-sử-lược so với điều (A) của Tống-sử, Tống-hội-yếu, Trường-biên và Chí-lược chẳng thấy có gì mâu thuẫn, chúng ta chỉ thấy việc của sử Tàu thuật thuộc về quá trình xưng « Vương » của Bộ-Lĩnh sau khi Ngô-xương-Văn chết. Trái lại, sử Nam thuật quá trình của Bộ-Lĩnh xưng « đế » sau khi Trần-minh-Công chết. Nói về niên đại thì niên đại của Bộ-Lĩnh xưng vương là năm 963 theo Tây-lịch, và xưng đế năm 968, cách nhau một thời gian 5 năm. Xét ra, lập trường của sử-gia Trung-quốc, cho việc « xưng đế » của độc lập quân-chủ Việt-Nam là một việc « tiếm xưng », bởi thế Trung-quốc sử-thư chỉ chép sử-thực về việc xưng Vương mà sử-văn có quan hệ việc xưng « đế » không thấy chép đến.

• Nói về quan hệ giữa họ Đinh và nhà Nam - Hán trong thời gian Bộ - Lĩnh xưng Vương và xưng Đế, điều (B) của Tống-sử, Tống-hội-yếu và Chí-lược đều chép lúc Bộ-Lĩnh xưng Vương bèn khiến con là Đinh-Liễn làm Tiết-độ-sứ, nhưng không có một chữ nào nói đến nhà Nam-Hán. Theo quan điểm của họ Đinh, thì từ trước Dương-dinh-Nghệ, Kiều-công-Tiến và Ngô-xương-Văn (tức Xương-Tuấn) đều làm Tiết-độ-sứ với nhà Nam-Hán ; nay họ Đinh kế tập họ Ngô, tự nhiên cũng có quyền làm Tiết-độ-sứ ; nhưng Bộ-Lĩnh xưng vương, đã làm một vị quân chủ độc lập nước Việt - Nam ; thì dùng con là Đinh - Liễn làm tiết-độ-sứ, là một việc chiếu trên tình lý nghe hơi bất thông. Rõ ràng chức tiết độ sứ của Đinh-Liễn là do Nam - Hán gia phong, chúng ta chỉ muốn biết gia phong về thời kỳ nào ? Theo điều (B) của Trường-biên đã dẫn ở trên, chép rằng :

« Lấy người Liễn làm Tiết độ sứ, khiến sứ cáo với Nhà Hán ; chúa Nam-Hán nhưn trao chức cho. »

Lời chú thích :

« Theo Thập quốc kỷ niên, Đinh-bộ-Lĩnh tự xưng Vạn-thắng-vương lấy con là Đinh-Liễn làm tiết độ sứ cáo với nhà Hán, việc ấy xảy ra từ năm Càn-Đức thứ III, nay chép luôn. »

Xét tên sách Thập quốc kỷ niên, ở Trục-trai-thư-lục-giải-đề (quyển V, Ngụy-sử-loại) và Cửu-quốc chí quyển 51 đều chép rằng : Thập-quốc-kỷ-niên,

40 quyển ; Lưu-Thứ-Soạn. Gọi là Thập quốc tức Cửu quốc thêm vào Bắc-sở (Kinh-Nam Trương-canh-Anh). Văn-hiến-thông-khảo (quyển 200, kinh tịch 27) thì bảo 42 quyển, và có dẫn cuốn Độc-thư-chí của Cháo, chỉ giải thuyết thêm. Căn cứ đoạn văn này, có dẫn bài tựa sách Thập-quốc kỷ-niên của Tư-mã-Quang rằng : Soạn giả Lưu-thứ-Đạo học rộng nhớ nhiều, từng cùng Tư-mã-Quang tu soạn sách Thông-giám ; mỗi lúc gặp sự phân vân khó định, thường giao cho Lưu-thứ-Đạo. Tư-mã-Quang lại đề sau sách rằng : « Đời khen Lỗ-thị Cửu-quốc-chí ở trong thời Ngũ-đại rất hay, sách này (Thập-quốc kỷ-niên) lại hay hơn nhiều. Theo ta xét thì sách này khảo cứu các việc dị đồng rất đúng, nhưng lời văn vụng về ».

Do theo lời suy tưởng như trên của Tư-mã-Quang, thì những việc chép ở Thập-quốc kỷ-niên, mười phần có thể tin được. Bài trên bảo « Đinh-Liên cáo Nam-Hán » v.v... ấy là Nam-Hán chúa Lưu-Tránh (劉 鋹) phong chức tiết-độ-sứ cho Đinh - Liễn. Về niên-đại, cũng như trên đã chép, vào khoảng năm Càn-Đức thứ III (T.L. 965), không còn nghi ngờ gì nữa. Ngũ-đại-sứ, Nam-Hán thế-gia có một đoạn cũng chép y như sự thực trên ấy :

« Đại-biên năm thứ 8 (T.L. 965), Giao-Châu Ngô-xương-Văn chết, Giao-Chỉ đại loạn, Hoan-Châu Đinh-bộ-Lĩnh cử binh dẹp ; Trách phong Liễn làm Giao-châu Tiết-độ-sứ ».

Chúng ta còn có thể cử ra đủ sử-liệu để chứng thực việc Đinh-Liên cầu tiết-Việt ở Nam-hán và Nam-hán phong chức tiết-độ-sứ cho Đinh-Liên chính xác vào năm Càn-Đức thứ III.

Còn đoạn cuối (điều B) của Tổng-hội-yếu chưa rằng :

« Liễn nguy tập chức năm kỷ-sửu (己 丑) »

Nay kiểm xét biểu can-chi, thì Kỷ-Sửu (己 丑) thuộc vào năm Thiên-thành thứ IV (T.L. 929) của Hậu - Đường - minh - tôn Lý - tự - Nguyên (李 詞 源), hoặc Đoan-cung năm thứ II (T.L. 989) đời Tống-thái-Tổ. Vậy rõ ràng năm kỷ-sửu ấy là năm Ất-sửu (乙 丑) (T.L. 965) mà nhà chép sử Tổng-hội-yếu đã chép nhầm. Và câu văn chép hai chữ nguy-tập (偽 襲), rõ ràng chỉ việc Đinh-Liên kế tập họ Ngô và do Ngụy-triều Nam-hán nhậm làm chức tiết-độ-sứ.

Tổng-sử Giao-chỉ truyện, sau đoạn văn ở trên đã chép tiếp rằng :

« Được 3 năm, Liễn kế tập ngôi của cha, lập được 7 năm, nghe vua Thái-Tổ dẹp yên Lĩnh-biểu, bèn khiến sứ cống phương-vật, dâng biểu xin nội-phụ ».

Đồng-đồ sử-lược (quyển 130) cũng chép rằng :

« Được 3 năm, Liễn kế tập chức nhậm của cha ».

Xét sử thấy Tống-thái-Tổ khiến Phan-Mỹ bình-định Lĩnh-nam vào năm Khai-bửu (開寶) thứ IV (T.L. 971) tính ngược lại 7 năm tức năm Càn-Đức thứ III (T.L. 965) là năm Đinh-Liên kế tập ngôi của cha hay là tiếp thụ chức-độ-sứ của Nam-hán, lại tính ngược lại 3 năm nữa, tức năm Càn-Đức thứ I (T.L. 963), năm xưng của Bộ-Lĩnh. Chẳng qua theo câu văn « Liên tập phụ-nhậm » (連襲父任) của sách Đông-đô sử-lược mà suy tưởng, có thể cho rằng : thời kỳ Đinh-bộ-Lĩnh thống nhất nước Việt-Nam (963), năm ấy ông đã chịu chức tiết-độ-sứ của Nam-hán, sau 3 năm nữa Đinh-Liên mới tập nhậm chức của cha.

Nói tóm lại, theo sự kiểm thảo ở trên, chúng ta có thể tin được, ít nhất về phương diện niên đại, nhưng sự thực đã chép ở sách « Thập quốc kỷ niên », « Tống-sử Tống-hội-yếu » và « Chí-lược » đều sung phạn hợp lý.

Về những quan hệ giữa họ Đinh và thập nhị sứ quân, sử văn về phương diện này chỉ thấy chép ở sử-thư Việt-Nam. Việt-sử-lược đem việc ấy chép vào Đinh-Kỷ (丁紀); Toàn-thư chép phân biệt làm hai mục : Ngô-sử-quân (吳史君) và Đinh-kỷ (丁紀). Sử-văn chép về đoạn này hơi lờ mờ, khó tìm ra sử-thực đủ tin cậy được ; nay đem mấy đoạn sử văn quan hệ đến việc ấy liệt cử ra sau đây :

Việt - sử - liệt (Đinh-kỷ)

« Lúc ấy trong nước không chủ, Vương (Bộ - Lĩnh) nghe Trần - minh - Công là người hiền mà không có con, bèn đem con qua nương tựa. Minh-công vừa trông thấy thì kính trọng ngay, nuôi làm con mình, giao phó cho hết cả binh lính bộ hạ, khiến đánh thập-nhiếp sứ-quân đều dẹp yên hết ; năm Mậu-Thìn (T.L. 968) Minh-công chết, kinh phủ lại dân đều về theo rất đông ; Vương xưng Hoàng-đế vào năm Khai-bửu thứ I (T.L. 968) của Triệu-Tổng Thái-Tổ ».

Toàn - Thư (Mục Ngô Sử-quân).

Càn-Đức năm thứ V (T.L. 967), lúc ấy hải nội không có chủ, 12 sứ quân tranh trường, chẳng ai thống trị được ai. Đinh-bộ-Lĩnh nghe Trần-minh-Công là người có đức mà không có con nổi bèn đem con là Đinh - Liên qua nương theo. Minh-Công thấy tướng mạo khôi kỳ và có khí-trọng nhận nuôi làm con mình, đãi ngộ rất thân ái ; gia ơn ngày càng long hậu, hơn giao phó cho binh quyền khiến đánh quần hùng ; đều đánh dẹp hết, Phạm-phòng-Át đem binh về hàng. Kịp đến lúc Minh-công chết, gặp lúc ở Đỗ - động - Giang, bọn tứ-đê của Ngô-tiên-chúa hơn 500 người kéo nhau tới đánh, vừa vào đất Ô-mam bị người trong làng là Ngô-phó-sứ đánh bại phải kéo về. Bộ-Lĩnh nghe tin, bèn cử binh đánh các bộ lạc ở sông, và động thấy đều hàng phục ; từ ấy kinh-phủ lại dân đều quy tâm ; Ngô-thị chấm dứt. »

(Mục Đình - Kỷ) (丁紀):

..... Hiệu Vạn-thắng-vương, thời ấy 12 sứ-quân, tự xưng hùng-trưởng với nhau, chia sẻ đất nước. (Liệt-cử tên 12 sứ quân) Vương cử binh dẹp yên hết, bèn tự lập làm đế. Nay đem sử văn của Việt-sử-lược và Toàn-thư so-sánh, ta có thể nhận ra điều chung của hai cuốn ấy là: Cha con Đình-bộ-Linh qua nương tựa Trần-minh-Công và sau khi Minh-Công qua đời, kinh-phủ lại dân quy phục, Bộ-Linh bèn xưng đế. Trái lại sử văn riêng của Toàn-thư là, Phạm-phòng-Át về hàng họ Đình, và sau khi Minh - Công mất, tử đệ Ngô-tiên-chúa của Đồ-dồng-Giang tương chiếu với Bộ - Linh.

Đoạn đầu nói về việc Đình-thị qua nương tựa Trần-minh-Công, là một sự thực có thể xác nhận được. Theo Tổng-sử, Tổng-hội-yếu và Trường - biên, thì thân-phụ ông Bộ-Linh là Đình - công - Trứ từng làm nhà-tướng của Dương-đình-Nghệ, ra nhậm Hoan-châu Thứ - sử và kiêm chức Ngự-phồng Đồ-đốc. Lại cứ theo Toàn-thư mục Đình-kỷ, thì sau khi Đình-Nghệ chết, Công-Trứ từng về với Ngô - Vương và lại được khiêu ra nhậm chức cũ. Xét ra Hoan - châu tức quận Nhật - Nam ngày xưa, giáp giới trực tiếp đất Chiêm-bà ở miền Nam, là tiền tuyến quan trọng cho quốc-phòng nước Việt lúc bấy giờ. Do đấy khá suy tưởng Đình-thị đã sẵn có trong tay một lực lượng quân sự tương đối hùng hậu, chỉ ở trên địa điểm quá xa cách Giao-châu. Trái lại Trần-minh-Công cư Bồ-hải-khẩu (布海口, Việt-sử-lược chép lầm làm Giang-bổ-khẩu) tên này thường thấy nói đến trong thời đại Lý-triều (T. L. 1009-1225), tức thuộc địa phận Kỳ-bổ (奇布) phía nam tỉnh Thái-bình (太平) ngày nay, là một cửa biển trọng yếu, không-chế châu tam-giác sông Hồng-hà lúc bấy giờ. Như thế, nếu thế-lực họ Đình muốn tiến ra Giao-châu, lý tất nhiên phải đề huề với Trần-minh-Công là người trấn thủ cửa ngõ châu tam-giác. Việc Đình-thị y phụ hay kết minh với Trần-minh-Công, ắt hẳn là một thực sự. Đến như quan hệ kết thân giữa Đình-thị và Trần-minh-Công, theo thuyết « Đình-bộ-linh làm con nuôi Minh-Công » (Toàn-thư), chẳng bằng chiếu theo Việt-sử-lược chép rằng: « Lấy con là Liễn làm con nuôi Minh-Công » nghe hợp lý hơn. Về thời-kỳ, lúc ấy thế lực họ Đình chưa tiến triển đến tam-giác châu, đương nhiên còn đương thời-dại Ngô-thị thì phải. Cho nên Toàn-thư, Hậu ngô-vương kỷ chép việc Ngô-xương-Ngập và Xương-Văn bắt giam Đình-Liễn và giao chiếu với Đình-bộ-Linh, không phải câu chuyện vô căn cứ. Sam-bản giáo-thụ cũng bảo ở thời đại « Ngô-thị lưỡng đầu chính trị » (951) đã có xung đột quân sự giữa họ Đình và hai họ Ngô. Nói một cách khác, lúc ấy đã có dấu chỉ họ Đình đương khoách triển thế lực hướng về châu tam-giác.

Thứ nữa, về đoạn văn ký-sự ở đoạn văn thứ hai, chỉ thấy chép ở Toàn-thư (xem ở đoạn trên), rất khó giải thích cho hợp lý. Toàn-thư đã

liệt cử tên 12 vị sứ quân và bảo rằng đều bị họ Đinh nhất cử dẹp yên. Có sao chỉ đề cập việc Phạm-phòng-Át qui hàng và việc bọn tử-đệ của Ngô-tiên-chúa mà thôi ? Như vậy chả là một bằng chứng rõ rệt « *thập nhị sứ-quân* » chỉ là một không-danh tồn-tại. Đến như cái tên « *Đô-động-giang* » (杜洞江), Việt-sử-lược chép « *Đô-động* » cũng là một tên thường thấy nói đến thời Tiền-Lê-triều (T. L. 986-1009) và Lý-Triều (T. L. 1009-1225). Cứ theo lời chú thích của Việt-sử thông-giám cương-mục thì thuộc địa phận Thanh-Oai huyện, tức huyện Thanh-Oai (青威) ở Đông-nam tỉnh Hà-Đông (河東) ngày nay. Nhưng cứ Toàn-thư thì Đô-động-Giang thuộc phần đất của Đô-cảnh-Thạc (杜景碩) chiếm cứ, cái tên Đô-cảnh-Thạc đều thấy chép ở các sách Tống-sử, Trường-biên, Tống-hội-yếu (chép nhầm là Dương-cảnh-Thạc), chắc là một nhân vật rất xác thực trong 12 sứ quân.

Nhưng cứ theo mấy sử-thư trên, Đô-cảnh-Thạc làm nha-tướng của Dương-Huy, Võ-ninh-Châu thứ-sử (武寧州刺史楊暉之牙將). Võ-ninh-Châu vị trí ở phía bắc sông Vận-hà (運河 : Canal des Rapides). Tuy nha-tướng của quan thứ-sử châu Võ-Ninh, không nhất định buộc phải ở Châu Võ-Ninh, cũng có thể chiếm cứ Đô-động để tương tranh với quần-hùng ; Vậy thì Ngô-Tiên-Chúa tử đệ với Đô-cảnh-Thạc và Đô-động-Giang, cứu cánh có quan hệ gì với nhau ? Ấy là một nghi vấn. Thứ nữa, cái tên Ngô-tiên-Chúa chẳng thấy liệt kê trong danh biểu thập-nhi-sứ-quân, vậy « *Ngô-tiên-Chúa tử đệ* » là chỉ tan tòn thế lực của Ngô-thị mà nói, nhưng câu văn chép « *lai công Đinh-thị* » hơi kỳ dị quá ! Đã bảo « *lai công* », có gì vừa đến Ô-Man bị người làng là Ngô-Phổ-sứ đánh bại phải kéo về ? Chắc có đoạn văn chép sót chăng ? Hơn nữa, cái tên đất, nơi Đinh-bộ-Lĩnh công-kích, cũng rất khó hiểu « *Công kỳ giang cập động bộ lạc : đáng các bộ lạc ở sông và động ?* » 攻其江及洞部落 nên cắt nghĩa ra thế nào ? Phải chăng đem cái tên Đô-động-giang chia làm hai bộ lạc ?

Cứ xem mấy nghi vấn đã cử ra ở trên, có thể ngờ rằng sử-sự doan này do Ngô-sĩ-Liên, biên-giả Toàn-thư, đã niết-tạo và chép thêm vào ; vì Toàn-thư khác với Việt-sử-lược, biệt lập ra một chương « *Ngô-sứ-quân ký* », đem 12 sứ quân bao hàm ở trong chương này, hơn muốn nói rõ việc Ngô-thị tuyệt-vọng và phương tiện Đinh-thị kế lập, phải tạo ra ký sự đoạn này. Nhưng nếu đem việc « *Đô-động-giang lai công* » đoán định rằng đây là thế lực của Ngô-tiên-chúa tử-đệ thì rõ ràng mâu thuẫn với việc thập nhị sứ quân cát-cứ thổ địa, và lại đem danh-đơn 12 sứ quân tranh lập chép vào đoạn Càn-Đức năm thứ IV (T.L. 966), lại đem việc Đinh-thị qua y phụ Trần-minh-Công, việc Phạm-phòng-Át hàng phục, việc Ngô-tiên-chúa tử-đệ đến đánh và bị dẹp yên, tất cả bao nhiêu việc chép luôn vào đoạn Càn-Đức năm thứ V (T.L. 967), cách biên-sử như thế đã phạm nhiều điều và lý. Nếu bảo hiện-

tượng sai lầm ấy, thường thấy phát sinh mỗi lúc chỉnh đốn thể-tài biên-nhiên-sử. Nhưng sai lầm ấy đối với việc tìm tòi sử-thực chẳng bỏ ích chút nào. Do đấy mà xem, Chương « *Định-kỷ* » của Việt-sử-lược, tuy văn chép hơi giản-khiết, nhưng còn gần với sự thực nhiều hơn.

Do các khảo sát và kiểm thảo ở trên, chúng ta có thể nêu lên mấy suy luận như sau :

1.— Đương thời đại Ngô-thị xưng Bá ở Giao-châu, Đinh-thị ở Hoan-châu đã có một quân lực tương đối hùng hậu để hoạt động nhắm về phương diện tam-giác-châu sông Hồng-hà ; và vào khoảng trước sau thời đại.

« *Lưỡng đầu chánh trị* » của Ngô-xương-Văn và Xương-Ngập (951), Bộ-Linh đem con là Đinh-Liên cho làm con nuôi Trần-minh-Công, người cắt cử vùng cửa ngõ tam-giác châu sông Hồng-hà, có ý kết thân để dùng làm bàn đạp ngõ hầu tiến triển vào tam-giác châu sau này.

2.— Càn-Đức năm thứ I (T.L. 963), sau khi Hậu Ngô-vương Ngô-xương-Văn qua đời, trong cõi nước Việt-Nam, hiện ra ra một trạng thái « *quần hùng cát cứ* » ; tức Tổng-hội-yếu, Tổng-sử và Trường-biên đều chép rằng : « *Trong nước 12 châu đại loạn* ». Câu ấy không có ý chỉ 12 ông Châu trưởng tranh loạn, nhưng có lẽ do đấy mà các sử gia Việt-Nam có quan niệm « *thập nhị sứ-quân* », rồi Việt-sử-lược và Toàn-thư mới nêu ra danh đơn 12 ông sứ quân và các châu quận do mấy ông ấy cát-cử. Xét ra đương thời tranh lập chỉ có bọn Ngô-xử-Bình, Kiều-tri-Hữu, Đỗ-cảnh-Thạc, Trần-minh-Công và Bộ-Linh, Đinh-Liên mấy người mà thôi. Đinh-bộ-Linh bèn liên hiệp với Trần-minh-Công, hơn thế lực hùng hậu sẵn có, dẹp yên các tay hào kiệt và xưng « *Vạn thắng vương* » vào năm Tây-lịch 963. Kể đến năm Càn-Đức thứ III (T.L. 965), lấy danh nghĩa của con là Đinh-Liên cầu tiết-việt với Nam-Hán ; Nam-Hán chúa Lưu-Trầnh nhận nhậm làm Tĩnh-hải tiết-độ-sứ.

2.— Sau lại, họ Đinh kế tục công việc tảo-thanh, Phạm-phòng-Á ở Đằng-châu và tàn quân của Ngô-thị ở Đỗ-động-giang là những địch quân phải chinh-thảo cuối cùng. Họ Đinh đã củng cố địa vị, dân tâm qui phục ; sau khi Trần-minh-Công chết vào năm Khai-hựu thứ I (T.L. 968), Bộ-Linh bèn lên ngôi Hoàng-đế, qua năm sau, (T.L. 969) Đinh-Liên cũng xưng Nam-Việt-vương.

4.— Khai-bửu năm thứ IV (T.L. 971), Tổng-thái-Tổ khiển tướng Phao-Mỹ thu phục Linh-Nam, nhà Nam-Hán mất ; đến Khai-Bửu năm thứ VI (T.L. 973), Đinh-Hoàng lấy danh nghĩa của Đinh-Liên dựng biểu cầu nội phụ, Tổng phong làm Giao-chỉ Quận-Vương, từ ấy chịu tiết chế của Tổng triều.

VĂN - HỌC · MIỀN NAM

1945 - 1950

Nhận định của THẾ - PHONG

TIẾT IV

LÝ - VĂN - SÂM

I — Cuộc đời, Văn-Nghệ.— Lý-văn-Sâm là tên thật dùng trong các tác phẩm văn chương của ông. Sinh năm 1924 ở Tân Uyên vùng sông Bé, thuộc Biên-hòa (Nam Phần) trong một gia đình trung lưu. Học ở Pétrus Ký Saigon sau Hồ Đắc Hàm Huế. Trong thời gian này quen biết nhà văn Thanh-Tịnh, ông đã tỏ ra là người có khiếu văn chương.

Năm 1947-48, Lý-văn-Sâm là một trong hai nhà văn xuất sắc nhất ở miền Nam. Tác phẩm đầu tay của ông KÒN TRÒ (Tân Việt), ông đã có một kỹ thuật và nội dung chừng. Ông viết cho các tuần báo miền Nam và *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* của Vũ - đình - Long ở Hà-nội (1949) hoặc *Viet Bút* ở Saigon. Ông còn viết kịch *VANG* diễn trên sân khấu, hoặc những vở khác đặc sắc như *SÁU LỆNH*, *TRÙNG DƯƠNG*, *ĐƯỜNG VÀO XỨ PHẬT* đăng trên báo *Tiếng Chuông*. Sau này ông cho xuất bản những truyện ngắn *NẮNG BÊN KIA LÀNG*, *SƯƠNG GIÓ BIÊN THÙY*, *NGOÀI MƯA LẠNH...* và nhiều truyện ngắn như *ĐỜI TÀN TRONG NGÕ HẸP* đăng trên T.T.T.B. — *MỘT CON CHÓ SỬA HỒNG CHIỀU BA MƯƠI TẾT* (Giải phẩm Canh Dần) *MỘT CỐT TRUYỆN MỚI* (Xuân Vĩnh Viễn 1950).

Chúng tôi cho trích đăng TÔI VIẾT VĂN của ông đăng trên báo Xuân SÓNG MỚI (1950 Saigon) để chúng ta có thể hiểu thêm cuộc đời và văn nghiệp của ông :

« Tôi vốn có khiếu văn chương từ năm tôi ngồi lớp nhứt trường Biền-hòa. Tôi giỏi Việt văn là lẽ dĩ nhiên, nhưng tôi không có mộng trở nên văn sĩ sau này. Hồi ấy, tôi rất thích quyển LỜI HOA của Trí đức văn đoàn Đông - Hồ tiên sanh ở Hà tiên xuất bản. Tôi thích quyển ấy vì những ngọn gió quế, của những đồng lúa Tân Ba Biền-hòa thổi vào lòng tôi một cảm giác thơm ngọt ngọt và khởi cho tôi hồn văn của tôi một hứng thú mới. Lại có một điều khi tôi lên học năm thứ nhứt tại trường Lê-Bá-Cang, tôi không viết văn nữa. Có lẽ vì ông giáo Việt văn Trần-văn-Hoàng (không phải là ông Nam - Văn) hồi ấy đã khiến cho giờ học chúng tôi thành ra buồn tẻ nên chúng tôi chán là phải.

Rồi cuộc sung đột giữa ông giáo Vĩ (trường Pétrus Ký) và tôi đã đưa đời học sinh tôi xa Saigon.

Tôi định ra Hà-Nội học, nhưng rồi tôi đành chán ở Huế, đăng vào trường Hồ đắc Hàm.

Từ ấy, cảnh nắng vàng trên sông Hương và sương xanh trên núi Ngự đã đưa cái hồn lãng mạn tôi lên tuyệt vời. Tôi đâm ra yếu làm thơ vì tôi đã lấy nguồn thơ của anh Xuân-Lữ (Nguyễn-khắc-Lữ hiện ở Xiêm) tác giả tập thơ TIẾNG TRỐNG TRƯỜNG :

Năm sau tôi qua trường Phú Xuân và chỉ thích đá banh ở sân S.E.P.H. hơn là học hành. Là vì hồi ấy tôi sợ giờ toán như ngàn thuốc bắc. Hồi ấy tôi ao ước được học quốc văn với ông Hoài Thanh nhưng ông này lại dạy Pháp văn nên tôi bỏ học.

Một hôm anh Lê Mẫn, giới thiệu tôi với một người đàn ông còm lưng, trong bộ đồ ni xám hường và bảo rằng : « Đây là giáo sư Thanh Tịnh ».

Tôi biết Trần Thanh Tịnh từ đó.

(Nếu đến ngày nay có người bảo tôi rằng tôi viết văn có phần giống tác giả QUÊ MẸ tôi xin nhận là đúng). Nhưng tôi lại không phải là học trò của Thanh Tịnh mà lại là bạn đồng môn đồng chiếu. Người yêu Thanh Tịnh nhất không phải là tôi mà là anh Lê Mẫn. Trái lại người mà Thanh Tịnh thương (xin hiểu nghĩa khác) không phải là Lê Mẫn mà lại là tôi. Là vì Thanh Tịnh thường nói : « Cái giới không phải là ở chỗ chăm học quốc văn mà ở cái thiên tài của anh. Rồi anh sẽ đi xa... » Chính hồi này tôi bắt đầu nghe lời Thanh Tịnh học viết đúng luật hồi ngà.

Nhưng tôi vẫn không làm vừa lòng Thanh Tịnh vì tôi rất lười biếng. Qua năm sau, một « thiên tài » được nhiều người biết ở Huế lại là anh Trương

văn Hai **KHÔNG DƯƠNG** tự lực xuất vốn in quyển thơ **LY TAO** ở Huế và viết nhiều truyện ngắn cho các báo ở Hà nội.

Tôi về Nam ít lâu, hăm đọc sách hơn là viết. Cái thú « bỏ nhà » của tôi rất hợp với anh Lê văn Đức (Huỳnh Đức) mà không hợp với « tiếng gọi trở về gia đình » của thông chế Pétain.

Mãi đến lúc tôi thấy ba tôi cai quản lò than « Cái thác nước » ở Tỵ-An, tôi rất thích bạn bè. Quanh tôi chỉ có rừng và thác. Trước mặt tôi bút giấy là bạn. Tự nhiên tôi cần phải viết để quên buồn, chứ không phải để gửi đăng báo. Truyện thứ nhất hồi ấy là truyện **KÒN TRÒ** trong ấy tôi tả nỗi « xa đời » của một nhân vật bị « đời xa ». Viết rồi cắt đó, để đọc chơi. Một hôm



Ảnh LỖ-VĂN-SÂM (chụp vào năm 1955).

(Văn-Nhân sưu tập)

tôi cao hứng liền gởi bài ấy lại, nhưng không gởi đi báo nào cả. Bài thứ nhất tôi gởi đi *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* là bài **CÂY NHỊ SỐNG PHỞ** và bài thứ hai là **CÁI ỒNG TIỀN**.

Đến khi nhận được một số báo, tôi mới biết rằng bài ấy « sẽ được đăng ». Tôi liền gởi tiếp bài **KÒN TRÔ**.

Tuần lễ sau tôi nhận được thư (sic) khuyến khích của anh **VŨ BẰNG**. Không bao lâu chúng tôi trở nên đôi bạn thân, chỉ yêu nhau bằng thư chứ không gặp mặt nhau lần nào hết.

Từ ấy, tôi ham viết, viết chơi chứ không bị sanh kế thúc bách như bây giờ.

Tác phẩm chính.— *Kòn Trô* (Tân Việt), *Ngoài mưa lạnh* (Sống Chung 1950) *Sương Gió Biên Thùy* (Tân Việt) *Saudây Trường sơn* (truyện dài) *Nắng bên kia làng* (truyện ngắn), *Nga và Thuần* (truyện dài — P. V. S. Saigon 1950).

II — Hoàn cảnh xã hội ảnh hưởng đến tác phẩm.— Cũng như Vũ anh Khanh, Lý văn Sâm đặt bối cảnh nhân vật trong một khung cảnh chính trị tương tự. Miền Nam Bộ vào giữa giai đoạn ấy đang bột phát tinh thần chống Pháp, bỏ xung sự kiện tranh thủ độc lập cùng với Bắc bộ và Trung bộ.

Hầu hết các văn phẩm của ông mang đề tài kháng chiến chống Pháp, Nhật bằng cách lôi cái xấu xa bỉ ổi của mặt trái đô thị (*Bas-fonds*) và gián tiếp đề cao giải phóng quân.

Ông viết nhiều truyện ngắn hơn truyện dài. Có thể nói rằng ông có hai truyện dài độc nhất đã ấn hành. **SAU DÂY TRƯỜNG SƠN** và **«NGA VÀ THUẦN»**. Truyện ngắn của ông đi sâu vào tâm lý hơn của Khanh. Đánh địch, ông còn đánh vào tâm não con người qua nhất quốc tâm lý thật sâu để rồi người đọc tác phẩm của ông nhìn thấy rõ hình tượng của con người khỏi lửa Nam Bộ trong giai đoạn ấy.

III — Phân tách văn phẩm chính.— Lý văn Sâm thiên hẳn về ngành văn. Những truyện ngắn của ông có sắc thái riêng biệt, một hình ảnh nhẹ nhàng bao trùm. Nếu so sánh truyện dài, truyện ngắn của Lý văn Sâm **SAU DÂY TRƯỜNG SƠN** với **NẮNG BÊN KIA LÀNG... KÒN TRÔ** truyện ngắn của ông đặc sắc hơn.

Chúng ta bắt đầu phân tách tập truyện ngắn đầu tay của ông: *Kòn Trô* (1949). *Kòn Trô* gồm những truyện ngắn : *Thâm U và Cao cả* (*Thay lời tựa*), *Kòn Trô*, *Thần Ngư động*, *Xác Mu Mi trên núi đá*, *Răng Sa Mát*, *Voi đội đèn*, *Ngăn rạch bắt sấu*, *Mũi Tồ*. Hai truyện đặc sắc nhất là *Kòn Trô* và *Mũi Tồ*. Sau Lan Khai, nhà văn thiên về truyện đường rừng, Thế Lữ với « *Vàng Và Máu* », bây giờ chúng ta thấy có Lý văn Sâm đi sâu vào việc khai thác tâm lý hình tượng sống người miền rừng Nam Bộ.

Kòn Trô là một truyện đường rừng, tác giả viết trong khi lên cộng tác với ông cụ thân sinh ở lò than Tự An. Tác giả chịu ảnh hưởng của núi rừng, hiu quạnh không bạn bè, nên viết lại cuộc đời của một tên tướng cướp bị đời quên lãng. Kỹ thuật rất vững. Tác giả muốn nhấn mạnh : Tình yêu rất dễ phá sự nghiệp. Một Từ Hải của Nguyễn Du vì cô Kiều mà « *bơ tay về sát triều đình* », một Kòn Trô của Lý văn Sâm bị một nàng thiếu nữ đẹp nghiêng sắc nghiêng thành đập đổ sự nghiệp oai hùng vào một buổi hẹn hò vào năm sau. Tâm lý cô Kiều nào muốn giết Từ Hải ? thì tâm lý Phụng có nữ giết Kòn Trô đâu ? Phụng đi qua thác Mu Mi bị lạc. Gặp một tướng cướp ở khu rừng này, nàng bị sa tay vào đất đai của họ. Tướng cướp đối đãi với Phụng rất tử tế. Phụng định tâm giết tướng cướp, nhưng không thành. Tướng cướp vẫn tử tế hỏi tại sao nàng lại muốn giết Kòn Trô thì nàng giải thích tự muốn thoát vòng vây. Rồi tướng cướp thả người đàn bà đẹp ấy. Tình đầu chớm nở hẹn nhau vào mùa xuân năm sau. Ba năm sau Phụng có chồng lại qua thác ấy. Chồng nàng kể cho nàng nghe, Kòn Trô không còn ở đây nữa bị bắt vì một cô con gái đẹp. Kòn Trô hứa với nàng gặp lại năm sau, vô tình cô ấy kể cho bạn nghe và hai cô bạn báo tin cho ông đồn Châu Mạ. Kòn Trô sa lưới.

Chúng ta nghe Lý văn Sâm tả đoạn Phụng bị sa vào trại Kòn Trô. Và hình dung của một tướng cướp trẻ tuổi hiền ngang của một góc trời :

« ... Nàng vừa hỏi vừa đưa mắt nhìn người đàn ông từ đầu đến chân. Gã còn trẻ lắm. Mặt tròn, mắt sáng, đôi môi lúc nào cũng dành sẵn một nụ cười. Màu da ngăm ngăm đen, láng như đồng tô rằng gã có nhiều sức mạnh. Gã mặc theo kiểu những người đi săn : đầu đội nón vành lớn, chân đi ủng da đen. Trông gã oai nghi hùng dũng lắm... » (trang 18-19).

Đến đoạn tả cách xử thế của một tay tướng cướp trẻ tuổi, thông minh, Lý văn Sâm giới thiệu với độc giả phải suy nghĩ, tỏ thái độ sau khi đọc « Như thế mới là tướng cướp » :

« ... Phụng xem Kòn Trô không dữ tợn như người ta tưởng, nên lòng cũng bớt lo. Lại nghe chàng nói năng lịch thiệp thì nàng không tin rằng con người ấy là một kẻ đã từng cướp của, giết người.

Thấy Phụng ra chiều tư lự, Kòn Trô nói với nàng :

— Bà hãy yên lòng đừng nghĩ xa xuôi gì hết. Tuy bà muốn đi lúc nào cũng được, hay bà ở đây tôi xin sẵn sàng tiếp đãi bà như một quý khách. Bấy giờ xin mời bà ra trại ngoài dùng bữa sáng với tôi rồi sẽ đưa bà đi viếng những vùng quanh đây. Trong trại tôi có rất nhiều ngựa tốt.

Phụng nghe ruột đời như cào, liền mạnh bạo bước theo Kòn Trô ra trại ngoài » (trang 20).

Tả tới đoạn một chàng trai trẻ dẫn một nàng đang tuổi thanh xuân

đạo quanh rừng. Và chàng kể cho nàng nghe hùng vĩ của bản doanh, nàng lắng tai nghe say đắm. Lý văn Sâm tỏ ra rất thành thạo tả một tay tướng cướp của lý tướng trong giai đoạn tranh tối tranh sáng ấy :

« ...Hai người xuống ngựa, trèo lên đồi. Lén tới đình Phụng một ngát tựa mình vào một thân cây. Kòn Trô lấy nón quạt mát cho Phụng.

Về sau ra rả trên các ngọn cây cao. Tiếng chim chóc vui ca trong nắng hạ, Phụng chóa mắt đòm khắp bốn phía. Hơn sáu chục cái nhà sàn giống nhau vây tròn lấy trái núi.

Kòn Trô nói với Phụng :

— Bọn thủ hạ của tôi hơn một trăm người đều sống chung với nhau trong những căn trại ấy. Họ toàn là giống mọi Châu Ma (Tàu Ma) gan dạ và đánh thép.

Tôi dùng họ rất được việc mà họ rất trung thành với tôi. Tôi bảo chết, họ chết. Tôi bảo sống, họ sống. Họ thương tôi và kính tạung như cha.

Bà nghĩ lòng khản (sic) khét hơn lòng thương của những kẻ vô gia cư, không cha, không mẹ, thân thích và cuộc đời gần giống in như nhau. Không cần phải cắt máu ăn thề mà họ ăn ở với nhau niềm chung thủy. Ấy cũng bởi sự chung đưng trường niên nó gây cho cái dây đoàn thể bền bĩ, không ai có thể cắt được. Ở đây, không có sự phản bội, không có sự man trá, không có sự ghen tị nó làm cho người ta phải cực lòng lo nghĩ vì nhau. Tâm hồn họ đã hòa hợp cùng cây cỏ hoang dại... (trang 21).

Chúng ta cùng cảm thông một sự kiện của thái độ bọn cướp. Không phải là bọn cướp vô lương tri, mà là bọn cướp có tổ chức hệ thống, nội quy và hành động thống nhất. Giữa một đoạn nước bị thống trị, đã có kẻ bắt măn ra đi, bỏ làng mạc, bỏ phố phường, bỏ quê hương, để mưu tính một cuộc đảo chính chống cường quyền thực dân. Nhưng phải chăng đâu là thành công cả, được là vua, thua là giặc, hùng cứ một phương thì đã là kẻ bất đắc chi trong một hạn định nào của cao độ :

« ... Bà coi. Bọn chúng tôi trồng khoai, cấy lúa, gieo bắp, gáy riêng một thế giới phóng khoáng, xa hẳn gió bụi chốn kinh kỳ. Chỉ vì một năm gạo thừa lúa kém, chúng tôi phải ép lòng đón giặc của và cướp kho lương của ông chủ tại đây. Từ đó, tôi chỉ bạo động trong một năm ấy thôi, rồi thì, cái ác từng thiện, trở về chốn cũ, cầm lại cái cày, quơ lại cái cuốc, sống một cuộc đời lương thiện như những kẻ nông dân. Thỉnh thoảng, chúng tôi lại bị bao vây, nhưng vì không thuộc đường lối nếu trăm người vào đây, khó mà trở về cho đủ. Cuộc đời tôi, từ đó càng ngày càng nặng tôi, càng lem lức, càng ngày càng xa nhân loại. Người đời cho bọn tôi là một lũ quỷ sống, uống máu người không tanh... (trang 22-23).

Qua những ngày đôi trẻ thân mật, giai đoạn chớm yêu này nỡ, thì

phút ra đi lại là phút khiến lòng người buồn thảm. Lý văn Sâm tả cuộc biệt ly ấy vô vàn đẹp :

«... Có cuộc tổng biệt nào mà không làm bằng nước mắt và có cảnh chia rẽ nào lại không có ly bôi. Cô uống chén rượu này gọi là chén rượu kỷ niệm buổi chia tay này vậy... (trang 25)

Và chính giây phút tình yêu của Kôn Trô đã tiết lộ sự chết mai một một cách vô tình là hứa hẹn. Và giây phút của Kôn Trô buồn, giây phút của Phụng sầu man mác. Vẫn là pha cuối cùng của xen từ biệt :

«... Phụng làm thinh. Lòng nàng hiu hiu một cảm hoài nhẹ nhẹ. Nàng thấy mình chỉ thương hại Kôn Trô thôi. Tuy nhiên nàng cũng an ủi chàng :

— Mùa hè năm sau, em sẽ tìm về đây thăm anh. Một năm có là bao...

...Kôn Trô cảm giác như mình ngồi trên ngựa không vững nữa. Trời sáng mau quá. Kôn Trô không giữ được cảm động, ngùi ngùi ngậm lên như một người say rượu... »

Và còn là một cử chỉ âu yếm nhất của đôi trẻ yêu nhau. Tình yêu ấy đẹp như bài thơ hay. Lý văn Sâm còn u hoài nên tặng người đọc thêm một cảm giác muôn vàn sầu nhớ :

«... Phụng vẫn cúi mặt, im lờ. Những loạt lá trở đổ xuống ào ào phá tan sự im lặng giữa hai người.

Bỗng Phụng ngẩng mặt lên chăm chú nhìn Kôn Trô. Thiếu niên (1) cảm giác như trái tim mình ngưng đập. Rút một chiếc khăn tay ở túi ra, rồi hái một đóa trang rừng gói vào trong, Phụng mỉm cười nhét vào tay Kôn Trô để làm trọn một cử chỉ xã giao.

— Đây. Em chỉ có cái này làm kỷ niệm. Anh hãy giữ lấy nó đừng làm mất, em bất thường đó.

Kôn Trô đưa hoa lên mũi. Nước hoa thấm trong chiếc khăn tay thoảng một mùi hương nhẹ nhẹ, thơm như mái tóc của một giai nhân. Lúc ấy đứng vào mùa hoa chai nở. Những cánh hoa li ti điểm trắng rừng xanh ? Lờ mờ như có một lớp tuyết phủ. Mặt trời đỏ chói, trời lên sau ngọn Bạch hổ Sơn, rực rỡ như một vòng hào quang tỏa quanh đầu đức Phật.

Phụng ngược mắt nhìn trái núi. Ngọn Bạch hổ Sơn hình như cũng đang nhìn nàng. Phụng nói :

— « Suốt đường về, mắt em sẽ không rời ngọn núi tri kỷ này... »

Đoạn kết, đưa người đọc đến một thái độ rút kinh nghiệm mà từ cổ

(1) Thiếu niên « dành cho những người dưới 18 tuổi. Ở đây Lý-văn-Sâm nhầm với thanh niên. Vì một thiếu niên chưa có thể có tướng mạo, thành thạo, thành tích bất khả xâm phạm như Kôn Trô oai hùng.

đến kim vẫn chẳng khác nhau là bao. Là tương cướp còn có khi mềm lòng, vô tình thổ lộ yêu đương quên cả mục đích đề rồi sa vào lưới kẻ thù. Lý-văn-Sâm còn cho người đọc thưởng thức một cảm giác đẹp nữa, trước khi đi đến sâu thẳm. Đây là đoạn của tình cảm dĩ vãng sống động lại khi Thê Phụng qua thác Mu Mi với chồng :

« ... Rồi chợt nhớ ra điều gì, nàng giật mình chớp lia đôi mắt ướt. Lờ mờ trong dĩ vãng xa xăm, nàng mang máng sống lại cảnh « một đêm sương » của mùa hạ cũ. Hình ảnh một chàng trai trẻ đã đưa nàng qua những tấm rừng dày về thác Mu Mi, bỗng hiện về trong trí nhớ. Niềm cảm xúc reo động trong quả tim non, sâu sa và thắm thía vô cùng. Có ai ngược về lối cũ của thời gian mà không thấy lòng mình bồi hồi rung động, khi dòng tư tưởng ngưng lại ở một quá vãng quá khứ đầy kỷ niệm. . . » (trang 31)

Kỷ niệm là vật vô hình, linh thiêng vô biên hóa. Dù xã hội đổi thay, hoàn vũ thay đổi : nếu con người còn mang kỷ niệm thì kỷ niệm còn sống sâu đượm mãi trong thâm tâm theo năm tháng, kỷ niệm còn tồn tại theo tháng năm dài. Đoạn kỷ niệm của Kòn Trô khi chết còn úp tấm khăn của người đàn bà tặng (Thê Phụng) lên mặt trước khi chết, Lý-văn-Sâm đã không bỏ quên :

« ... Kòn Trô quả thật không thẹn với tên. Thật là một người anh hùng dũng mãnh. Tuy khắp người bị thương, nó cũng còn sức ngồi trở mặt ra phía đuôi ngựa, thúc chân một cái, con tuấn mã nhảy khỏi vòng vây. Con ngựa phi nước lớn. Nó ngồi trên mình con thú tinh khôn nhắm bắn ngà luôn mấy người lính đồn rồi kiệt sức, rơi nhào xuống ngựa. Người ta xúm lại quanh nó. Nó nằm ngửa trên mặt lá ú, mắt mở trừng trừng. Lúc người ta sắp khiêng nó đi thì nó xin nán lại vài phút. Đến khi nghe tiếng kèn xe hơi của ai vọng lên ở xa xa, nó mỉm cười mấp máy đôi môi. Nó đưa một chiếc khăn tay đàn bà cho ông đồn và ra biểu hiệu đắp dùm mặt nó. Đêm Kòn Trô về đến đồn thì nó chết ... » (trang 33)

Kết quả của cái chết là do ở truy nguyên lụy tình ái. Nhớ một Hồ Tôn Hiến, một Kiều, một Từ Hải là nhớ một Thê Phụng, một ông Châu, một Kòn Trô :

« ... Vì quá nặng lòng triu mến nàng, nó còn hẹn với nàng rằng nó sẽ theo và tiễn chân nàng một lần chót trên đoạn đường về. Cũng bởi mạng nó đã cùng nên mới khiến cô nữ sinh kia đem khoe chuyện ấy với hai bạn học cùng lớp. Hai người kia lên báo tin cho ông đồn Châu Mạ hay... » (trang 37)

Nữ sinh bảo với bạn là người vợ đang kể chuyện. Chồng nàng không biết là nữ sinh đó chính là Thê Phụng. Và chính cách diễn tả của Lý-văn-Sâm vững, nên bố cục đã đem lại cho người đọc một xen hồi hộp. Đoạn kết cô nữ sinh kia nghĩ thế nào về chuyện ngày xưa ấy :

« ... Thiếu phụ ngược mắt lên. Núi Bạch hổ đứng cũng trong cõi mịt

mù của khói ngàn xanh xám. Một miếng mây trắng quấn qua đầu đỉnh non xa như một bức khăn tang. Hình ảnh trái núi kia, trải bao nhiêu năm cách biệt, vẫn còn nguyên vẹn như tấm lòng không thay đổi của một người tri kỷ.

Thiếu phụ chùi mắt nói với chồng :

— Nắng hạ gay gắt quá làm em chói mắt, khó chịu. Mình coi đây. Nước mắt em cứ ràn rụa mãi thế này. . . » (*trang 34*)

Nghệ thuật của Lý-văn-Sâm là ở chỗ tả cảnh người thiếu phụ khóc mỗi tình xa xưa bằng một giọng vô vàn thiết tha và tinh tế. Người chồng làm thế nào mà hiểu được nhờ nắng hạ mà vợ mình đã khóc một đời chồng lý tưởng của tuổi thanh xuân. Hầu hết tập truyện *Kòn Trỏ* là chuyện đường rừng, điển hình nhất là *Kòn Trỏ* chúng ta phân tách rồi. Và bây giờ phân tách đến tập truyện ngắn nhiều màu sắc xã hội, đi sâu vào tâm lý. Đó là tập *NGOÀI MƯA LẠNH*.

Ngoài mưa lạnh (1950) gồm những chuyện ngắn : *Ngoài mưa lạnh*, *Vực thăm*, *Tàn một mùa ve*, *Ngàn sau sông Dịch*, *Nửa mảnh ngân tiền*, *Đền Chìn Kha La*, *Một cốt truyện mới*, *Thêm một ngọn đèn*, *Oan Gia*, *Mưa Sài Gòn*, *Ngày ra đi...* Truyện hay nhất trong cuốn là truyện làm tiêu đề cho cuốn sách (*Ngoài mưa lạnh*), *Ngàn sau sông Dịch* và *Thêm một ngọn đèn*.

Ngoài mưa lạnh, tác giả tả một đôi vợ chồng văn nghệ. Chồng ngâm thơ đọc báo cho vợ nghe một tin có một người chết ở đường hai mươi. Lâm (nhà văn) bảo vợ : « *Thổ tử hồ bi* » thì vợ cho là những chuyện không đầu việc gì hoài nước mắt khóc người dừng dừng.

Rồi hai vợ chồng đem đề mục ấy thảo luận mãi. Khi đêm đã khuya có tiếng người đi qua. Lâm và vợ lắng tai nghe. Người gọi cửa là một kẻ bị đạn lạc gỗ cửa nhà hàng xóm. Và người bị đạn ấy cũng chẳng gỗ cửa nhà Lâm. Nhưng chính sự kiện ấy, đưa tới ý nghĩ buồn trong thâm tâm Lâm. Lâm thức suốt đêm trước trong giấy trắng. Cốt truyện rất giản dị. Nhưng ông đưa ra được nhiều ý mới. Là một kẻ ăn cắp, nếu đối với những kẻ học một sách luật thì sẽ khép án là tù theo điều khoản nào (vấn kiện cứng rắn) — (*constitutions rigides*) đối với thẩm phán có tâm hồn (Có nghĩa là thẩm phán có tư tưởng tiến bộ, biết cách mệnh linh động hóa vấn đề, là xét việc nào không bị đóng khung trong một khung nhất định (thoái hóa) tránh được thái độ chỉ biết mình, không quan liêu tính — (*bureaucratie*) thì lại khép án khác (có thể là luật mềm dẻo — (*constitutions souples*) nghĩa là linh động hóa vấn kiện. Chúng ta đọc :

« ... Nếu kẻ khốn nạn ấy là một kẻ trộm thì cũng không có gì đáng ghét. Giữa lúc ta no cơm, ấm áo ngồi đây, ta rất lấy làm yên ổn. Ngày mai ta thức dậy, ta đã có gạo rồi. Nếu ta không có gạo ta sẽ vay hàng xóm hoặc ta sẽ bán đi một cái áo, một cái quần để qua cơn túng ngặt. Còn kẻ bạc mạng kia ! Biết

đâu gã đã nhịn đói trong bao nhiêu ngày giữa một cơn kịch bệnh không người săn sóc thuốc thang. Đêm ấy giữa lúc (đồng bào) gã yên việc sau khi đã no cơm, no cháo, no sắc đẹp, và kim tiền thì gã vì sự đòi hỏi thúc bách của dạ dày đến nỗi phải trả nợ đời trong tiếng sủng... (*trang II*)

Ở. Lý văn Sâm, nói riêng, bao giờ cũng kết tội cá nhân cho xã hội trách nhiệm. Điều ấy, là một thái độ tiến bộ của nhà văn. Đành rằng không thể ngồi không mà đi ăn cắp rồi đổ tội cho xã hội — đi làm mà không có việc — đi làm mà không đủ ăn — bị bóc lột thặng dư — trong lúc thúc bách đòi hỏi — nói chung — mà mình không được hoặc bị được giải quyết theo hoàn cảnh cấp thời. Cho nên nếu cứ áp dụng luật A là thế này, B là thế kia, không tùy hoàn cảnh mà biến thể thì sự kiện của một hậu quả, lịch sử tiến bộ sẽ lạc hậu dần đi. Thí dụ, một cái cửa bao giờ cũng phải là hình chữ nhật ngắn 1 thước 5, dài 2 thước thì chẳng bao giờ có khuôn cửa hình cánh chung (*Arche*) hoặc hình tròn hình vuông cả. Một cái nhà bao giờ cũng phải theo khuôn khổ nhất định là có mái dốc mới là nhà thì làm gì có *building*. Tất cả sự chống lại hoặc thắng lại sự kiện cũ là cách mệnh, nói chung. Với kiến trúc sư dựng nhà mới không có mái là kiến trúc sư có óc tiến bộ. Và bây giờ trở về với vai trò thẩm phán xử án phải tùy thời cải biến luật là có tư tưởng văn nghệ hay là ham tiến bộ là như vậy. Sống để phục vụ cái đẹp (*Nhân sinh phục vụ nghệ thuật — Vie pour Art*).

Ngoài mưa lạnh, một truyện ngắn nhiều màu sắc tiến bộ linh động hóa vấn đề oằn phải thay thế.

Đến *Ngàn sau sóng Dịch*, Lý văn Sâm cả một gia đình nghèo túng tiếp bạn đồng hành thất cơ lỡ vận. Trọng và vợ con thường thường hay giờ tập ảnh có chân dung một người bạn rồi hỏi «*Đây bác Cương của bây đây...*» Không những Trọng, vợ Trọng mà các con Trọng không thể quên chân dung người bạn ấy. Thế rồi có một buổi Cương đến nhà Trọng ở. Ban đầu còn dăm thắm, tình bạn tha thiết, nhưng từ nửa tháng về sau, vì quá nghèo nên Trọng phải cho vợ đưa tiền người bạn bằng một bài diễn văn mà Cương cho là hỗn láo. Buổi trưa hôm ấy, Trọng đi làm về nhưng không dám về nhà, đứng bên bờ lau chờ nhìn bóng người bạn khuất nẻo vào bãi lau thưa.

Sự diễn tiến tâm lý, tình cảm theo đúng giác quan đi đôi với thực trạng cuộc sống, nghĩa là cuộc sống eo hẹp đề rồi xử sự với nhau thêm nhẹ bớt phần thân, rồi đi đến táng tận lương tâm. Lý văn Sâm nhận xét tỷ mỉ, diễn đạt sâu sắc, ông rất thành công trong loại tân truyện tả chân mới (*néo-réalisme*). Nhập đề, ông tả sự mong nhớ của người bạn «*Trọng*» đối với bạn tri âm (*Cương*):

«*...Trong những buổi mát trời sau bữa cơm chiều, Trọng thường giờ*

cuốn sách dán nhiều hình chỉ cho các con thấy chân dung của một người đàn ông rồi bảo :

— Đây, bác Cương của bây đây.

Ba đứa trẻ không biết « bác Cương » là người thế nào đối với chúng, nhưng chúng cứ nghe ba chúng nhắc nhở tới hoài thì cũng đâm yêu người đàn ông có đôi mắt sáng trong cuốn sách dán nhiều hình của ba chúng... » (trang 43).

Đến những phút vợ Trọng phát cáu vì lẽ lúc nào chồng và con cũng nhắc đến bác Cương, cũng có phút vợ Trọng phải thừa nhận con người trong ảnh có một dung mạo hiên ngang. Chúng ta đọc :

« ...Tay này không phải vừa, đôi mắt trông sáng quắc như ông tướng hát bội. Và chồng sung sướng về vợ mình thừa nhận có một người bạn khác thường, Trọng cao hứng liên tưởng quá vãng :

« ...Minh nói đúng. Cương quả là tay chọc trời quấy nước, lại có tài đóng những vai anh hùng nghĩa khí trong những vở kịch lịch sử.

Tôi còn nhớ trong một vai Kinh Kha. Tôi lãnh vai Thái Tử Đan. Sân khấu bày một cảnh sông nước mênh mông. Ấy là bến Dịch Giang. Tôi đứng giữa một đám tân khách, ráng hết gân cổ ngâm :

« Nước sông Dịch cho dù không lạnh

Cũng rét lòng ta đến nỗi nùng... » (Trúc-Khanh).

Đám tân khách và tôi đều mặc toàn màu trắng. Trong vai Kinh Kha, anh Cương đã làm cho khán giả cảm động. Người tráng sĩ hát chén rượu xuống sông Dịch sang Tần :... (trang 46-47)

Và, người chồng bao giờ cũng mong mỗi người bạn ấy về ở với mình. Tâm lý rất đúng, vọng một người bạn ở xa thì có thể chia ngọt sẻ bùi, thề nguyện sống chết có nhau :

«... Minh ơi ! Giá bây giờ anh Cương có về thăm tôi và ở luôn đây thì vui biết mấy. Chúng tôi sẽ diễn lại cho mình xem cảnh Thái tử Đan tiễn Kinh Kha qua sông Dịch Thủy... » (trang 48)

Và cuối cùng, tiếng vọng của Trọng đã đưa đến ý muốn. Có người gõ cửa :

«... Đêm ấy là một đêm cuối mùa mưa. Trọng đang cần bút để tìm một từ mới cho bài thơ sắp thành hình bỗng nghe có tiếng đập cửa cấp bách. Trọng vội vàng đứng lên, che bớt ánh đèn rồi cẩn thận hỏi :

— Ai đó ?

Tiếng bên ngoài :

— Tôi đây, Trọng.

Nghे-tiếng kêu đúng tên mình, Trọng toan mở cửa thì thấy vợ chàng khoát tay ra hiệu bảo đừng. Trọng đang lưỡng lự thì tiếng nói bên ngoài lại tiếp :

— Trọng ơi ! Cương đây, mở cửa mau lên !... (*trang 50*).

Kết quả của một sự mơ ước đã toại nguyện thì tình cảm con người đối xử với nhau không còn tốt đẹp nữa. Mặt trái của tình thương yêu ấy, khi đã chung đụng rồi thì :

« ... Vợ Trọng bắt đầu thấy khó chịu. Chị đã nói cảnh khổ của mình cho hàng xóm nghe. Và sau cùng, nhân một đêm tâm sự, vợ Trọng thỏ thẻ bên tai chồng :

— Minh ơi. Em phải là con đàn bà kém lịch sự. Nhưng anh nghĩ mà coi, nhà không đủ ăn, lại chật hẹp... (*trang 51*).

Người đàn bà tức bực rất ít chịu đựng. Thường thường người đàn bà Việt-Nam nông nổi : Ca dao có câu : « Chiều sâu tâm lý của người đàn bà như lòng coi trầu ». Khi đã không nói được uất ức của mình cho chồng con nghe và chưa hả thì sang nhà hàng xóm giải bày. Ông đã nhận xét rất tế nhị, Rồi đi đến kết quả cuối cùng của sự yêu mến bạn, Trọng đành lánh mặt :

« ... Không biết vợ chàng đã dàn xếp ra sao mà hồi gần trưa Trọng đứng rình ở bên sông, thấy bóng Cương lúi thủi xuống dòng... ».

Và tâm trạng đau khổ của Cương :

« ... Anh Trọng. Cương muốn nán lại chờ Trọng nói ít lời từ biệt. Nhưng Cương liệu không thể nào ở lại được nên đành mang lỗi với Trọng vậy. Vợ Trọng hỗn quá... ».

Nhưng Cương chỉ sống vì Trọng thôi. Đàn bà kẻ gì... (*trang 52*).

Cương còn dành lại phong thư cho con Trọng, những người cháu quý mến Cương. Cương ra đi vì « Lệnh ông không bằng công bà ». Lá thư đề lại vô vàn cảm động :

« ... Cháu Nhân,

Chú rất đau lòng khi phải từ giã cháu, Đây chú hiết tất cả « gia tài » của chú dành cho cháu ăn bánh.

Trưa nay, khi Nhân về thì chú đã đi xa rồi. Quả đất tròn thì rồi cháu cháu mình rồi sẽ gặp nhau...

Cương...

Cháu Nghĩa và cháu Tín.

Đây chú biếu hai cháu quyển văn quốc ngữ. Hai cháu rón qua văn ngược nhé. Sợ khi chú đi rồi, hai cháu sẽ bỏ học, nên chú phải mua cho hai cháu cuốn văn. Thôi chú đi... chú đi... (*trang 53*).

Cương.

Kết luận Lý văn Sâm đưa người đọc đến một đoạn buồn như ngắm chiều xuống trên bến sông cô liêu. Chẳng qua cũng chỉ vì nghèo :

« ... Chiều nào Trọng cũng dẫn bầy con ra đứng bờ sông để chờ mong một người. Nhưng khách bến đò toàn khách lạ. Trọng nhìn mây khói cất lên ở chân trời thở dài... » (trang 53).

Thêm một ngọn đèn, cũng là cảnh sống bi đát của người văn nghệ mà xưa kia Nguyễn Vũ đã ta thán « *Thi sĩ Việt Nam khổ như chó* ». Lời nói không quá đáng, người văn nghệ là người xây đắp một phần lớn cho xã hội tiến bộ, cho cách mệnh, cho hòa bình, cho độc lập, tự do, nhưng là người bao giờ cũng đau khổ nhiều nhất. Thậm chí sốt sắng bênh vực quyền lợi cho giai cấp khác nhưng chính giai tầng mình đang sống bị bóc lột, rúng thì mặc cho hoạn hành.

Trong các nhà văn miền Nam, Khanh thường tả lý tưởng vô vàn tốt đẹp của nhà văn nghệ, nghĩa là cái đẹp ở văn nghệ là lẽ dĩ nhiên rồi (nhưng đó là phần thượng tầng kiến thiết), còn Lý văn Sâm thiên về cảnh khổ não, chật vật của văn nghệ (Lõi mặt trái của hạ tầng cơ sở). Trong *Đời Tàn trong ngõ hẹp*, Lý văn Sâm nêu lên một thực trạng của kiếp tởn tằm như thế nào ? Chết vì không có tiền mua thuốc khi ốm đau, có tiền bài những chủ báo chưa chịu thanh toán. Thì đến «*Thêm một ngọn đèn*», Lý văn Sâm giải bày hoàn cảnh văn nghệ qua nhiều khía cạnh sống thực của người văn nghệ.

Huyền, từ giã khám đường vì lý tưởng độc lập mà chiến đấu khi được giải phóng lại lo nghĩ về hoàn cảnh trắng tay của mình. Nghèo khổ đề rồi phải gạt nước mắt cho vợ về quê ngoại sống, còn Huyền lang thang trên vĩa hè đô thị. Huyền hứa với vợ con trong một thời gian ngắn đi làm sẽ cố gắng thuê một gian nhà lá ở ngoại ô ; sau đó đón vợ con lên. Mười bốn tháng giời sống nhờ bạn, không có đủ tiền để mua lấy một ngọn đèn (cả nghĩa bóng và nghĩa đen).

Chúng ta đọc một đoạn kết của truyện. Đây là trong muôn vàn kiếp sống của những người văn nghệ mà Maxime Gorki, nhà đại văn hào Nga cho rằng họ đã hoàn thành một nửa cuộc cách mệnh thành công :

« ...Trong một bức thư (sic) gần đây, vợ chàng đã viết : « *Mình ơi ! Mình ráng kiếm một cái nhà riêng cho mẹ con xuống ở. Mỗi lần đi thăm mình, tốn kém tiền xe. lắm mà có được ở lại đêm nào để nói tâm sự với mình. đầu ! Chợ búa bấy giờ ế lắm. Em bán buôn một ngày một thua lỗ. Thăng Hùng đau yếu phải chạy thuốc từng ngày. Ngực em bây giờ đau lắm. Em sợ tránh không khỏi chứng ho như chị em độ trước.*

• *Mình tệ quá ! Làm gì mình không sắm nổi một ngọn đèn. Em đã mua cho mình một cây đèn nhỏ, thấp ít hao dầu, đỡ tốn cho mình. Chừng em xuống em sẽ đem xuống cho... »*

Huyền nghe lòng mình đau buốt. Vợ chàng không hiểu « nghĩa bóng » của câu « anh ao ước một ngọn đèn » trong thư chàng đã viết cho nàng.

Chàng thương thân, lẩm nhẩm một mình :

— Mười bốn tháng rồi, mình chưa sắm nổi một ngọn đèn... » (trang 91).

Sau đây *Trường sơn* (truyện dài). Là một truyện dài có thể gọi là điển hình độc nhất ở hôm qua và hôm nay của Lý văn Sâm. Có thể nói rằng trong giai đoạn 1945-1950, Lý văn Sâm viết truyện dài không xuất sắc bằng truyện ngắn. Chúng ta tóm lược cốt truyện để hiểu bố cục, đạo diễn tâm lý nhân vật của tác giả.

Hai vợ chồng Phú có đứa con trai 16 tuổi : Quý. Sống trong giai đoạn trước đại chiến thứ hai ở trên lãnh thổ Việt. Nhật và Đồng Minh giao tranh nên hai vợ chồng Phú có ý định rời sang Lào, miền Paksé (sau đây Trường sơn). Từ Saigon đến Kratié, Cao Miên rồi đến Paksé. Quý có người bạn gái Ánh Mai (người Lào ở đất Việt) cùng tuổi rất tương đồng.

Phú có người bạn là Tuy ở Paksé nên lên đó nhờ và đồng thời cũng là có phương tiện tuyển mộ nhân công (Phú làm cho Nhật), Quý luôn luôn viết thư cho Ánh Mai.

Sống ở Paksé ít lâu, Phú có một người khách trú đến ngủ nhờ và chết ở đó. Theo như tiếng đồn đại, Tuy biết là Phú được người xấu số trao cho Phú một bản đồ dấu vàng. Tuy rủ Phú đến một nơi nguy hiểm và đây Phú xuống hầm hố sâu. Rồi mẹ Quý buồn qua đời. Có một hôm Quý nhận được thư phải về Paksé vì Nhật sắp tiêu diệt bọn cùng cánh với họ để tránh sự tiết lộ bí mật. Trong thư dặn đến nơi trú ẩn thì sẽ bắt gặp người thân. Quý gặp Phú bất ngờ. Sau bố Quý kể cho nghe tại sao Phú không chết và Tuy đã nhầm tưởng bản đồ kia là kho vàng nên trốn biệt tích. Kho ấy chỉ là kho súng của một người mua khí giới chôn dấu, trước khi ông chết trao cho Phú ý muốn cảnh tỉnh Phú vào con đường tranh đấu chống đế quốc.

Sau Tuy chết. Quý nhận được thư của Mai báo tin. Và cả tin cha mẹ Quý qua đời, hiện nay nàng đang ở trong một cơ quan cứu thương mong một ngày kia người yêu sẽ là chiến sĩ về nàng được săn sóc.

Cốt truyện bố cục không lỏng lẻo và có mục đích chống đế quốc, nhưng tình tiết sắp đặt không được vững. Tỷ dụ như những lá thư của Quý (16 tuổi) ở Paksé gửi cho Mai như một chính trị gia lỗi lạc, tài ba, một sử gia thuộc lịch sử thế giới. Chúng ta nghe ;

« ... Giống người Thái vào đất Thục, sanh sản nhiều thêm rồi xuôi giòng sông Mê-nam tràn xuống cõi bình nguyên lập nên nước Syâm, đóng đô ở Ayuthia, sau dời Bangkok.

Một số người Thái khác lại theo những giòng sông Mã, sông Gấm, sông

Thao, sông Bờ đem nhau vào sau lưng dãy Trường-Sơn : lập quốc và đặt hiệu là La Xang tức là Vạn Tượng (Vientaine) ngày nay.

Tới thế kỷ XVII trong nước có nội loạn kẻ nước Xiêm bị tiêu diệt.

Kinh đô Lan Xang bị người Xiêm tàn phá. Hoàng thành tàn đổ. Gần mười ngàn nóc nhà bị đốt cháy. Dân chúng lầm than. Những kẻ ái quốc bị gông cùm dày ải. Đàn bà thì bị làm món đồ chơi cho kẻ thắng trận...» (trang 44)

Và hết trang 45 (bàn về chính trị quốc tế đồng minh) khối Đại đông Á qua đến trang 46. Vẫn một giọng của người lão luyện về chính trị và chính trị và thuộc sử ở một cương vị khảo cổ và sử thế giới. Ở tuổi của Qui không thể hiểu được thế, và xét rộng ra nếu là trường hợp Qui vượt ra khỏi cuộc đời thường, liệt vào ngoại hạng thì tác giả không giới thiệu từ ban đầu. Đó là một khuyết điểm, khuyết điểm kế tiếp là Qui (một đứa trẻ thường) khi viết thư cho người yêu không bao giờ làm như vậy, ít bộc lộ sử tính, chính trị tính mà chỉ nói tâm tình thì mới đúng. Hầu hết những lá thư có tính cách khoe sử trong những lá thư tình của cậu bé 16 tuổi ở những trang 37, 38, 39, 40, 41, 42...

Khuyết điểm là một cố tật khó tránh trong truyện dài. Không phải riêng Lý văn Sâm mắc lỗi mà cho đến cả nhà văn như Khái Hưng « Đẹp » cũng mắc tật cho Lan hiểu đời như một triết nhân sâu sắc (1). Cốt truyện này có tính cách mở rộng kiến thức cho người đọc, nhưng dùng không đúng chỗ cho sự phát biểu của nhân vật. Ở Lý văn Sâm truyện dài không phân tách tâm lý vững và truyền cảm như truyện ngắn, có lẽ rằng hơi truyện ngắn mới là sở trường của ông (*petite haine*).

IV— Kết luận.— Sở dĩ chúng tôi phân tách Lý văn Sâm và Vũ anh Khanh, Thẩm thế Hà đi vào chi tiết hơn cả (trong nhóm) là vì họ là nhà văn điển hình.

Lý văn Sâm là nhà văn của truyện ngắn xã hội và tâm tình vô vàn đặc sắc. Ông còn tiến bộ rất nhiều trong thể truyện ngắn tâm lý, ông là nhà văn có tài, phong phú tình cảm và lối văn chau chuốt, hào hoa phong nhã ở *Kèn Trống* và xã hội tính bộc lộ trong *Ngoài Mưa Lạnh* và trang nhã buồn nhẹ như trong *Nắng bên kia Làng*.

Sở trường của Lý văn Sâm không phải là truyện dài. Vì truyện dài hay, đòi hỏi rất nhiều công phu và chính những người viết truyện dài hay ở tiền chiến như Khái Hưng, Nhất Linh, Nguyễn đức Quỳnh, Nguyễn đình Lạp... còn mắc nhiều khuyết điểm lớn (2).

THẾ-PHONG

Kỳ sau: *Tiết V.*— **VŨ ANH KHANH.**

(1) và (2) Đọc trong « *Lược sử văn nghệ Việt-Nam, Nhà văn tiền chiến 1930-1945* », của Thế-Phong, Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản năm 1957.

ĐIỀM SÁCH QUỐC TẾ :

QUỐC-HỌC KHÁI-LUẬN

國 學 概 論

của **PHÓ-LỆ-PHÁC** 傅 隸 樸 (« Trung-Hoa Tùng-Thư »)

ĐÀI-BẮC : Trung-Hoa Tùng-Thư Ủy-viên-hội, 1959, 50 đ. Đài-lệ.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

CUỐN sách quý này, dày 416 trang, thật ra tác-giả thành cảo từ năm 1956, khi ông đương bệnh bên Nhật-bản và soạn ra để làm bài giảng cho sinh viên ở Cương-sơn Đại-học. Ông nói vì sách còn thiếu sót nhiều nên khi về Đài-loan, ông bỏ ra hơn hai năm để tăng-bổ và san-dính. Tuy vậy, ông vẫn viện cái khiêm-tốn của người học-giả chân-chính mà rút rề trình bày kết quả việc thâm-cứu « huy-chỉ của thánh-kinh hiền-truyện », bình-giải « thị-phi của chư-tử bách gia » cùng luận-đàm về « lưu-biến của Tứ-Mặc Hàn-lâm ». Bài tựa, trang I, viết ngày Nguyên-đán năm Dân-quốc thứ 47).

Trong đoạn Phàm-lệ, kể mười nguyên-tắc căn-bản trong việc soạn sách này, tác-giả nói ông theo phạm-vi của tứ bộ mà chia làm năm thiên : tiểu-học-, Kinh-học, Sử-học, Tử-học, và Văn học. Ông cũng nói khi thảo-luận về Tiểu-học ông chú-trọng đến nghĩa-lệ của lục-thư nên không bàn tới giáp-cốt-văn và chung-đỉnh-văn.

Năm thiên kể trên hợp thành toàn-thể cuốn cách chia ra các chương như sau đây :

Thiên I Tiểu-học (tr. 1 - 30) có 2 chương :

Chương 1.— Văn-tự.

Chương 2.— Thanh-âm.

Thiên II.— Kinh-học (tr. 31-157) có 16 chương :

Chương 1.— Dịch-Kinh

Chương 2.— Thư-Kinh

Chương 3.— Thi-Kinh

Chương 4.— Chu-Lễ

Chương 5.— Nghi-Lễ

Chương 6.— Lễ-Ký

Chương 7.— Xuân-Thu

Chương 8.— Tả-Truyện

Chương 9.— Công-Dương-Truyện

Chương 10.— Cốc-Lương-Truyện

Chương 11.— Luận-Ngữ

Chương 12.— Hiếu-Kinh

Chương 13.— Nhĩ-Nhã

Chương 14.— Mạnh-Tử

Chương 15.— Thịnh-suy của Kinh-Kim cổ-văn

Chương 16.— Văn-đề đọc Kinh

Thiên III.— Sử-học (tr. 159-238) có 4 chương : chia ra, Sử-Ký, Hán-thư, Hậuhán-thư. Tam-quốc-chí, Tấn-thư, Tống-thư, Tề-thư Lương-thư, Trần-thư, Ngụy-thư, Bắc-tề, Chu-thư, Nam-sử, Bắc-sử, Tùy-thư, Đường-thư, Tân Đường-thư, Ngũ-dại-sử, Tân-ngũ-dại-sử, Tống-sử, Liêu-sử, Kim-sử, Nguyên-sử, Tân-nguyên-sử, Minh-sử.

Chương 1.— Chính-sử

Chương 2.— Thông - sử

Chương 3.— Sự-loại-sử

Chương 4.— Văn-hóa-sử

Thiên IV.— Tử-học (tr. 239-32) có 7 chương :

Chương 1.— Nho-gia

Chương 2.— Đạo-gia

Chương 3.— Mặc-gia

Chương 4.— Danh-gia

Chương 5.— Pháp-gia

Chương 6.— Nông-gia

Chương 7.— Âm-dương-gia

Thiên V.— Văn-học (tr. 32) có 3 chương :

Chương 1.— Văn-chương, chia ra Tân-văn, Biền-văn.

Chương 2.— Thi-ca, chia ra Nhạc-phủ, Cổ-thi, Cận-thể-thi, Từ, Khúc.

Chương 3.— Tiểu-thuyết.

Tác-giả, trong đoạn tự-luận mào đầu Thiên I, Tiểu - học, có giải - thích rằng ông lấy tiểu-học làm khởi-điểm cho cuộc thảo-luận vì nó rất quan-trọng đối với nền quốc-học của Trung-quốc (tr. 1) khi bàn về văn-tự Trung - quốc ông bảo bát quái là văn-tự lúc đầu (tr. 2), trước khi chữ viết của người Trung-Hoa trải qua những hình-thức liên-tiếp như đại-triệu, tiểu-triệu, lệ-thư. Tác-giả cả-quyết lối thảo-thư (viết thảo) là do Đỗ Thao 杜操 đặt ra (tr. 6), chứ không phải Trương Bá Anh 張伯英 đời Hậu - Hán. Theo tác-giả, chính Đỗ Thao tham-khảo hình-thể của triệu-lệ mà chế ra thảo-thư là thứ chữ có qui-luật, nên được Hán Võ-Đế khen tặng.

Lục-thư, là sáu điều-lệ về cách chế-tạo văn-tự mà các học-giả dạy văn-tự nghiên-cứu ra, được xét-kỹ theo thứ-tự: tượng hình, chỉ sự, hội - ý, hình-thanh, chuyển-chú và giả-tá.

Trong chương 2 nói về Thanh-âm, tác-giả giảng kỹ về lối phiên-thiết do Tồn Viêm 孫炎, là đồ - đệ 鄭玄 Trịnh Huyền phát - minh về cuối đời Đông-Hán (tr. 23), căn cứ vào lối phiên-âm tiếng Phạn của nhà sư Ma-đăng-trúc-pháp la từ Tây vực vào giảng kinh-diễn, tuyên - dương Phật - pháp tại chùa Hồng-lô ở Lạc-dương thời Hán-minh-đế.

Đầu thiên II, về *Kinh-học*, tác-giả dẫn-thuật nhiều định-nghĩa xem Kinh là gì? Ông giảng rõ (tr. 32) rằng : Thời Xuân-thu Chiến-quốc có lục-kinh, nhưng sang đời Hán chỉ còn năm. Đường-sơ có tam-lễ (Chu-lễ, Nghi-lễ và Lễ-ký), tam truyện (Công-dương, Cốc-lương và Tả-thị), cùng với Thi, Thư, Dịch là chính Kinh. Về sau khắc vào đá mới thêm Luận-ngữ, Hiếu-kinh, Nhị-nhã, là tất cả 12 Kinh. Người nhà Tống lại liệt Mạnh - tử vào Kinh-bộ nên mới thành 13.

Bước vào Kinh-Dịch, tác giả nói tên ấy theo Hán nho thì bao hàm ba ý nghĩa : giản dịch, biến dịch và bất dịch (tr. 33), rồi ông nói qua tác dụng của bát quái, không hạn chế ở văn tự mà thời, mà cả ở trong địa hạt kinh tế dân sinh, luân-thường xã-hội pháp-luật, giáo-dục nữa. Ông cho thấy bát quái lúc

đầu là một công-cụ giáo-dục, về sau thành dụng cụ chiêm bặc, mà nho gia không thích chuyện mê tín.

Tác giả cố gắng hiển nhiều chi-tiết lý-thú có dẫn chứng, như việc nghi-lễ và Chu-lễ tranh nhau địa vị một Kinh, tên Tả-thị, việc Hiếu-Kinh không phải do Khổng-Tử tự tay làm ra, v.v. Tác giả còn nhận định giá-trị của kinh, không có dụng-ý ngu dân và bậc thức-giả không thể không đọc kinh.

Thiên III, về *Sử học* cũng rất quan trọng. Riêng chương 4 nói về Văn-hóa-sử có đoạn nào đầu về định nghĩa của văn-hóa. Tác-giả nhấn mạnh rằng theo nghĩa mới, Văn-hóa bao gồm mọi phong-tục tập-quán, chính-trị tôn-giáo, ngữ-ngôn văn-tự, thiên-văn địa-lý, khoa-học nghệ-thuật, thể-dục vệ-sinh ; nhất thiết sự-hạng gì liên-hệ tới sinh-hoạt của nhân-loại từ chỗ dã-mạn tiến tới văn-minh, đều bao quát trong văn hóa. Ông kể mười bộ sách là ;

a) — Thông-diểm, gồm 200 quyển (có tám môn Thực-hóa, Tuyển-cử, chức-quan, lễ, Nhạc, Bình-bình, Châu-bộ, Biên-phòng).

b) — Tục-thông-diểm, gồm 200 quyển.

c) — Thanh-triều Thông-diểm, gồm 100 quyển, (túc Khâm-dịnh Hoàng-triều Thông-diểm).

d) — Thông-chí, gồm 200 quyển.

e) — Tục-thông-chí, gồm 527 quyển.

f) — Thanh-triều Thông-chí, gồm 200 quyển.

g) — Văn-hiến Thông-khảo, gồm 348 quyển.

h) — Tục-văn-hiến Thông-khảo, gồm 252 quyển.

i) — Thanh-triều Văn-hiến Thông-khảo, gồm 266 quyển.

j) — Thanh-triều Tục-văn-hiến Thông-khảo, gồm 400.

Tử-học được khảo kỹ trong Thiên IV. Tác giả nói rõ rằng chư-tử không phải xuất-thân ở chỗ vương-quan, mà ở chỗ nho-gia. Rồi ông lần lượt giới thiệu các nho-gia (mà ông ví với các nhà giáo dục ngày nay) trong Chương I. Ông bàn đến nhân cách của Khổng-Tử, hàm-nghĩa của chữ nhân, lại nói cả đến tư-tưởng chính-trị, đạo trung-thứ, tôn-chỉ của giáo-dục, là lãnh-vực đức Khổng thành-công nhất, rồi ông thảo-luận cả đến các phái-hệ của nho-gia, tư-tưởng học thuyết của Mạnh-Tử, của Tuân-Tử. Phần Đạo-gia cũng được dành nhiều chỗ, để xét thế-hệ của Lão-học và tư tưởng, học-thuyết của Trang-Tử. Vấn-đề năm sinh và tịch-quán của Mặc-Tử cùng xuất-xứ của học-thuyết Mặc-Tử, Mặc-Kinh được cứu-xét kỹ-lưỡng trong chương nói về Mặc-gia. Tiếp theo đó là chương nói về Danh-gia (mà ba nhân-vật quan-trọng là Huệ-Thí 惠施 Hoàn-Đàm 桓譚 và Công-Tôn-Long 公孫龍) và sáu thiên Xích - phủ, Bạch - mã - luận, Chỉ - vật - luận, Thông - biến - luận, Kiên -

bach - Luận, Danh - thực - luận. Chương thứ 5 trong Thiên Tử - học dành cho Pháp-gia, còn chương thứ 6 dành cho nông gia, chương thứ 7 Âm-dương-gia, chương 8 Tung-hoàn-gia, chương thứ 9 Tật-gia.

Thiên Văn-học, không đầy đủ bằng những thiên kia, nhưng có xét đến ba văn-loại quan-trọng của người Trung-quốc, là văn-chương (chương 1), chia ra làm làm Tân-văn, Biền-văn, Thi-ca (chương 2), chia ra nhạc-phủ, cổ-thi, Cận-thể-thi, Từ-, Khúc, và cuối cùng là Tiểu-thuyết (chương 3), chia ra đời Chu, đời Hán, đời Lục-Triều, đời Đường, đời Tống, đời Nguyên, đời Minh, đời Thanh.

Để kể-luận bài giới-thiệu quá sơ-lược, ít phẩm-bình này, tôi xin dẫn lời tác-giả cuốn QUỐC-HỌC KHÁI-LUẬN, nói trong Phàm-lệ thứ 7 : ‘ Từ hồi Dân-quốc thành-lập, thơ-văn, kịch-bản, tiểu-thuyết viết bằng văn bạch-thoại có nhiều cái đáng kể. Song kỳ trung hoặc có thể-chế chưa thành-thực, hoặc nội-dung nhiều tư-tưởng chính-trị quá, nên bình-luận chưa tiện, bởi vậy còn còn thiếu phần đó », (Tr. 11) Sách QUỐC-HỌC KHÁI-LUẬN cho ta, một khái-luận vững trãi về nền quốc-học của Trung-hoa không hơn không kém, và vì thế đáng được các học-giả, sinh-viên, học-sinh ta chú-ý.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

KÍNH CÁO

- ★ *Cùng quý vị độc giả.*— Vì có nhiều bài cần đăng trọn trong số báo này, nên bài « **Lịch sử và ý nghĩa thơ tự do** » của Nguyễn Nam Châu sẽ đăng tiếp vào kỳ sau. Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.
- ★ *Cùng quý vị hội viên Hội V.N.N.C.L.L.V.H.Á.C.*— Quý vị nào thay đổi địa chỉ mới xin báo tin cho hội rõ, để tiện việc liên lạc và gửi báo. Đa tạ.

V.H.Á.C.

DIỀM SÁCH

2 — NGƯỜI YÊU TÔI KHÓC

Thi phẩm của THẾ-VIÊN

Tác giả xuất bản, 1959.

ĐƯỜNG-BÁ-BỔN viết

THE VIÊN là một nhà thơ bắt đầu vào nghiệp từ các tuần báo *Đời Mới*, *Thăm Mỹ* (1953, 1954) Văn Nghệ Mới, Văn Nghệ Tiền Phong. Thi phẩm đầu tay « *Người yêu tôi khóc* » do chính tác giả xuất bản vào năm 1959. Gồm ba chục bài thơ tình (*poème lyrique*), trình bày kèm phần trang nhâ, tuy nhiên bức họa của Lữ Hồ ở phần bìa có một hình ảnh thơ. Thế Viên có làm thơ tự do, song rất kém. Ông chuyên viết lối thơ thất ngôn như các nhà thơ tiền chiến, hoặc kháng chiến như Trần Quang Dũng, hoặc các bạn thi sĩ đồng thời như Hoàng Trú Ly, Thanh Thuyền, Tạ Ký... Nhìn vào ba mươi bài thơ tình của ông, « *Người yêu tôi khóc* » (lục bát), hay « *Của Em* » và những bài thơ còn lại đều là thất ngôn cả. Về lục bát, ông có vài bài thơ khá nòng đượm, tuy nhiên còn bị mắc một vài ước lệ, chẳng hạn khi cần tả một mẫu người đẹp, thái độ sầu, buồn, nhớ tiếc, ông vẫn chưa tìm được danh từ, âm thanh độc đáo, có bản sắc riêng biệt cho một lớp thi sĩ mới hôm nay rung cảm. Nói chung là ông vẫn chưa vượt được một *lục bát* của Nguyễn Bính. Song nhiều hình ảnh rất nòng nân, hình tượng sống có bản sắc. Những thi bản đặc sắc như « *Cuối cùng* » hay « *Của Em* » chân thành. Trong « *Của Em* » có một đoạn hay :

Của em là mộng là mơ
 Là bướm bướm trắng là thơ xuân hồng
 Của em chín bến mười sông
 Bao nhiêu hò hẹn cho lòng ngán ngơ

hoặc đôi khi rất Nguyễn Bình: (Mười hai bến nước)

Lạy giờ mở cửa đêm đêm
 Cho bướm bướm trắng hôn lên má hồng
 Cho mưa chín bến mười sông
 Để tôi thay áo làm chồng của em.

(CỦA EM trang 14)

Trong thơ — chất thơ của Thế Viên bộc lộ khá chân thành và sâu sắc. Vì thế nên tập thơ ông có bản sắc. Ông tránh được những tình cảm quá ư thông thường — tôi muốn nói đến khi đọc thơ của một tác giả nào — đầu tiên xem thi sĩ ấy có rung cảm với bản chất của mình không? nếu có — nghĩa là thi sĩ ấy đã không đứng trong loại nhà thơ tầm thường, chấp vá rung động của kẻ đi trước làm của mình. Cũng như Ilya Ehrenbourg trong « nhà văn với cuộc đời », ông nhận chân giá trị của một nhà văn mới bắt đầu — hay nói đúng hơn — tập làm nhà văn (nhà văn tập sự cũng thế): « Nếu anh không sống làm sao có cơ bản chủ yếu để viết. Tỷ dụ nếu anh chưa nhúc nhúc đầu bao giờ, khi phải tả đến xen nói về nhúc nhúc, tất nhiên là anh sẽ mượn hình ảnh của người đi trước ». (1) Tôi viết đến đây không quên rằng một nhà văn nghệ tài ba có thể có óc tưởng tượng phong phú, song bắt đầu cũng phải có sống mới có cơ hội tưởng tượng.

Ngày xưa, Xuân Diệu là nhà thơ của tuổi thanh xuân, ông nổi tiếng vì ông có hai lý do chính yếu: rung cảm phong phú bắt nguồn ở vốn sống sâu rộng, đậm thắm. Một nhà thơ nổi tiếng của thế kỷ này qua thế kỷ khác không những là phải có thiên tài, thêm vào đấy phải khổ công tu luyện. Ở Pháp, các nhà viết phê bình còn chia ra nhiều loại nhà văn nghệ nào là nhà làm ra lịch sử, hoặc lẽ ngẫu nhiên của công việc làm rồi thành nhà văn, loại này họ gọi là « *écrivain occasionnel* » (2) như Napoléon, như Pascal...) nhà văn chuyên nghiệp (*écrivain de métier*) sống chết với nghề khổ công tu luyện — nhà văn tài tử (*écrivain d'amateur*)...

Thế Viên tuy hôm nay chưa là một thi sĩ chuyên nghiệp, song ông đã nhận chân phần mình vào nghiệp. Thêm vào đây, ông có khả năng là một thi sĩ nổi tiếng — (xin nhớ *poète renommé* khác với *grand poète*) và muốn từ một

(1) Xin đọc thêm trong bài « Nhà văn với cuộc đời » bản dịch của Thế Phong, Văn Nghệ tập san số 4, 1955. Nguyễn Đăng Thục, chủ nhiệm.

(2) Có dịp tôi sẽ trở lại vấn đề này kỹ hơn.

thi sĩ nổi tiếng đến đại thi hào là một điều không dễ gì các nhà thơ hôm nay ai cũng có thể trở thành. Tạo ngay trong thiên bẩm thi tính của mình còn nhiều điều kiện đặc biệt khác nữa mới kết tinh được một Quách Thoại chẳng hạn — một thi sĩ không ai có thể thay thế cho ông — một nhà thơ có *esprit souterrain* và đem cuộc đời mình dựng sự nghiệp đã thành công.

Chúng tôi cho trích hai bài thơ điển hình cho khuynh hướng của thi sĩ Thế Viên là những bài thơ biểu hiện rung cảm từ cuộc đời đem vào thơ — tạo cho mình một bản sắc — thơ tình Thế Viên.

1.— MỘT MÌNH

*Dù gởi người yêu trên cánh tay
Chăn êm vẫn lạnh gió đêm dày
Thời gian vỗ cánh mờ hun hút
Tôi vẫn bơ vơ em có hay ?*



*Như một vầng trăng lên buổi sớm
Bao giờ tôi hiểu nắng ban mai ?
Khổ đau cười vỡ đôi mi mắt
Thương để sinh chi xác thịt này !*



*Đứng giữa cuộc đời quên lối đi
Hồn tôi tìm nẻo chết quay về
Cô đơn có đợi từ bên ấy
Hạnh phúc con người có chép ghi ?*



*Hay vẫn thương đau vẫn ngán ngơ
Dù tay em gởi vẫn bơ vơ ?
Nghìn đêm chẳng có vì sao rụng
Hay vẫn đêm đêm theo gió đưa ?*



*Xác thịt bao giờ mới nở hoa ?
Linh hồn khóc nước lệ chưa nhòa !
Hỡi ôi ! Năm tháng sầu đơn chiếc.
Tôi vẫn một mình như bóng ma !*

Trích trong NGƯỜI YÊU TÔI KHÓC trang 12

THẾ - VIÊN

Đôi khi Thế Viên muốn ngã sang siêu hình, nhưng ông chưa có đủ căn-bản để đi sâu vào ngành này. Nói đến thơ siêu hình như một TS Eliot, nghĩa sống trong thơ như Jacques Prévert — tranh đấu, đem đời sống bỏ đi vào thơ để lọc đãi nếp sống mới như F.G. Lorca, P. Éluard quả là một thể kỷ mới có được vài thi nhân như thế. Làm sao chúng ta có thể liễu lĩnh mà so sánh. Riêng Thế Viên đã nói lẽ sống (tinh thần) hay lẽ chết (thể xác) trong « Cuối Cùng », « Đau » đại để cũng chân thành và xúc động.

Kỹ thuật thơ của Thế Viên chịu ảnh hưởng « Kỹ thuật vàng son » (thanh âm, từ ngữ), của Vũ hoàng Chương tiền chiến, hơi thanh xuân tươi mát Xuân Diệu, kỹ thuật lục bát nhẹ nhàng chau chuốt Nguyễn Bính. Và đôi khi lẫn vào hồn thơ của Trần Quang Dũng — nhất là bài « Mộng sau xưa » của ông đôi câu bắt nguồn « Đôi bờ » Trần quang Dũng.

« Xa cách rồi em người mỗi ngã
 Kinh thành em có nhớ bên kia
 Giăng giăng phòng tuyến qua mưa bụi
 (1) (ĐÔI BỜ).

ở Thế Viên :

« Thối hết rồi em người mỗi ngã
 Ta về đò ấy đã sang ngang
 Dòng sông cách trở giăng phòng tuyến,
 Dịch Thủy hê ! em, Dịch Thủy Hàn ! » (trang 33)
 (NGƯỜI YÊU TÔI KHÓC)



Giữa hai tập thơ « Khát Vọng » và « Người Yêu Tôi Khóc », về mặt tình yêu Thế Viên sống sâu đậm hơn Chế Vũ. Thơ trữ tình (poème lyrique) của Chế Vũ mới chỉ là quét vôi, hoặc đi tìm mà thôi, chưa đặt mình vào trong căn bản đời tượng sống như Thế Viên.

Với những khả năng rồi rào, qua mỗi lối đi của mỗi thi sĩ, chúng tôi nhìn thấy đường đi ở tương lai, nhiều triển vọng mong ước.

2.— NGƯỜI YÊU TÔI KHÓC

Người yêu tôi khóc hôm qua
 Má hồng lệ nhò tay ngà chìm sao
 Tóc trôi mây nước thuở nào
 Đem bao tâm sự mà trao ân tình

(1) Tôi quên mất câu cuối.. Đ.B.B. chú thích.

Tôi còn gói mộng thư sinh
 Nỗi riêng riêng nghĩ một mình mà đau
 Ai nghìn xưa khóc nghìn sau
 Thư xanh nát mộng buồn đầu thối u ?
 Thế thì nhưng lựa nhầu hư
 Thế thì đành để tờ thư vô vàng
 Buồn gì một chuyến sang ngang
 Để cho trăng gió lữ làng người ôi !
 Bao nhiêu duyên đẹp của đời
 Và bao nhiêu chuyện của người tình xưa
 Chong đèn đọc trắng đêm mưa
 Bình hoa vỡ nát bây giờ còn đấy
 Lược gương nào trợn đôi tay
 Phấn son nào thấm má gầy tháng năm
 Nghĩ thương em đã một lần
 Sang sông rồi lại một lần về sông
 Tình duyên hai chữ đèo bồng
 Em như chiếc lá long đong giữa vời
 Buổi nào em mới gặp tôi
 Trang thư vẫn đẹp như thời mười lăm
 Vẫn không buồn chuyện sông Ngân
 Vẫn tươi như nụ tầm xuân đầu mùa
 Vẫn cầm duyên để đợi chờ
 Ngày tôi đốt pháo hai bờ xe hoa
 Nhưng giờ em của người ta
 Của người xưa ấy — khóc mà làm chi ?
 Thôi em khóc nữa ích gì ?
 Lau cho khô lệ kẻo mi em hồng !
 Tôi về khép kín thư phòng
 Đốt trầm hương để chuyện lòng chìm sâu
 Bao giờ gởi có mưa ngâu
 Bao giờ dạm liễu bên cầu thướt tha
 Bao giờ cấy bời ra hoa
 Tôi xin thưa với mẹ già tôi sang

*Xin em kết nghĩa đá vàng
 Bởi chưng em bị phụ phàng từ lâu
 Xưa em thích chuyện sang giàu
 Giờ em thích nói những câu chung tình
 Tôi về đẹp mộng thư sinh
 Xin em đừng khóc chúng mình lấy nhau*

Trang 55 đến 69

NGƯỜI YÊU TÔI KHÓC

THẾ-VIÊN

ĐƯỜNG BÁ BỔN

SÁCH MỚI

Văn Hóa Á Châu vừa nhận được :

LIÊU TRAI CHÍ DỊ nguyên tác của **BỒ TÙNG LINH**
 bản dịch của ông **NGUYỄN HOẠT**, do **Cơ Sở Báo Chí và**
Xuất bản TỰ DO gửi tặng. Sách dày hơn 200 trang, trình bày
 trang nhã giá bán 40 đồng. Xin cảm ơn dịch giả, nhà xuất bản và trang
 trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

V.H.Á.C.

Hoạt động của Hội V.N.N.C.L.L.V.H.A.C

Tháng Bảy 1959

I.— BUỔI HỌP CỦA CÁC TRƯỞNG TIỂU BAN.

THEO lời mời của Ông Tổng Thư Ký, các Trưởng Tiểu ban đã họp phiên họp bất thường tối 16-7-1959 tại nhà riêng Luật Sư Trần-Văn-Minh, Trưởng Tiểu Ban Chính-trị. Tờ dự phiên họp có các Ông : Lê-Xuân-Khoa, Nguyễn-Cao-Hách, Trần-Văn-Minh, Nguyễn-Đình-Hòa và Nguyễn-Khắc-Hoạch.

Hội đồng đã có nhiều quyết nghị quan trọng, và sau đây là những quyết nghị chính :

I.— Vấn đề nghiên-cứu của các Tiểu ban.

Bắt đầu từ tháng 9 sắp tới, Luật Sư Trần-Văn-Minh và Giáo Sư Nguyễn-Cao-Hách sẽ lần lần đăng lên nguyệt-san Văn-Hóa Á-Châu những bài Nghiên-cứu về chính-trị và kinh-tế. Những bài đó, tác giả có thể cho in thành sách sau khi đăng báo và Hội sẽ phụ trách việc xuất bản những sách đó. Quyền tác giả sẽ được thảo luận giữa Hội và các tác giả, theo nguyên-tắc căn bản.

Hội không nhằm mục đích vụ lợi mà chỉ cốt phổ biến văn hóa.

2.— Vấn đề học bổng đi nghiên-cứu tại nước ngoài

Về vấn đề này hội đồng quyết định thành lập 1 dự án về vấn đề nghiên-cứu gồm các điểm sau đây :

1) Diễn thuyết, liên lạc cho Hội và cổ động cho Hội.

2) Nghiên-cứu một vấn đề chuyên môn đã sửa soạn trước ở nhà. Tài-liệu nghiên cứu này sẽ thuộc quyền xử dụng của Hội sau này.

3) Đi nghiên-cứu tại các nước gần trước và thời hạn nghiên-cứu định là 15 ngày. Khi trở về sẽ báo cáo đầy đủ cho Hội về chuyến đi.

4) Khoảng tháng 9 sắp tới, Hội sẽ cử người đi nghiên-cứu

II.— PHIÊN THẢO LUẬN NỘI BỘ.

Tối 27-7-1959 hồi 20 giờ, Ông Phan Huy Đức, Hội viên của hội đã trình bày vấn đề : « *Kháng chiến Tây-Tạng hay là vấn đề sống chung giữa hai văn hóa xây dựng trên hai nền tảng khác nhau* » tại Hội-quán. Một số khá đông các nhà học giả và các vị Đại-đức hội viên đã đến dự buổi thuyết trình. Trong phần thảo luận nhiều vị đã phát biểu ý kiến một cách rất sôi nổi làm cho vấn đề trình bày lại càng được sáng tỏ thêm.

III.— DIỄN THUYẾT

Tối 30-7-1959 hồi 20 giờ Hội có tổ chức một buổi nói chuyện tại Giảng đường trường Đại Học Văn Khoa Saigon. Trước một số thính giả chọn lọc, Diễn giả Luật sư Trần văn Minh, Giảng sư trường Đại Học Luật khoa Saigon đã trình bày vấn đề : « *Vai trò của Quốc Hội tại các nền thuộc quốc Á Châu* », và đã được toàn thể thính giả nhiệt liệt hoan nghênh.

IV.— HỘI NGHỊ TRIẾT GIA ĐÔNG TÂY HỢP Ở HONOLULU.

Giáo sư Nguyễn đăng Thục, chủ tịch của bản Hội vẫn tiếp tục dự cuộc tham luận khóa hội thảo lần thứ ba của triết gia Đông Tây, mười năm tổ chức một lần. Xin nhắc lại, Chủ-tịch Ủy-ban triệu tập là bác sĩ Charles A. Moore. Khóa hội thảo họp từ 22 tháng 6 đến 31 tháng 7, 1959.

V.— HỘI NGHỊ GIÁO DỤC QUỐC TẾ HỢP Ở WASHINGTON.

Ông Lê xuân Khoa, Tổng thư ký của bản Hội lên đường sang Mỹ vào ngày 20 tháng 7 để dự khóa hội thảo giáo dục quốc tế lần thứ tám tổ chức ở Washington, với tư cách là Tổng thư ký Tổng Hội giáo giới Việt Nam. Khóa hội thảo này do tổ chức Liên bang Giáo giới quốc tế (*World Confederation of Organisations of the Teaching Profession, W.C.O.T.P*) bắt đầu khai hội từ 26 tháng 7 đến 12 tháng 8, 1959 ở Washington (Mỹ).

Ngày 31 tháng 7, ông Lê xuân Khoa đã lên diễn đàn trình bày « *lược đồ tổng hợp giá trị văn hóa Đông Tây* » trước 700 trí thức, học giả giáo giới cao cấp quốc tế (70 nước dự hội nghị này, trong đó có Việt Nam). Kết quả của buổi thuyết trình này đã được học giả, trí thức các nước nhận chân giá trị và hoan nghênh nhiệt liệt. Ủy-ban tổ chức khóa hội thảo giáo dục quốc tế này là Bác Sĩ William G. Carr, Tổng thư ký ban chấp hành N.E.A. (Mỹ) và là Tổng Thư Ký Hội Thảo Giáo Giới quốc tế (W. C. O. P.) và Chủ tịch Ronald Gauld Tổng thư Ký Hội Giáo

Giới Anh Quốc. Mục đích cuộc gặp gỡ của các giáo sư, trí thức Đông Tây là vấn đề trao đổi kinh nghiệm cho việc cải tiến nền giáo dục và gặp gỡ thân mật giữa các quốc gia trong thế giới tự do.

Cùng trong khoảng thời gian ấy, giám đốc viện Nghiên Cứu Á Châu (*Institute for Asian Studies*), ông Samuel Chu mời ông Lê-Xuân-Khoa đến họp hội nghị tại Đại học đường Bucknell, thuộc Lewisburg, (*tiểu bang Pennsylvania*) (cách Hoa Thịnh Đốn 360 cây số). Ông Tổng Thư Ký bản Hội đã xin phép Hội Nghị đến gặp ông Samuel Chu vào những ngày 29, 30, 31, tháng 7 để cùng thảo luận trao đổi vấn đề nghiên cứu Văn Hóa Á Châu.

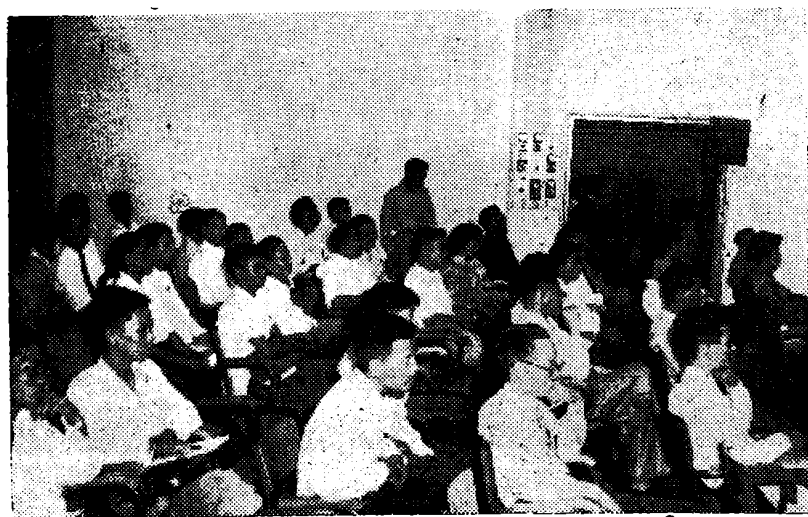
Ông Lê-xuân-Khoa dự hội thảo của Viện Nghiên-Cứu Á-Châu ở Mỹ. (của ông Samuel Chu) cùng với các giáo sư sử địa trên thế giới trong khuôn khổ của chương trình *« tìm hiểu lẫn nhau giữa các dân tộc »*. Sáng hôm 31, 7 thảo luận về vấn đề *« Lịch sử Việt Nam hiện đại »* dưới sự hướng dẫn của ông Samuel Chu. Hội nghị có nhã ý mời ông Khoa nói về sinh hoạt xã hội Việt-Nam. Ông Khoa nhận lời. Sau cuộc hội thảo, nhiều sinh viên hỏi ông Lê-xuân-Khoa về các vấn đề có liên hệ đến V.N. Cuộc hội thảo này đem lại nhiều kết quả, toàn thể hội nghị đã hoan nghênh nhiệt liệt.



Hình ở trang 91 và cuối trang 92 : Quý vị thánh giả và hội viên của bản Hội tới nghe cuộc diễn thuyết của luật sư Trần-văn-Minh.



Diễn giả luật sư Trần-văn-Minh trình bày vấn đề « Vai trò Quốc-Hội
tại các tiểu nước quốc Á-Châu » hôm 30-7-1959 tại Giảng-Đường
Đại học Văn-khoa Saigon.



VĂN-HÓA Á-CHÂU

Từ tháng 1 đến tháng 7 - 1959

Số 10, Tháng 1-1959

Nguyễn đăng Thục : Ý nghĩa ngày kỷ niệm nhà hiền triết Nguyễn Công Trứ.

Nguyễn khắc Hoạch : Lý tưởng kẻ sĩ trong thi văn và ngoài cuộc đời Nguyễn Công Trứ.

Hoàng văn Chí : Nhận định về vụ Boris Pasternak và cuốn « Bác Sĩ Zhivago ».

Trần Việt Sơn : Thanh niên thời hậu chiến.

Đoàn Thêm : Một khuynh hướng mới trong tổ chức hành chính các nước Đông Nam Á.

Thái văn Kiểm : Người Việt đầu tiên tới nước Mỹ.

P. J. Honey : Vài nhận xét về văn phạm Việt Nam.

Sở Cường Lê Dư : Kiến văn Lục.

W. F. Stutterholm : Lịch sử những mối tương quan giữa Đông Dương và Java trong những thời cổ.

Sơn Nam : Tìm hiểu Hậu Giang.

Số 11, Tháng 2-1959

Nguyễn đăng Thục : Bình luận quan điểm của NERU về đường lối văn hóa Nhân bản của Á Châu.

Phan Khoang : Chung quanh vấn đề dung hợp văn hóa Đông Tây.

Nguyễn đình Hòa : Công cuộc cải cách văn tự và ngôn ngữ của người Trung hoa.

Trà giang Mặc tử : Mùa xuân Đông Phương qua Đường Thi.

Lê Văn : Tìm hiểu dưa hấu Cầu Đức.

Thế Phong : Từ nếp sống văn hóa Thái đến một cuộc đời.

Thạch Trung Giả : Tìm hiểu chân tướng Ôn như Hầu qua Cung Oán ngâm khúc.

Huyền Quang : Nghệ thuật viết chữ Hán.

Số 12, Tháng 3-1959

Ngô đình Nhu : Vài nhận xét về nguyên tắc xã hội trong triết lý truyền thống Á-Đông.

J. Nehru : Nguyên lý căn bản.

Từ Chung : Ảnh hưởng của kỹ thuật tại những miền hậu tiến.

Trần Việt Sơn : Những khuynh hướng kinh tế mới trong khối Cộng.

Nguyễn Quý Văn : Thực phẩm tinh thần cho thanh niên.

Bhiksu Đức Nhuận : Phật giáo V.N.

Nguyễn Khắc Ngữ : Sơ khảo văn hóa Chiêm Thành.

Sở Cường Lê Dư : Kiến văn Lục, Xiêm La lữ thứ.

Số 13, Tháng 4-1959

Lê xuân Khoa : Sát với thực tế.

Nguyễn đăng Thực : Nhân bản Á-Đông với văn hóa dân tộc và nhân loại.

Richard A. Gard : Những yếu tố căn bản của vấn đề liên lạc văn hóa Đông Tây.

Trần Việt Sơn : Chế độ kinh tế ở Trung hoa.

Hoàng Quang : Khu vực văn hóa Đông Nam Á.

Hoài kim Yến : Hôn nhân qua các nền văn hóa.

Phạm xuân Thái : Vài nhận xét về văn phạm Việt Nam.

Nguyễn đình Hòa : Công cuộc cải cách văn tự và ngôn ngữ của người Trung hoa (tiếp theo).

Nguyễn Nam Châu : Điềm sách «Bốn Mười» và «Siu Cô Nương» của Mặc Đỗ.

Số 14 Tháng 5-1959

Nguyễn đăng Thực : Đông Nam Á với thế giới.

Từ Chung : Vấn đề viện trợ cho những miền hậu tiến.

Hoàng Quang : Khu vực văn hóa Đông Nam Á (II) : Nam Dương Quần Đảo.

Nguyễn nam Châu : Niềm hy vọng của con người theo Thierry Maulnier.

Thế Phong : Bài học cách mạng qua một bài thơ xướng họa của Phan văn Hùm và Nguyễn trung Nguyệt.

Phan lạc Tuyên : Bàn về một vài thể trận trong binh pháp Á-Đông.

Hoài kim Yến : Hôn nhân qua các nền văn hóa (II) Hình thức hôn nhân thời khởi thủy.

X. S. : Một cuộc thăm viếng đáng ghi.

Lan Việt : Điềm sách «Đời Phi Công» của Toàn Phong.

Số 15, Tháng 6-1959

Trần Việt Sơn : Đông Nam Á trước thời cuộc mới.

Lý cự Trung : Địa vị văn hóa Ấn Độ trong tư tưởng Tây Phương.

Hoàng Quang : Khu vực văn hóa Đông Nam Á (III) : Khu duyên hải miền Nam.

Vũ Lang : Cổ tích Chăm và V. N.

Phan Khoang : Chính sách khai phóng môn hộ đối với Tây Phương của V.N. thời xưa.

Nguyễn nam Châu : Lịch sử và ý nghĩa thơ tự do. (1)

Số 16, Tháng 7-1959

Trần Việt Sơn : Những hình thức mới trong vấn đề Tây Tạng.

Hoàng chính Văn : Nho giáo và Phật giáo.

Từ khánh Dư : Văn hóa Trung hoa dưới mắt các nhà học giả cận đại.

Trần kinh Hòa : Nước V.N. trong khoảng Ngũ Đại và đầu thời Tống.

Vũ Lang : Cổ tích Chàm và Việt Nam (tiếp theo và hết).

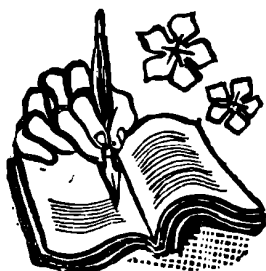
Hoài kim Yến : Hôn nhân qua các nền văn hóa. (III) Hôn nhân cổ La Mã.

Vũ ngọc Truy : Quyền tác giả hay quyền sở hữu ?

Nguyễn nam Châu : Lịch sử và ý nghĩa thơ tự do. (2)

Thế Phong : Văn học miền Nam 1945-1950 : Dương tử Giang và Thầm thế Hà. (1)

Đường bá Bồn : Điềm sách « Khát Vọng » thi phẩm của Chế Vũ.



ĐÓN ĐỌC NGUYỆT SAN :

SINH-LỰC

Cơ-quan Văn-Học, Nghệ-Thuật, Chính-trị, Xã-hội xuất-bản ngày 25 mỗi tháng.

Dày 100 trang, giá 18 đồng.

Số 8 ra ngày 25 tháng 8 năm 1959.

Độc và cổ động cho nhật báo :

Tự Do

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ DO

Độc và cổ động cho :

GIÓ - MƠI

**BÁN NGUYỆT SAN VĂN - NGHỆ GIÁO - DỤC
XUẤT BẢN VÀO NGÀY 5 VÀ 20 MỖI THÁNG**

Chủ bút : NGUYỄN - SA

với sự cộng tác của các cây bút quen thuộc :

T. V. S, THẾ-VIÊN, LÊ-HUY-OANH, THẠCH-HÀ...

Giá bán 6đ mỗi số.

NGUYỆT-SAN VĂN-HÓA Á-CHÂU

TRONG NHỮNG SỐ TỚI :

Triết lý nhân bản sách Khóa Hư (Nguyễn Đăng Thục) — Những cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa Đông Nam Á với Tây Phương (Phan Khoang) — Lịch sử Hán học truyền vào Việt Nam (Huyền Quang) — Lịch sử và ý nghĩa Thơ tự do : Một tâm-trạng của thời đại (Nguyễn Nam Châu) — Văn học miền Nam 1945-1950 : Vũ anh Khanh (Thế Phong) — Claude Monet với họa phái ấn tượng (Phạm Kim Khải) — Hồ Quý Ly với nhà Hồ (Tô Nam) — Âm nhạc cận Kim Lào (Trần Trọng Thiện và Lê Thương) — Hồn nhân theo Kì Tô Giáo (Huài Kim Yến) — Pasternak và Cholókov : hai nhân chứng, một thế giới...

Và nhiều bài vở giá-trị khác.

GIÁ BÁO DÀI HẠN (Phần Việt-ngữ)

MỘT NĂM : 240,00

SÁU THÁNG : 120,00



Thư từ, bài vở gửi cho :

LÊ-XUÂN-KHOA

Tiền bạc, ngân phiếu gửi cho

TRỊNH-HOÀI-ĐỨC

Tòa-soạn : 201, **LÊ-VĂN-DUYỆT** — SAIGON

Đ. T. Saigon 24 655

Chủ nhiệm :

NGUYỄN ĐĂNG THỤC

亞洲文化

In tại nhà in riêng của VĂN-HÓA Á-CHÂU
Quản-lý TRỊNH-HOÀI-ĐỨC

GIÁ : 20\$00
Công sở: 30\$00